

Văn nghệ GIA LAI

TẠP CHÍ CỦA HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH GIA LAI

<https://vannghegialai.vn/>

TRONG SỐ NÀY



Số 12

Tháng 9.2026

- ★ Tổng Biên tập:
TRẦN QUANG KHANH
- ★ Tòa soạn:
103 Phan Bội Châu
Phường Quy Nhơn - Gia Lai
- ★ ĐT: (0256) 3822167
(0256) 3822187
- ★ Email:
vannghegialai@gmail.com
- ★ Tạp chí điện tử:
<https://vannghegialai.vn>
Email: vannghegialaientu@gmail.com

Thời đàm

DƯƠNG HIẾU * Vượt qua hai con số 3

Ghi chép

GIA BẢO * Lớn khôn bên cửa tử bi 5

Thơ

ĐÀO AN DUYÊN, DUYÊN AN, NGUYỄN ĐỨC PHÚ THỌ, LÊ TUYẾT LAN, TRẦN THỊ
TÚ NHI, HỒNG PHÚC, TRẦN XUÂN TRỌNG, VĨNH TUY

Truyện ngắn

QUỐC VIỆT * Đêm mười sáu 28

NGUYỄN HỒNG * Dương tử 35

Nghiên cứu - Phê bình

VÕ MINH HẢI * Dấu ấn địa danh Chăm,
di sản cần được bảo tồn và đánh thức 43

HỒ XUÂN TOẢN * Biểu tượng phồn thực và quan niệm tái sinh
trong lễ bỏ mả của người Jrai ở Gia Lai 46

Độc sách

ĐỨC LINH * Khảo chứng về làng, xã Bình Định xưa và nay 51

Gương mặt hội viên

VĂN PHI * Nhà thơ Lê Bá Duy: Mang quê hương theo những mùa thơ 54

Văn học trong nhà trường

LÊ TRỌNG NGHĨA * Ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình trong hội họa 60

Văn học nước ngoài

RAY BRADBURY (Mỹ) * Thảo nguyên châu Phi * TRẦN NHƯ LUẬN (dịch) 64

Văn trẻ

NGUYỄN VĂN * Mùi của mẹ 73

Thơ NGUYỄN CHÍ NGOAN, NGUYỄN LÊ HẢI ĐĂNG 77

Văn học thiếu nhi

LÊ PHA LÊ * Giải mã hang Gió 79

Thơ TRẦN ĐÌNH NGÔN, LAM KHUÊ, LÊ HỒNG THIÊN 89

Đất và người Gia Lai

NGUYỄN THANH QUANG * Về tên gọi Quy Nhơn qua các thời kỳ 89

Tản văn

LINH CHÂU * Mắt lành giếng quê 96

Âm nhạc - Mỹ thuật - Nhiếp ảnh

NGUYỄN THẾ TUYÊN, NGUYỄN NGỌC ÁNH, TRẦN NGỌC SƠN - BÙI THỊ KIM DUNG, HOÀNG THỊ PHƯƠNG, ĐINH VIỆT THANH, CHÍ DŨNG, NGUYỄN THỊ KIM OANH, ĐẶNG VIỆT HÀ, NGÔ VĂN PHÚ, NGUYỄN XUÂN QUANG, TRIỆU TIẾN DŨNG - HUY TỊNH, NGUYỄN THANH HÙNG, PHẠM CÔNG QUÝ

Tranh bìa 1: *Trong sương sớm* (Lụa). Họa sĩ LÊ HOÀNG ANH

Bìa: Họa sĩ **Lê Duy Khanh**

Trình bày: **Kim Sơn**

*Giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử số 17/GP-BTTTT
của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 13.01.2023*

*In 500 quyển, khổ 16x24cm, 108 trang tại Công ty In Nhân Dân Bình Định,
339-341 Trần Hưng Đạo. ĐT: 02563822810*

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9.2026

Giá bán: 20.000 đồng

Vượt qua hai con số

DƯƠNG HIẾU

Hai con số đó là mục tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh Gia Lai được xác định trong năm 2026. Chính xác mục tiêu này là “10,2% trở lên”. Đó không còn là chỉ tiêu phấn đấu mà đã là một mệnh lệnh bắt buộc. Ngày 11.8, trước khi năm 2026 kết thúc đúng 140 ngày, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai Phạm Anh Tuấn ký ban hành Chỉ thị số 17/CT-UBND về tập trung công tác chỉ đạo, điều hành thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt từ 10,2% trở lên. Chỉ thị “về tập trung công tác chỉ đạo, điều hành” nghĩa là đặt vị trí chủ thể chính là lãnh đạo, mà cụ thể là người đứng đầu các cấp, các ngành...

Theo Chỉ thị này, thời gian qua, các sở, ban, ngành, địa phương đã tập trung triển khai các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm 2026 tăng 8,21%. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu, ngành, lĩnh vực, địa phương chưa đạt kịch bản đề ra; tiến độ giải ngân đầu tư công, giải phóng mặt bằng, triển khai một số dự án còn chậm; hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần tập trung tháo gỡ.

Việc tăng trưởng GRDP chủ yếu phụ thuộc vào các chỉ số sản xuất công nghiệp, tiến độ các dự án, sản lượng, sản phẩm chủ lực, khối lượng xây dựng, giải ngân đầu tư công, hoạt động thương mại dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, hoạt động của các doanh nghiệp... Sau gần một tháng thực hiện Chỉ thị, với tinh thần không chấp nhận tăng trưởng thấp, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và dư địa phát triển; làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, đồng thời thúc đẩy mạnh các động lực tăng trưởng mới, ngày 8.9, tại Hội nghị trực tiếp và trực tuyến, UBND tỉnh đánh giá: 8 tháng qua, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,84%; có 69 dự án đi vào hoạt động với tổng vốn 9.516 tỷ đồng, trong đó có 15 dự án trọng điểm với tổng vốn 8.376 tỷ đồng; hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng trưởng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 150.578 tỷ đồng, tăng 14,4%; lượng khách du lịch đạt khoảng 12,41 triệu lượt, tăng 24,8%, doanh thu ước 26.810 tỷ đồng, tăng 24,5%; thu hút 198 dự án đầu tư, vượt 16,47% kế hoạch và tăng 46,67% so với

cùng kỳ; tổng vốn đầu tư hơn 180.000 tỷ đồng, gấp 2,42 lần cùng kỳ năm trước. Đến ngày 31.8, thu ngân sách trên địa bàn đạt 20.153 tỷ đồng, bằng 72,3% dự toán năm, tăng 15,8% so với cùng kỳ... Có thể nói kết quả này đang trên đà tiệm cận với mục tiêu đề ra. Dù vậy, vẫn còn đó những điểm nghẽn trong xử lý công việc như thu hút đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; bồi thường giải phóng mặt bằng; thủ tục đất đai, tài nguyên... Thực tế dư địa tăng trưởng trong những tháng còn lại rất lớn, song một số ngành, sản phẩm, dự án và nguồn lực chưa phát huy đầy đủ.

Tính đến cuối tháng 9 này là còn chưa đến 100 ngày nữa để thực hiện trọn vẹn mục tiêu 2 con số! Việc nhận diện khoảng cách giữa thực tế và mục tiêu cần được các đơn vị tham mưu bạch hóa hàng tuần để lãnh đạo nắm rõ độ lệch của các chỉ tiêu mà chỉ đạo, can thiệp. Việc "tập trung công tác chỉ đạo, điều hành" rất cần những báo cáo kịp thời và cụ thể. Đó là các báo cáo không chỉ nêu khó khăn mà phải làm rõ điểm nghẽn, chỉ ra giải pháp và chủ thể thẩm quyền xử lý. Và nếu một dự án, một động lực có ảnh hưởng đến tăng trưởng bị chậm hoặc không thể hoàn thành theo tiến độ thì cần chọn lĩnh vực nào khác để thay thế...

Còn chưa đến 100 ngày nữa để đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án, nhất là dự án trọng điểm, quy mô lớn và có khả năng tạo giá trị tăng thêm trong năm 2026; để thực hiện quyết tâm giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công. Lãnh đạo các cấp, các ngành, các xã, phường cần bố trí cán bộ phù hợp, tập trung tháo gỡ vướng mắc về giải phóng mặt bằng, đất đai, tái định cư... đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và đôn đốc các dự án triển khai đúng tiến độ. Người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo những việc lớn, việc khó, việc phức tạp, liên ngành và các điểm nghẽn kéo dài; tăng cường đi cơ sở, kiểm tra công trình, dự án, làm việc với nhà đầu tư, doanh nghiệp, lắng nghe người dân để xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền. Hiệu quả công việc, tiến độ, sản phẩm và chuyển biến thực tế là thước đo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Một trong những điểm nghẽn cần tháo gỡ ngay trước mắt và lâu dài đó là đẩy mạnh hơn nữa công cuộc cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các khâu trung gian, rút ngắn thực chất thời gian giải quyết hồ sơ, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, tài chính và môi trường. Cải cách thủ tục hành chính tạo ra lợi ích kép với người dân, doanh nghiệp và công chức; giúp giảm thiểu thời gian và chi phí; khai thác tái sử dụng dữ liệu là sự giảm tải cho cán bộ công chức trong xử lý công việc. Thước đo hiệu quả của cải cách thủ tục hành chính là tạo ra sự thay đổi như thế nào chứ không phải tính đã làm được bao nhiêu đầu việc.

Có lẽ chưa bao giờ sự thúc bách phải nỗ lực vì tăng trưởng hai con số đặt lên cả hệ thống chính trị, đặc biệt là đối với những người đứng đầu các cấp, các ngành như những ngày này. Song giống như than để trở thành kim cương, áp lực và sự thúc bách là để chúng ta có một kết thúc của năm 2026 tỏa sáng với sự tăng trưởng vượt ngưỡng hai con số!

D.H

Lớn khôn bên cửa từ bi

GIA BẢO

Tháng Chín, chùa Mỹ Hóa (xã Hòa Hội, tỉnh Gia Lai) rộn tiếng trẻ thơ. Ít ai biết, dưới mái chùa thanh tịnh ấy, 43 đứa trẻ mồ côi đang lớn lên trong sự chở che của sư Thích Nữ Minh Tâm. Mỗi em một phận đời, hết thầy đều chịu nhiều mất mát cùng gặp nhau dưới mái chùa này.

Phận trẻ côi

Nói đến chùa Mỹ Hóa, người dân khắp vùng này ai ai cũng biết và biết nhiều về tấm lòng nhân hậu của sư trụ trì Thích Nữ Minh Tâm. Gần 20 năm nay, sư trú bỏ những riêng tư để mưu mang những đứa trẻ mồ côi. Sư Minh Tâm trải lòng: “Ngày tôi mới về trụ trì, chùa chỉ nhận nuôi một vài trẻ mồ côi do người ta mang đến gửi. Nhưng rồi sự đời lắm nỗi bể dâu, các cháu dồn về đây mỗi lúc một nhiều hơn...”.

Chùa đang nuôi dạy 43 trẻ. Mỗi em mang một hoàn cảnh, một câu chuyện đời riêng. Có em bị bỏ lại trước cổng chùa khi rốn còn chưa khô; có em mất cả cha lẫn mẹ sau những biến cố bất ngờ. Có em được người thân đưa đến gửi trong những ngày gia đình ly tán, kiệt quệ. Cũng có em khuyết tật bẩm sinh, bị chính người thân đưa đến...

Đã mười mấy năm trôi qua, sư Minh Tâm vẫn không thể quên trường hợp của bé Thảo sớm mồ côi cha, bị mẹ bỏ lại cho bà nội tàn tật mù lòa để đi lấy chồng. Bà nội phải gục nước mắt đưa Thảo đến chùa.

Mỗi đứa trẻ, đến với chùa bằng những con đường khác nhau, bằng đủ những vết thương lòng nhưng đều có một điểm chung là thiếu thốn một mái ấm, thiếu thốn bàn tay yêu thương từ người mẹ. Những đứa trẻ thơ ngây chưa kịp hiểu hết sự khắc nghiệt của cuộc đời nên chúng vẫn hồn nhiên đón nhận niềm vui bằng tất cả sự trong sáng vốn có. Chúng chạy nhảy quanh sân chùa, đùa nghịch, giằng

co từng chiếc bánh. Có em vừa nhận được phần quà từ khách thập phương đã rồi rít quay sang khoe với bạn. Có em cứ lú lú nín chặt lấy vạt áo hay bàn tay người xa lạ, mắt ngược nhìn như sợ người ta sẽ quay lưng đi mất.

Sư Minh Tâm cho biết, các em ở đây đều được nhà chùa khai báo với chính quyền, làm đầy đủ giấy tờ, tạo điều kiện cho đi học như bao đứa trẻ bình thường khác.

Làm mẹ giữa chùa

Chăm sóc tử tế cho một đứa trẻ bình thường vốn đã không dễ, nuôi dạy 43 đứa trẻ, mỗi đứa một tính cách, một hoàn cảnh với nhiều lứa tuổi khác nhau là một thách thức của sự nhẫn nại. Chúng tôi gặp bà Lê Thị Thanh Hương, nhà ở cách chùa không xa, là người thường xuyên đến chùa làm công quả. Bà chia sẻ rằng, đa số các bé ở đây là con của những sinh viên, học sinh trót lầm lỡ. Khi đưa về chùa, sư cô đều đặt chữ “Tâm” trong tên đệm cho các bé, như Tâm Thành, Tâm Hòa, Tâm Bình... Cái tên mỗi em cũng là lời gửi gắm, là niềm hy vọng cháy bỏng của sư cô về một cuộc đời thiện lương, bình an và giàu lòng nhân ái về sau. Bà Hương giọng xúc động: “Những đứa trẻ ở đây khát tình yêu thương lắm. Chúng thèm hơi ấm người lớn đến mức cứ thấy ai vào thăm là lại quần quýt, sà vào lòng đón chào nồng nhiệt. Dù điều kiện nhà chùa còn nhiều thiếu thốn khó khăn, nhưng dưới bàn tay sư cô, các bé vẫn được chăm bẵm, học hành vô cùng chu đáo, từng bước trưởng thành”.



Sư Minh Tâm và các em nhỏ ở chùa. Ảnh: G.B

Chúng tôi được biết, việc chăm nom các bé chủ yếu sư do cô Minh Tâm đứng ra gánh vác cùng sự hỗ trợ hết lòng của hai cô phụ tá và các tình nguyện viên địa phương. Năm giờ sáng, khi tiếng chuông chùa vang vọng trong không gian tĩnh lặng của màn sương, sư Minh Tâm đã thức dậy. Trong lúc các em nhỏ cùng mọi người trong chùa chuẩn bị tụng kinh buổi sáng, sư lặng lẽ xuống căn bếp nhỏ, cầm từng nồi cơm, đun những ấm nước, rồi lại nhẹ nhàng trở lên chánh điện để ý việc tụng kinh của lũ trẻ. Thỉnh thoảng sư Minh Tâm lại đổi món cho cả nhà bằng việc tự làm bánh bèo, bánh xèo... Bữa sáng xong xuôi, sư lại thúc giục, sửa soạn quần áo, sách vở cho các em nhỏ kịp giờ đến trường. Quý thời gian trong ngày ít ỏi mà khối lượng công việc thì chất chồng, nhưng việc chăm sóc các em chưa bao giờ được sư xem là chuyện có thể làm qua loa hay phó mặc cho ai.

Dù có người phụ giúp, sư vẫn trực tiếp quản lý từng chuyến xe đưa đón các em nhỏ đi học, để ý từng bữa cơm, giấc ngủ. Với những đứa trẻ sớm thiếu vắng vòng tay cha mẹ, sự quan tâm ấy tạo nên một cảm giác được chở che an toàn... "Các con đã chịu quá nhiều thiệt thòi. Các con đến với chùa cũng là cái duyên. Tôi chỉ mong làm được gì đó để bù đắp phần nào những thiếu hụt trong cuộc đời các con", sư Minh Tâm trải lòng.

Ở chùa, có một chiếc xe kéo rất lạ đã trở thành một người bạn đồng hành với sư Minh Tâm. Sư dùng chiếc xe ấy để đi chợ, chở từng bao gạo, bó rau...; và cũng chiếc xe ấy những chiều chở đầy tiếng cười của các em nhỏ. "Các con xếp hàng ngay ngắn nào!", sư hay nhắc nhở các bé nhỏ như thế trước khi khởi hành. Các bé ngoan ngoãn lần lượt bước lên xe... Sư cẩn thận sắp xếp cho từng em ngồi thật ngay ngắn, an toàn. "Hình ảnh chiếc xe chầm chậm lăn bánh trên con đường làng, mang theo những gương mặt ngây thơ rạng rỡ, những tiếng cười giòn tan trong trẻo đã thành hình ảnh gắn gũi với người dân ở đây", bà Lê Thị Thanh Hương nói với chúng tôi.

Trong những món quà nhỏ mà các em tự tay làm để dành tặng cho "sư phụ Minh Tâm" dịp khóa tu mùa hè, có những trái tim bằng giấy màu đỏ, màu vàng được cắt dán nắn nót. Trên đó là những dòng chữ chan chứa một thứ tình cảm thiêng liêng. Chúng tôi đọc được trên trái tim bằng giấy màu vàng của em Hồ Tâm Như: *"Con mong rằng nếu có thể làm lại, mẹ đừng bỏ con nữa. Con mong sư phụ con khỏe mạnh và không còn đau nữa. Con mong con học thật giỏi để sư phụ không buồn vì con nữa. Con mong sư phụ sống thật lâu để cảm thấy tự hào với những điều sư phụ muốn con làm tiếp con đường của sư phụ"*. Những dòng chữ có gạch xóa đôi chỗ thể hiện rõ sự đắn đo rất nhiều của em. Những lời xước xát ấy khiến chúng tôi lặng đi...

Nhịp cầu yêu thương

Tôi nhớ chuyến đi lên chùa Mỹ Hóa hồi tháng trước cùng chị Dương Thu Vân và nhóm bạn trẻ từ Quy Nhơn. Vừa thấy bóng người ngoài cổng, lũ trẻ đã ríu rít ùa ra, hồn nhiên như đón những người thân đi xa trở về.

Đoàn chúng tôi mang theo linh kinh quà bánh, tập vở mới, nước ngọt, sữa tươi, 100 kg gạo và một chút tiền mặt gửi tặng các em. Những món quà chẳng thấm vào đâu so với nhu cầu của một mái nhà có tới 43 đứa trẻ, nhưng niềm vui trên những gương mặt nhỏ thì không thể cân đong bằng vật chất. Chị Dương Thu Vân đứng lặng nhìn lũ trẻ, giọng chùng xuống: “Các em ở đây “thèm” hơi ẩm người lớn lắm. Hễ thấy ai đến thăm là đứa nào đứa nấy tranh nhau chui tọt vào lòng người ta ngồi miết không chịu ra. Nhìn bọn trẻ mà thương đến thắt ruột, lại càng kính phục và thương sư cô Minh Tâm, vì sư đã rút trọn ruột gan cho các con”.

Sau khi trao quà, nhóm bạn của chị Vân nấn ná thật lâu chỉ để được ở bên, chơi đùa cùng các em. Người thì bế bồng, vỗ về các bé còn ốm ngửa. Người lại ngồi bệt xuống nền gạch mát lạnh, cẩn thận bóc từng chiếc kẹo ngọt rồi rử rỉ kể cho tụi trẻ nghe câu chuyện cổ tích. Một hình ảnh đẹp và xúc động cứ neo lại trong tâm trí tôi suốt những ngày sau đó. Đó là hình ảnh cậu bé chừng ba tuổi cầm chiếc kẹo vừa được tặng lon ton chạy đến chia về phía các cô trong đoàn như muốn mời mọi người cùng ăn. Đứa bé tội nghiệp ấy còn quá nhỏ mà đã biết chia sẻ niềm vui được quà với những người xung quanh.

Là người làm nhịp cầu kết nối và hỗ trợ sư Minh Tâm cùng các cháu nhỏ mồ côi suốt nhiều năm qua, nhà thơ Minh Đan (quê Tây Sơn, Bình Định cũ; hiện sống tại TP. HCM) đã thổ lộ: “Tấm lòng bao la, từ bi của sư cô Minh Tâm thực sự là một điểm tựa vô cùng ấm áp, một bến đỗ bình yên cho biết bao phận đời bất hạnh. Có thể nói, hành trình nuôi dạy gần 50 đứa trẻ mồ côi, kéo dài suốt từ những ngày còn ốm ngửa, đỏ hỏn cho đến lứa mười sáu, mười bảy tuổi đầy những biến động tâm lý đòi hỏi một tình yêu thương bao la, vô bờ bến cùng một sự nhẫn nại, bền bỉ phi thường mỗi ngày của sư cô cùng các Phật tử làm công quả tại chùa”.

Được biết, mỗi năm khoảng 4 đến 5 lần, nhà thơ Minh Đan cùng các thành viên trong Quỹ Từ Tâm Tây Sơn đều lặn lội tìm về Gia Lai để đến thăm các em nhỏ ở chùa Mỹ Hóa, trao những phần quà thiết thực, sẽ chia bớt những gánh nặng trên vai sư cô. “Chúng tôi sẽ tiếp tục làm tốt vai trò chiếc cầu nối nhịp thương yêu, gắn kết những tấm lòng vàng của các nhà hảo tâm trong và ngoài nước, để cùng chung tay tiếp sức cho sư cô trên hành trình gieo mầm yêu thương đầy gian khổ nhưng cũng vô cùng cao quý này, giúp các em có thêm điều kiện học hành, trưởng thành và có một tương lai tốt đẹp hơn”, chị Minh Đan nói.

Khi chia tay chùa Mỹ Hóa, các em và sư bịn rịn đưa tiễn đoàn ra tận xe. Ngoảnh đầu nhìn lại, hình ảnh sư Minh Tâm đứng trước cổng chùa, xung quanh là đàn con nhỏ đang túm tụm níu vạt áo sư, khiến lòng chúng tôi xúc động khó tả. Giữa những giông bão và gập ghềnh của biến cố cuộc đời, lòng mẹ bao la của người tu hành nơi thiền môn đã và đang tạo dựng nên một mái ấm tràn ngập tình người, để những em bé mồ côi tìm được một bến đỗ bình yên mà khôn lớn...

G.B

ĐÀO AN DUYÊN

Bên sông

Chiều chậm chậm trôi đi trên sóng
người ngồi bên sông
sợ lay động làn mây đáy nước
lòng sông đứng cả mùa hè

Có đôi mắt đã từng trong veo
bông hoa nở đỏ ngày chớm hạ
nắng vương trên phận người
qua bên kia sông đã là ngày khác

Vớt một vạt nắng chiều
mái chèo khua đáy nước tầng sâu
lời thì thầm tan ra thành im lặng
ngàn năm sông vẫn trôi về phía vô cùng

Thời gian như than hồng
âm thầm chín những điều chân thật
chuyện cũ trôi trên đóa mây
lênh đênh phía chân trời vô định

Như độc mộc trên sông
chở im lặng xuôi theo ngày tháng
lòng sông đứng những giấc mơ
âm thầm nở đỏ ngày chợt gió...

Đêm trôi

Sông khép hờ vạt đêm
bóng tối xếp chồng lên ngày dần tắt
sóng ì oạp vỗ khuya
con nước hiền như chưa từng giông bão

Mơ hồ dâng đầy bóng tối
sông không nằm ngoài đêm
đưa tay chạm phía nào cũng lạnh
sau bức tường mảnh lưới giăng vớt rằm sóng sánh

Mái chèo gõ giấc khuya ngái ngủ
lòng đêm ôm cuộc mưa sinh
leo lét sáng mảnh rằm sau mây
có tiếng vạc lặn vào xa vắng

Sông thanh thản về phía bình minh
con gọng vó gác ngơ ngày mới
ban mai khép vạt đêm
ngày vừa nghiêng về bên kia giấc ngủ...

Chiều quê

Gió quê nâng cánh diều bay
Con về gặp lại những ngày xa xưa
Mất hiên ướt một chiều mưa
Cầu vòng bảy sắc cũng vừa xa xăm

Cánh cò chao xuống thảng năm
Vàng trắng đêm cũ vừa rằm hôm qua
Con trâu lững thững theo cha
Mẹ vừa cấy nốt đồng xa muộn chiều

Bờ đê gom tiếng sáo diều
Câu ca bà hát cong vào khóm tre
Chợ phiên ngóng mẹ chia quà
Nụ cười răng sún vỡ òa ngỗ quê

Năm năm thảng thảng đi về
Con như trở lại bộn bề ngày xưa
Mất hiên ướt sũng cơn mưa
Cánh diều nâng một chiều quê yên bình.

Đ.A.D

DUYÊN AN

Đưa em đi dọc bờ Nam sông Côn

em bảo
mình đi dọc bờ Nam sông Côn
tháng năm con nắng lưng chừng
dừng bên này cầu Phụ Ngọc
nghe nước trôi ngày trôi
nghe cây mít quê mình mùa này trĩu quả
bụi tre hiền vẽ lên trời sột một mảng xanh

nhận mặt quê hương qua làn nước trong
đổ nát tháp đền chống bằng khung sắt gỉ
trắng áo em giữa thên thang cỏ
còn điều mình chưa tỏ
trong xuyên chi tím lạ màu hoa

núi, trập trùng núi vẽ nên ẩn hiện suối nguồn
chẳng thể thấy khởi nguyên
nơi nào dậy tiếng binh reo
đâu chập chùng lửa đạn
những lở lói dày lên thời gian
soi nghìn năm trong viên gạch vỡ

mùa phơi bãi bờ
sông dậy thơm cà vàng ớt đỏ
hoàng hôn ông chài vớt lên mẻ lưới ròng trắng

bọn trẻ chơi trò ném thia lia vào sông
em đừng trách bọn trẻ hồn nhiên chẳng biết chi
nếu những gì của hôm nay đã thuộc về quá khứ

đưa em đi dọc bờ Nam sông Côn
nghe sông thở
bàn tay quê hương mát lành ngọn gió
dịu mình qua những khúc quanh.

Buổi đầu tiên

rồi mình sẽ ngồi xuống và học
cách chạm vào một bài thơ
như thể chạm vào bông hoa trong buổi sáng này
mà không cần công cụ
(có quá nhiều công cụ
và đôi khi, để hợp
phải xén một bài thơ cho vừa)

rồi mình sẽ ngồi xuống và đọc
cái chạm hiện hữu từ ngón tay
trang giấy mới thơm tho (hoặc cũ càng)
sự hiện hữu chân thực như thể phút này đây
cuộc phiêu lưu bắt đầu
(có thể sẽ khám phá điều gì, hoặc không, thì đã sao)
vô biên từ cái rìa mỏng tang
khi lật qua trang mới

thật hạnh phúc vì không phải nghĩ
sự chính xác sắc lạnh dựng nên không dấu vết vụng về
(sự vụng về, đôi khi, lại là niềm vui của tôi, khi
biết chạm vào em mà không phải là công cụ)
nhưng mà sự nghĩ
khiến ta khác ngày hôm qua (và chính mình, khi lật
qua trang giấy mỏng tang)
để mỗi ngày thêm tròn trịa

tự đan những chiếc lồng ngày càng tinh vi
và nhốt mình vào trong
đôi khi quên niềm vui tràn trề cỏ dại
cỏ lẹm vào những ô vạch sẵn trên đường,
cánh đồng, dòng sông
nổi chân trời gần lại
cầu vồng mọc lên khi nắng lẹm vào mưa
trắng lẹm vào sớm mai vàng dương rực rỡ
nối đường biên giữa đêm và ngày

mình cố gắng đi một quãng thật dài
để có thể ngồi lại
bắt đầu như thuở hồn nhiên.

Nơi trú ẩn cuối cùng

Tôi đã thấy, hàng vạn lần trong mây tụ tán
cái bóng của ngôi đền
đi hướng nào khi ngoái về người vẫn ở đó
dù thấy hay không.

Tôi đã thấy, hàng vạn lần trong màu xanh thẳm sâu
tà dương đóng mở bầu trời
lá thì thâm bằng mùi hương
sự im lặng uy nghiêm của đá, cây đan nhau điệp trùng
làm nên thiêng liêng bóng tháp.

Rằng có một nơi con người đã tới
thuở người còn nghe mật ngữ cỏ cây,
mặt trời và các chòm sao
rằng còn có nơi con người chưa tới
cho thần linh còn có chốn đi về
từng viên gạch âm âm thở lời đất nước lửa gió
vũ trụ vẹn nguyên hồn đá cái cây.

Thuở đá chưa nứt toác
thuở đất chưa oằn đau
thuở nước chưa cuồng nộ
và gió
theo cánh bồng bồng hoang đại lãng du.

Đứng nghìn năm trong niềm bí mật
trên những tàn hoang
nơi trú ẩn cuối cùng.

D.A

NGUYỄN ĐỨC PHÚ THỌ

Đôi mắt cánh đồng

Những sao xác còn giữ trên tay
tôi thả xuống dòng sông
một niềm chờ đợi
chảy băng băng qua đôi mắt cánh đồng
mùa thu vắt ngang chiếc cầu nhỏ
mưa chìm bến sông

Đoàn người chấn ước mơ
không còn ở đó
bầy ngỗng nhìn nhau, ngơ ngác ánh chiều
những cánh vũ đầy trời
chuyện người xưa ngủ im, trang sách
vật khối đồng nghiêng gió
tỏa mênh mông

Vùi vào tro
dấu chân xưa, vết bùn non
sân sùi, những thân cây...
chứng tích thời gian
đường cày lằm lũi trôi, gánh về mùa sương giá
gánh hạt gạo ngày mưa dầm, tháng hạn
ngày cha về tóc bạc trắng
như sương

Cây được đắm mình, giữ dòng trôi
thời gian bơi trên đuôi mắt người
mẹ tôi về cùng với cỏ cây
xanh tình yêu
năm tháng...
chỗ mẹ xưa hoa sứ gầy lên mắt
chỗ tôi ngồi
mây khói quấn quanh bay

Biết tìm đâu
lòng vọng những mong manh
không thể nói với người
đất có lời của đất
sự lặng im, hay một tiếng nói khác
về miền tuổi thơ chân trời
xa ngút
những ban mai

Chiều nay
bên chiếc cầu nhỏ
những xao xác mơ hồ, không còn giữ trên tay
tôi ngắm nhìn dòng sông
bằng nỗi niềm chờ đợi
cháy băng băng qua đôi mắt cánh đồng..

Cúc, tháng Chín...

(Viết cho ngày sinh)

Chạm vào buốt lạnh đêm
những đoá cúc
tháng Chín,
soi mắt người mờ tỏ.

Giấc hoang mê gõ cửa
tháng năm gió đuổi
phía cánh đồng
mưa trắng thuở thanh không
một đốm buồn lân tinh
tiền kiếp...

Phía phố,
người-ẩn-hiện.
Giấc mơ tĩnh vật,
góc đời...

Giọt đèn khuya
dẫn lối ánh mặt trời...
Cúc,
tháng Chín
vàng mắt ai với vợi.

N.Đ.P.T

Hương xa

LÊ TUYẾT LAN

Em lục lọi thời gian để tìm những hương xa
Mùi tóc anh mùa đêm giầu sau chiếc lá mục
Đục thủng những đêm trắng
Người đi đâu mỗi gót
Em
Chỉ em về khuyết mãi đêm sâu

Biết nhớ thương vẫn bồi đắp đợi chờ
Đôi mắt thu triu nước
Chiếc lá xanh rừng mình sợ hãi
Con gió chiều thổi mãi bóng hoàng hôn

Em hít hà những sợi vải quen
Tùng rưng rức bung chỉ
Những mảnh xót xa em bao lần chấp vá
Lần nhiếp từng đường nơi cửa ngả đau

Trong từng làn hơi thốn thức
Trên môi và trên ngực
Mùi của mong manh vẫn thông thả
Vơi đầy.

TRẦN THỊ TÚ NHI

Sinh nhật và má

Con chẳng thể nhớ
Đã bao lâu rồi những ngọn nến chẳng còn thắp lên
trong đôi mắt xám mờ của má
Đã bao lâu rồi má chẳng còn nhắc nhở tháng ngày trôi
trên tờ lịch ủa nhà
Đường đời bể dâu
Người đau phận bạc

Con chẳng thể quên
Ngày má khóc gửi dâu về nơi xa lạ
Cho con yên phận mình
Tâm hồn má tái sinh.

Ngày hôm nay
Con thổi tuổi bốn mươi ba trên những ngọn nến lung linh
Con vẫn mong ánh sáng này thắp lên đôi mắt má
Con vẫn mong những ngọn nến sẽ chảy đến kiệt cùng
Để người tỏ hình dung dáng vóc
Vì ơn người mà rạng rỡ hôm nay.

Trở về miền thương

Em soi mình vào trời đông
Run rẩy đường trơn dầu chân chùng chình bước
Năm cùng tháng tận biển người xuôi ngược
Tháng ngày lặng lẽ trôi

Chân người chẳng còn tới lui
Em trở về chính em với những ngày người chưa từng biết
Gác lạnh hoang vu bàn tay giấu vào êm ả hằng thường
Nỗi niềm xưa cũ, an lòng với tàn phai
Đám lá rủ nhau vùi sâu vào thảm cỏ nhưng ấm muội
Huyền mộng một thoáng êm đềm

Quên mình phận lá
Rong ruổi phiêu linh
Chim én cút côi,
Lạc trôi tìm bạn
Dề sến nếp mình vừa tổ mới tinh tươm

Én vẫn mơ hoang
Khát khao trời cũ
Dầu dạt về phía hoàng hôn
Mặt trời hắt lên màu nắng cuối cùng
Trong bụi tàn còn sót chút nào sáng mệnh mang..

T.T.T.N

Tự khúc ru thơ

HỒNG PHÚC

Mỗi vần thơ tôi chờ tiếng rao của mẹ
Quang gánh chợ chiều chạm bóng hoàng hôn
Vào buổi bình minh ngọn cỏ đầm sương
Nghe lạnh lốt tiếng gà khuya thanh vắng

Vần thơ tôi còn chờ bao sắc nắng
Buổi cha làm đồng áo thấm muối mồ hôi
Vết bùn đất dính vào thơ tôi đen sạm
Khiến lời thơ mang đậm chất quê mùa

Trái bưởi vàng neo bóng trăng xưa
Đom đóm bay lạc vào trang thơ nhấp nháy
Tình yêu tôi chớm từ thuở ấy
Nhưng trăng có tròn mãi bao giờ

Cậu học trò ngày xưa lên trường tỉnh
Mang trang thơ lấm bùn đất năm nào
Mang tình thân, mang cả niềm hoài vọng
Những đêm buồn ngồi nhăm ánh trăng sao

Tình đã gửi chiều vương vương sắc nắng
Chốn quê xưa về lại dưới hàng cau
Trang thơ cũ giờ nổi thêm chiếc cánh
Tri âm ơi! Theo sóng gọi chờ nhau.

H.P

Hoa

TRẦN XUÂN TRỌNG

Mình nở trong nhau hay chưa?
một ngày mưa chợt nắng
lắng lắng những ngón tay mất dấu khu vườn

Chúng mình đã từng trong veo
ngại ngừng như màu xanh của lá
cánh mỏng, sân vắng, cốc trà lầm lụi
ảo ảnh sum vầy
rất nhiều, rất nhiều đường nét bồi rối tới lui
xung quanh vài bản nhạc đại trôi
dự trước những ngày thăm thẳm

Ta về lối cũ ngõ rạch phân vân
những cánh mềm rịn chặt
hương quen ướt đầm mộng mị
tháng ngày nhìn ta
chưa kịp tiếng gọi các vì sao bên ô rèm trắng
hương khác gió thổi, mưa
Hoa dịu dàng ngả về
chuyện ngày hôm qua ngắt quãng

Những hạt ý mình lang thang
không nhận ra nhau trong một chiều tháng Chín.

Khúc đưa nôi

VĨNH TUY

Ai còn nhớ khúc đưa nôi
ngày xưa mẹ đã ru tôi đêm hè
từ khi đỏ hỏn, tôi nghe
ngọt ngào, bình dị mà se sắt lòng

Lời ru
có những cánh đồng
mùa mưa nước ngập mênh mông trắng bờ
hiên nhà con nhện giăng tơ
đu đưa trước gió như chờ trăng lên

Lời ru
có người làng bên
thương người lỡ vận thế nên chung nhà
nhọc nhằn cũng rất thật thà
như bông lúa giữa đồng xa mưa chiều

Từng đêm gom góp thương yêu
rót vào con biết bao điều đại khôn
đã qua hết cuộc vương tròn
giọng quê chân chất vẫn còn đâu đây...

Đêm mười sáu

Truyện ngắn QUỐC VIỆT

Mặt trời đã lặn khá lâu nhưng hơi nóng vẫn còn âm ỉ bốc lên từ lớp đá lởm chởm dưới đường ray. Tôi bước trở về nhà sau một ngày dài mệt mỏi. Vẫn thấy cha tôi ngồi đó. Ông tựa lưng vào vách ngoài cửa căn chòi vốn được cải tạo lại từ chuồng bò cũ, nhìn ra đường sắt. Từ ngày giá bò tụt dốc thê thảm, nhăm không kham nổi số nợ ngân hàng ngày càng lớn nên tôi buộc phải bán tháo đàn bò, khiến cha tôi không vui vẻ. Mối quan hệ giữa cha con tôi vừa mới được cải thiện đôi chút kể từ khi ông nghỉ hưu cũng vì vậy mà trở nên xấu đi. Nhàn rồi. Cha tôi không có việc gì làm ngoài quanh quẩn ở nhà bên con gà, luống rau và chiều nào cha tôi cũng ra cái ghế cạnh chuồng bò ngồi. Có lẽ cha tôi lại nhớ đoạn đường ray dài hơn chục cây số ông đã đi mỗi ngày trong suốt hơn ba mươi năm rông rã? Tôi lướt ngang qua cha, định bụng gọi ông trở vào nhà cho đỡ muỗi

nhưng thấy khuôn mặt cau có của ông nên cũng không dám mở lời.

- Mai mày có đi tuần?

- Có.

- Mua dùm tao ít hoa quả với bó nhang thắp cho cô Xuyên. Mai mười sáu...

Cha tôi định nói gì thêm nhưng rồi lại bỏ giữa chừng khiến căn nhà càng thêm im ắng. Mà căn nhà này đã bao giờ ồn ào trừ khi những lúc có đoàn tàu lửa nào đó chạy qua.

Cha tôi vốn là tuần đường sắt nên mọi người vẫn thường gọi ông bằng cái tên Sơn "tuần đường" để phân biệt với Sơn "cụt" hay Sơn "kiếm lâm", những người có cùng tên với cha tôi ở khu vực gần nhà ga này. Từ khi tôi có trí khôn đã thấy cha tôi khoác lên vai mình chiếc túi vải, bên trong có đựng cờ lê, mỏ lếch, ốc vít, đèn pin, quả pháo, nhật ký chạy tàu... bước ra khỏi nhà vào buổi sáng hay tối tùy theo ca trực. Ông sẽ bắt đầu

công việc của mình từ nhà ga, đi bộ dọc theo tuyến đường ray xe lửa kiểm tra từng chiếc bu lông, đai ốc, từng thanh tà vẹt để kịp thời khắc phục. Ngày nắng cũng như ngày mưa và công việc của cha tôi vẫn cứ đều đặn như thế để cuối tháng đưa về nhà một khoản tiền đủ để hai cha con tôi trang trải.

Hồi nhỏ, tôi luôn tự đặt câu hỏi có phải vì tính chất công việc đòi hỏi kỹ lưỡng hay không mà cha tôi trở nên cộc cằn, khó tính. Mọi thứ tôi làm đều không nhận được sự hài lòng của ông. Cha tôi chưa từng nở nụ cười với tôi chứ nói gì đến việc khen tôi, bế tôi hay ôm lấy tôi như những người cha khác. Tôi có thật sự là con của cha hay là một kẻ xa lạ được đặt nhầm vào ngôi nhà này. Còn mẹ tôi là ai, mà không khi nào nghe cha nhắc tới. Nhiều lần, tôi định hỏi. Nhưng mỗi khi câu hỏi sắp bật ra khỏi miệng, nhìn thấy ánh mắt của ông, tôi lại thôi. Tôi im lặng, chịu đựng và mỗi khi ai đó hỏi về việc theo nghề tuần đường của cha, tôi lại khó chịu. Trong suy nghĩ của tôi thì chính cái nghề tuần đường này đã làm cho cha tôi thành ra như thế. Không! Tôi sẽ không bao giờ nối nghiệp cha. Tôi sẽ kiếm một công việc khác để làm, không phải bám theo cung đường sắt âm u, rậm rạp, đầy muỗi vắt. Và rồi tôi sẽ đối xử với các con tôi khác cách mà cha tôi đối xử với tôi.

Thực ra cha tôi cũng không hoàn toàn lạnh nhạt với tôi, chỉ ít trong mỗi tháng có một ngày ông trở nên nhẹ nhàng nhất có thể. Ngày mười sáu. Mấy mươi năm ròng rã, tôi chưa bao giờ thấy cha tôi quên ngày đó. Ông chuẩn bị một ít bánh trái, nhang đèn và chờ lúc đi tuần sẽ mang theo viếng mộ cô

Xuyến. Ánh mắt ông khi nhìn tôi cũng trở nên ấm áp hơn lúc bình thường.

Nghe kể cô Xuyến là một người đàn bà đẹp, mất khi còn khá trẻ trong một tai nạn tàu lửa nên được người dân chôn cất luôn tại chỗ, cạnh nút giao giữa đường sắt và con đường tự mở của cánh thợ rừng khi trước. Ngôi mộ khá sơ sài được đắp bằng đất, bên trên phủ một lớp đá ba lát, loại đá dùng để trải đường ray. Bên trên nữa là một lớp hoa đường tàu rất dày phủ kín lấy ngôi mộ, không cho cỏ dại chen vào. Người ta đồn rằng mộ cô Xuyến rất thiêng. Đó là khi những chiếc xe máy cày, xe cải tiến chở gỗ đi ngang qua đây ban đêm vẫn thường hay tắt máy. Nhưng khi người ta xuống thấp nhang khấn cô Xuyến thì xe lại nổ máy bình thường. Rồi những đêm mười sáu, dưới ánh trăng mờ tỏ lại thấy một bóng áo trắng lướt lờ trên đoạn đường ray, gần ngôi mộ. Một đồn mười, mười đồn trăm và ai cũng ngại đi qua nơi này vào buổi tối. Chỉ riêng cha tôi là ngoại lệ. Hàng đêm, ông vẫn đi tuần ngang qua. Cha tôi có nhìn thấy gì hay không chỉ riêng mình ông biết.

Tám giờ tối. Tôi khoác lên vai chiếc túi vải giống như cha tôi ngày trước bắt đầu cho một đêm làm "bác sĩ khám bệnh đường ray xe lửa". Từng ghét cay ghét đắng cái nghề này nhưng rồi cuối cùng tôi không thoát khỏi trò đùa của số phận để nối nghiệp cha. Cũng chẳng phải yêu thích hay vì lý tưởng cao cả gì hết. Tôi ra trường, xin việc mãi ở thành phố không được nên buộc lòng phải về quê. Xoay sở qua nhiều công việc, từ phụ hồ, sửa điện, chăn nuôi... nhưng

chả đâu vào đâu, tôi đành xin một chân vào ngành đường sắt. Trải qua một khóa huấn luyện, tôi được cấp chứng chỉ và bố trí công việc tuần đường.

- Ê Tuấn. Đi tuần hả mày?

Tôi quay qua nhìn. Thì ra là thằng Thái, đứa bạn chơi chung với tôi từ khi tóc còn để chỏm. Mỗi khi gặp nó, tôi lại nghĩ tới vết sẹo trên lưng mình. Đó là chuyện khi chúng tôi mới chín, mười tuổi thường hay rủ nhau lên đường sắt trước nhà. Mà ở xứ này, những đứa trẻ như chúng tôi hồi đó ngoài việc chơi với đường sắt thì còn thú vui gì nữa. Một lần, nó rủ tôi chơi trò “nổ pháo”, tức là xếp những viên đá ba lát mỏng lên thanh ray để chờ tàu lửa. Khi bánh xe lửa cán ngang qua sẽ tạo thành những tiếng nổ “độp độp” như pháo. Nhưng

tôi còn chưa kịp nghe tiếng pháo thì cha tôi đi tuần ngang qua bắt gặp. Ông lôi tôi về, bắt tôi nằm trên cái phản mà quất đến nát mông. Một mảnh từ cây roi tre của cha bị tét ra, bén ngọt, cắt vào lưng đến giờ vẫn còn vết sẹo. Sau lần đó, tôi không còn dám nghịch dại nữa. Tôi sợ cái roi trên tay cha, sợ trận đòn thừa chết thiếu sống của ông hơn là nghĩ đến an toàn của đường sắt, đến tính mạng của những con người đang trên chuyến tàu xuôi ngược.

- Ủ. Tôi trả lời nó.

- Nay mười sáu đó mày.

- Rồi sao?

- Thì... thì... cô Xuyên...

Đến lúc đó tôi sực nhớ ra mình mới đi làm chưa đầy nửa tháng và đây là lần đầu tiên tôi phải tuần đường ban đêm.



Minh họa: Lê Trọng Nghĩa

Một luồng hơi lạnh chạy từ dưới chân lên tới đỉnh đầu khiến tôi rùng mình nhưng vẫn đáp cứng:

- Ma cỏ gì mày? Vớ va vớ vẩn.

Không muốn nghe nó nói gì thêm, tôi nhanh chân rảo bước lên đường sắt. Tiếng côn trùng rả rích. Tiếng gió thổi sột soạt qua hàng lau sậy cao quá đầu người dọc theo đường ray. Trăng đang treo trước mặt. Nhưng ánh sáng mờ ảo của ánh trăng chỉ càng khiến tâm tôi thêm bất ổn.

Xong cây số đầu. Chiếc cờ lê trong túi vải chưa một lần tôi phải lấy ra, đồng nghĩa với việc không có một con ốc nào trên đường ray bị lỏng, ngoại trừ vài lần tôi phải cúi xuống nhặt vài thứ mắc kẹt giữa thanh ray đảm bảo an toàn cho tàu chạy.

Thêm cây số tiếp theo. Bước chân bắt đầu nặng nhọc. Tôi xốc lại cái túi vải trên vai đang dần trĩu xuống. Lại nghĩ đến cha tôi. Ông đã một mình đi trên đoạn đường ray này suốt hơn ba mươi năm, với chiều dài hơn hai vòng trái đất bất kể trời nắng hay mưa, mới thấy ông thật bền bỉ và dẻo dai. Nhưng giờ có tuổi nên mỗi khi trời lạnh ông hay đau nhức. Cha tôi có thể gồng bó lâu dài với cái nghề này vì yêu, còn tôi thì không. Rồi đây tôi cũng sẽ tìm một công việc khác để làm.

Vài cây số cuối. Mồ hôi trên trán tôi bắt đầu tuôn ra lấm tấm. Hơi thở nặng nhọc. Bước chân tôi chậm dần. Phần vì mệt, phần vì sắp đến mộ cô Xuyên làm tôi hơi run. Một bóng đèn lao nhanh qua đường sắt khiến tôi giật mình. Lúc định thần lại, tôi nghĩ chắc là một con chồn. Ở đoạn đường sắt vắng vẻ này, người ta vẫn thường hay gặp chồn,

nhím, rùa, thậm chí là heo rừng băng ngang. Tôi hít một hơi thật dài như muốn lấy hết can đảm để tiếp tục bước đi. Chỉ còn một đoạn nữa thôi tôi sẽ nhìn thấy người. Anh bạn tuần đường của nhà ga bên cạnh đang chờ tôi để đổi thẻ và ký tên vào sổ đi tuần. Vái trời cho vía tôi nặng không nhìn thấy... ma.

Cái bóng đèn ngủ tỏa thứ ánh sáng màu vàng nhạt không làm cho đêm bớt cô quạnh. Tôi hết nhìn lên trần nhà lại nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi có mấy bụi hải đường đang phất phơ theo gió. Trời sắp đổ mưa. Nếu mà đi tuần giờ này thì hơi mệt, tôi nghĩ.

Có tiếng động kèm theo tiếng ho khục khặc chỗ cha tôi nằm. Hình như ông tỉnh ngồi dậy, tôi lật đặt quay mặt lại nhìn, xem thử ông có cần giúp gì không?

Mấy ngày nay cha tôi bị ốm. Tôi buộc lòng phải nhờ người đổi ca trực vài hôm. Đó là lý do đêm nay tôi có mặt ở nhà. Đi khám, bác sĩ bảo cha tôi bị hội chứng rối loạn lo âu hoang tưởng sau khi xem xét các dấu hiệu lâm sàng như: lo lắng, sợ sệt, thường xuyên mất ngủ, giật mình ú ở lúc nửa đêm,... vân vân. Nguyên nhân có thể là do cha tôi ám ảnh chuyện gì kinh hãi trong quá khứ khiến tâm lý bị tổn thương. Càng có tuổi, mức độ tổn thương càng nặng. Và liệu pháp tinh thần được bác sĩ khuyến khích bên cạnh việc kê thuốc an thần. Tôi phải trò chuyện, quan tâm ông nhiều hơn. Nhưng nghĩ tới mối quan hệ trước giờ của hai cha con, tôi chỉ biết thở dài.

Thấy cha tôi sắp mở cửa bước ra

ngoài, tôi lên tiếng:

- Sao cha không ngủ đi mà ra đó làm gì cho gió? Trời sắp mưa rồi.

- Mày ngủ đi. Tao ra đây tí rồi vào. À, mà sắp tới mười sáu rồi đó.

Tôi hiểu cha tôi muốn nói gì, không thể chờ thêm được nữa, tôi hỏi:

- Sao mười sáu nào cha cũng cúng mộ cô Xuyên?

- Mày không nên biết thì tốt hơn. Thôi ngủ đi.

Bệnh tình của cha tôi càng lúc càng nặng. Đêm nào cha cũng mở cửa đi ra ngoài như người mắc bệnh mộng du. Nhưng cũng không thể mãi ở nhà để canh chừng cha được, tôi còn phải đi tuần.

Bây giờ đang độ giữa mùa mưa. Những cơn mưa kéo dài từ ngày này qua ngày khác khiến đất đá trên những ngọn đồi dễ sạt lở xuống đường ray bất cứ lúc nào. Bởi vậy để đảm bảo an toàn cho tàu chạy, chúng tôi càng không dám lơ là. Chuẩn bị những đồ dùng cần thiết, khoác áo mưa lên người, tôi ngoái đầu nhìn cha lần nữa, rồi mới yên tâm đóng cửa bước ra khỏi nhà.

Tôi bước lên đường ray, đèn pin quét một vệt sáng yếu ớt qua màn mưa giăng kín. Nước mưa tạt vào mặt rất buốt nhưng bước chân tôi vẫn phải nhanh hơn khi đồng hồ điểm hơn mười giờ đêm.

Đang soi đèn kiểm tra từng thanh tà vẹt, tôi đột ngột khựng lại. Ngay tại nút giao gần mộ cô Xuyên, một vật đá ba lát bị nước mưa sạt lở nặng, khiến một đoạn ray dài bị hẫng, sụt sâu xuống hố. Chỉ mươi phút nữa thôi, đoàn tàu sẽ lao đến đây.

Tôi luống cuống tháo túi vải, rút ra

quả pháo hiệu đường sắt. Đúng lúc đó, một bóng người xuất hiện từ phía xa, cùng tiếng ho khục khặc quen thuộc.

Cha. Tôi giật thót người.

Tiếng còi tàu từ đằng xa vang lên xé tan màn đêm. Ánh đèn pha của đầu máy xe lửa quét qua, lao đến như một con quái vật sắt khổng lồ.

- Cha. Tránh ra. Tàu đến kìa!

Tôi gào lên, âm thanh chìm lấp trong tiếng gió rít và tiếng mưa rơi.

Cha tôi vẫn đứng chết trân giữa hai thanh ray, đôi mắt dại đi vì hoảng loạn, hai tay giơ lên như muốn chặn quả núi thép đang lao tới. Không kịp suy nghĩ, tôi lao tới dùng hết sức bình sinh đẩy mạnh cha văng ra khỏi đường ray. Nhưng đà lao quá mạnh khiến cả hai cha con cùng lăn ngã xuống lớp đá ba lát lởm chởm. Đúng lúc đó, tôi đặt kịp quả pháo hiệu xuống thanh ray trước khi thân tàu chèn qua.

Đùng! Tiếng nổ vang lên chói tai. Bánh xe tàu lửa nghiêng mạnh trên thanh ray, tạo ra những tia lửa điện bắn tung tóe trong đêm tối. Tiếng hãm phanh khẩn cấp ken két nhưóc óc kéo dài hàng trăm mét. Đoàn tàu dừng lại chỉ cách điểm sạt lở một đoạn ngắn nữa.

Tôi nằm vật ra lớp đá, toàn thân đau nhức, máu từ vết sẹo cũ trên lưng lại rỉ ra. Bên cạnh, cha tôi vẫn thờ dốc, đôi bàn tay gầy guộc của ông quờ quạng trong đêm rồi bầu chặt lấy vai tôi. Cơn mộng du tan biến, ông trở nên tỉnh táo lạ thường.

- Tuấn... có sao không... con?

Giọng ông run run. Đó là lần đầu tiên trong đời, tôi nghe cha gọi tên mình bằng một giọng ngọt ngào như

thể. Hố sâu ngăn cách suốt mấy mươi năm qua giữa hai cha con như được lấp đầy theo tiếng pháo cứu tàu trong đêm mười sáu.

Những ngày sau đó, tôi cố gắng bên cha thật nhiều, và rồi câu chuyện của cha cũng dần hé mở...

Quán nhỏ, lợp bằng lá, nằm cạnh con đường do cánh thợ rừng tự mở chỉ lèo tèo dăm ba thứ nhưng lại khá đông khách. Cánh thợ rừng, đám đầu nậu, phu khuân vác vẫn thường vào đây bù khú thâu đêm suốt sáng. Họ đi từng tốp, hết tốp này lại đến tốp khác ghé qua. Một phần do đây là quán duy nhất nằm gần bãi tập kết gỗ, xung quanh không thể nào tìm được quán thứ hai. Một phần vì cô chủ quán xinh đẹp làm những gã đàn ông ăn dầm nằm dề trong rừng đã lâu, thiếu hơi đàn bà muốn ghé. Ai cũng muốn cô chủ quán xinh đẹp kia ngã vào vòng tay mình.

Ngày nhận quyết định điều chuyển về ga này. Sơn đã tính chuyện bỏ nghề. Hai mươi bảy tuổi. Sơn không muốn đến một nơi khi ho cò gáy, đầy muỗi và vắt, nhất là những cơn sốt rét khiến người ta rùng mình khiếp sợ. Đó là chưa kể khu vực này đâu đâu cũng toàn rừng rú, lại nằm giáp ranh giữa hai tỉnh nên an ninh rất phức tạp. Nhưng khi nghĩ đến cảnh tìm công việc khác ở thành phố thời buổi này cũng khá khó khăn, Sơn tặc lưỡi: Thôi kệ. Mình cứ ra ngoài đó nếu thấy không ổn thì chuẩn.

Về đây chỉ vài hôm Sơn thôi luôn ý định bỏ nghề. Ấy là mỗi lần đi tuần, Sơn sẽ đi ngang quán Xuyến. Lúc đầu chỉ là tạt vào mua chai nước, gói thuốc,

dăm ba câu tán gẫu. Dần dà, Sơn ngồi lâu hơn có khi hàng tiếng đồng hồ. Ủ, ở nơi heo hút này tự nhiên xuất hiện một người đàn bà xinh đẹp hỏi ai không thích. Gái một con trông mơn con mắt... đàn ông. Sơn bảo Xuyến giống như hoa lan rừng, mang nét đẹp bí ẩn đến mức làm người ta mê mẩn. Không, em chỉ là loài hoa dại, như hoa xuyến chi mọc ở ven đường ray xe lửa này, Xuyến cười.

Ba tháng sau, Sơn chính thức trở thành “người nhà” của Xuyến. Những lúc không đi tuần Sơn sẽ ở quán, hết phụ Xuyến vài công việc vặt trong quán, lại tắm rửa chơi đùa với đứa con trai mới lên ba của Xuyến. Cái quán nhỏ có bàn tay đàn ông cũng trở nên tươi mát hơn so với trước. Những gã đàn ông vẫn thường hay ghé quán nhìn Sơn với ánh mắt ganh tị. Người bảo, thằng Sơn “tuần đường” đúng là số hưởng. Mới về đây mấy tháng đã hết được con Xuyến ngon ơ. Người khác có vẻ rảnh đời hơn buông câu đầy chiêm nghiệm: Con Xuyến như bông hoa dại. Mà đã là bông hoa dại thì không để ai làm chủ cuộc đời mình. Kẻ khác phụ họa: Đúng. Rồi cũng bỏ thằng Sơn mà chạy theo người đàn ông khác.

Rượu vào lời ra, cả đám đàn ông không ngừng to nhỏ. Sơn ngồi bên trong nghe hết, thấy mặt mình nóng ran.

Những lời nói của đám thợ rừng hôm nọ đã sai, ít ra cho đến khi Phong “mặt theo” xuất hiện. Phong mới tới đây chưa đầy nửa tháng nhưng bằng tiền bạc rừng rinh cộng với quan hệ của mình, gã nhanh chóng đánh bật đám đầu nậu cũ để trở thành tay buôn gỗ lớn nhất bãi. Phong hay lui tới quán của

Xuyến và trực giác của một thằng đàn ông khi nhìn điệu bộ của một thằng đàn ông khác, Sơn biết sắp có chuyện xảy ra.

“Chuyện xảy ra” cũng không cần Sơn phải đợi quá lâu. Một bữa xong ca trực, Sơn ghé quán sớm hơn so với thường lệ. Vừa đẩy cửa bước vào, Sơn thấy Xuyến từ bên trong buống bước ra, áo quần xộc xệch, đầu tóc rối bù, khuôn mặt hiện lên vẻ sợ hãi. Con ghen nổi lên, Sơn chạy ra bên ngoài cửa quán thấy một bóng người đang lững thững bước đi trên đường sắt. Nhìn dáng lưng, Sơn đoán là Phong. Mặc cho những lời thanh minh của Xuyến. Sơn vẫn một mực không tin rằng cô trong sạch. Đêm hôm đó, một trận cãi vã nảy lửa đã xảy ra. Sơn tức giận bỏ về thành phố ngay trong đêm.

Hơn một tuần lễ sau, đã nguôi ngoai Sơn mới qua trở lại ga. Nhưng một tin động trời khiến Sơn rụng rời. Xuyến gặp tai nạn tàu lửa, mất đúng vào cái đêm hai người cãi nhau hôm nọ. Có người kêu, Xuyến buồn tình, nghĩ quẩn nên tìm đến cái chết. Người khác cho là do Xuyến cứu thằng nhỏ con mình. Mà tất cả cũng chỉ là suy đoán chứ thời điểm xảy ra tai nạn cũng không có ai hay.

Sau vụ tai nạn của Xuyến, phần vì sợ ồn ào làm kiếm làm để ý, phần không còn cái quán của Xuyến nữa nên đám thợ rừng cũng nhanh chóng chuyển bãi tập kết gỗ đến một nơi khác xa hơn. Khu vực này vì thế cũng nhanh chóng trở thành bãi đất hoang và mọi chuyện cũng nhanh chóng chìm xuống. Chỉ

riêng bản thân Sơn là không yên ổn. Hàng đêm Sơn vẫn không tài nào chợp mắt. Day dứt. Ám ảnh. Hỏi về tin tức thằng nhỏ con trai Xuyến, Sơn biết tin nó được một người thợ rừng thương tình đón về ở đậu. Vậy là Sơn tìm tới, đón thằng nhỏ về nuôi.

Sơn gắn bó luôn với công việc tuần đường kể từ đó như muốn chuộc lại lỗi lầm của mình bằng việc đảm bảo an toàn cho tàu chạy. Hơn ba mươi năm đi tuần, Sơn cũng đã nhiều lần cứu người khác thoát khỏi tai nạn đường ray nhưng chưa một lần nhận báo đáp, chỉ xem việc này như cách để giải bớt “nghiệp” mình trót đã mang. Điều quan trọng là mỗi lần đi tuần, Sơn có thể ghé qua mộ Xuyến thắp một nén nhang.

Cha tôi mất vào một ngày tháng mười khi mùa hoa đường tàu sắp mãn, chỉ còn lác đác. Thay vào đó chúng bắt đầu kết hạt màu nâu xám, có hai móc nhọn nhìn y hệt như những chiếc kim châm. Nó đang chờ gió đưa đi để tiếp tục tái sinh một vòng đời mới, nối tiếp mãi không thôi.

Sau ngày cha tôi mất, lo hậu sự cho ông chu toàn, tôi ra mộ mẹ tôi thắp nhang, xin bà cho tôi được cải táng đưa về nằm cạnh cha tôi. Ở gần nhau, biết đâu họ sẽ dễ dàng hóa giải được vướng mắc để tiếp tục một đoạn tình duyên dang dở ở thế giới bên kia. Còn tôi sẽ tiếp tục với nghề tuần đường như một phần sứ mệnh của cuộc đời mình. Tôi sẽ tiếp tục nhìn thấy loài hoa có cái tên của mẹ nở dọc đường ray...

Q.V

Dưỡng tử

Truyện ngắn NGUYỄN HỒNG

Quách dậy từ khi gà còn chưa gáy. Bậc thềm dày sương. Chiếc điều nâng lên rồi khẽ khàng hạ xuống. Mọi người còn say ngủ, Quách không nở làm ồn. Hút thuốc lòn mà rón rén khác nào bóp mũi uống nước, đỡ khát đấy nhưng không thấy được cái đã đời. Kiểm chế cơn thèm, Quách ra sân vận vẹo chân tay, chờ đến giờ thì nổi lửa đồ xôi, luộc gà. Hôm nay ngày giỗ của Đức tổ Cương quốc công Nguyễn Xí. Cả đêm qua Quách trần trọc. Cứ nhắm mắt là lời ông Cồn xất xéo trong ngực. “Đến họ mạc của mình cũng không giữ được thì cúng kiếng làm chi”. Quách nghiêng răng ghì chặt nắm đấm. Máu rần rật nóng trong mắt, trong ngực. Mặt ông Cồn trắng bệch, lão liên con mắt. Lời nói tràn ra mâm bát, làm nặng nề cả đôi đũa gấp thức ăn. Nếu bà con không bầu tay níu áo Quách ngồi xuống, xô xát là điều không tránh khỏi.

Ông Cồn là trưởng tộc phái xóm trên, thuộc đại chi một cửa dòng họ Nguyễn Đình. Là chi cả, lại gần nhà sát ngõ với nhà thờ chính nên chuyện lớn chuyện nhỏ trong họ luôn phải qua ông xin ý kiến. Bà con họ tộc không ít người than phiền về sự nhiều khê này. Có ai dám nói thẳng đâu, dấm dúi với nhau đôi câu chép miệng rồi ầm ục bỏ đi. “Già rồi, yếu rồi còn ham hố chi trời. Thả bớt việc họ cho con cháu để chúng còn biết mà giữ gìn gốc tích tiên tổ. Cứ nặng nề ri mãi làm ai cũng ngại ngẩn”. Đã thế, gần đến ngày giỗ lạt là cái sự quan trọng của trưởng tộc cứ như quả bóng được bơm căng, lúc nào cũng bận rộn lơ lửng. Từ ngày Quách trở lại làng, ông Cồn có phần trần trở. Họp họ lần nào ông cũng căng thẳng. “Bây giờ đánh tiếng là lo cho sức khỏe của tau nhưng kỳ thực là muốn lôi thẳng Quách vô hội đồng quản tộc. Tau còn

sống thì đừng hòng. Chi dưỡng tử thì không bao giờ được đứng chung hàng với các chi chính”.

Chỉ có sự lặng im đáp lời ông Cổn. Mọi người vẫn gọi Quách khi cần. Từ việc đảo ngôi thay ruộng phần hạ điền hay sơn mới đôi hạc gỗ trong hậu cung, từ việc vớt cọc cờ phướn đến dẫu đèn hương khói trong ngày sóc, vọng Quách đều nhiệt tình tham gia không chút so đo. Một câu thẳng Quách, hai câu thẳng Quách, việc dễ thì chớ, việc khó đã có thẳng Quách, hấn loáng cái bằng mình vật lộn cả ngày. Ông Cổn thấy mình như chiếc áo cũ vắt đầu hồi. Nóng mắt nóng tai mỗi lần thấy Quách xuất hiện.

Từ chiều ngày hai chín, sau lễ giỗ vọng, chén rượu đưa lời, ông Cổn lúi chụm từ trăm năm ra xóc xiêm.

- Con cháu ngoại tộc đứng sang một bên. Chi dưỡng tử đội mâm sau cùng.

Quách như con tầm quàn quại trong kén, muốn gào thét mà không thể xé toang lớp vỏ bao bọc, đành đau đớn lặng câm. Ông Cổn nói đúng mà. Họ của Quách là họ Chế. Họ Chế là tù binh của Đại Việt từ hàng trăm năm trước được ông Xí cảm hóa mà thành người Việt. Tổ tiên Quách giờ ở đâu, có thấu nỗi niềm của Quách không, có thương Quách không?

Quách nuốt nỗi đắng nghẹn bước qua cổng tam môn. Lời ông Cổn ráo hoảnh, lạnh lẽo sau lưng. Gió đang Đông thổi nhẹ. Hơi rượu nồng nồng trong lòng, Quách bần thần ngoái lại nhìn từ đường. Cây hương cháy cong vồng xoắn xuýt khiến lòng Quách dịu lại. “Thôi kệ”. Quách liêu xiêu đi về.

Gốc dưới lặng im, vài quả chín vàng rơi trúng mặt, Quách cúi người nhặt lên. “Răng mi cứ vàng mọng rứa? Mai tau đồ xôi trắng cúng ông. Hoan hỉ, hoan hỉ nhé”.

Tháng Năm năm 1444, quốc vương Chiêm Thành là Bí Cai kéo quân vào cướp thành Châu Hóa. Vua Lê Nhân Tông còn nhỏ. Thái hậu Nguyễn Thị Anh nhiếp chính, sai Nhập nội kiểm hiệu thái bảo Lê Bôi, Tổng quản Lê Khả mang theo 10 vạn quân đi đánh. Quân Đại Việt đánh đầu thắng đó. Với chủ trương việc nội trị được ưu tiên hàng đầu nên không bắt bớ, giam cầm quân Chiêm mà đuổi hết về nước. Vậy mà chưa tròn năm, Chiêm Thành lại kéo quân gây hấn, quyết tâm cướp thành An Dung. Triều đình sai Nhập nội đô đốc Nguyễn Xí, Bình chương tư đồ Lê Thận đem quân đi đánh. Đầu năm 1446, triều đình tiếp tục mở cuộc tiến công lớn vào Chiêm Thành, sai các tướng Lê Thụy, Lê Khả, Lê Khắc Phục đem hơn 60 vạn quân ra trận. Lần này thì không đuổi về nước nữa, quân Chiêm thua trận sẽ bị bắt giữ làm tù binh.

Hai bên ở thế giằng co chẳng bao lâu thì quân Đại Việt giành được thế trận, lần lượt khống chế các xứ Ly Giang, Đa Lang, Cổ Lũy... mở thông đường thủy, dựng đắp thành lũy. Thừa thắng xông lên, các cánh quân của Đại Việt đánh thẳng vào cửa biển Thi Nai, tiến công thành Chà Bàn, bắt sống vua Chiêm là Bí Cai và các phi tần, bộ thuộc, ngựa voi, vũ khí cùng các hàng tướng. Trong trận này, hơn



Minh họa: Lê Duy Khanh

ba mươi ngàn tù binh người Chiêm bị bắt về Đại Việt.

Tháng Sáu năm đó, quốc vương Chiêm Thành Bí Cai bị giải đến Thái miếu làm lễ dâng tù cáo thắng trận. Bí Cai và ba người phi tần bị giữ lại ở kinh đô. Triều đình sai tìm những người Chiêm vốn ở kinh thành từ trước, giao cho người Chiêm và các hàng tướng để họ trở về nước.

Vậy mà vẫn có rất nhiều hàng tướng Chiêm Thành xin được ở lại. Một mục xin được đưa về Bàu Ó.

Bàu Ó hoang sơ. Thi thoảng triều lên, nước biển tràn vào. Chỗ nước ngọt. Chỗ nước mặn xâm lấn. Trại tù hàng binh nhà Minh được lập ở đây. Sau chiến thắng Lam Sơn, Đức Thái tổ Lê Lợi giao cho Nguyễn Xí cai quản, lấy tên là trại tù binh Đồng Sô. Ông đã xin vua cấp đất và giao cho hai tướng Nguyễn Sỹ, Nguyễn Tiềm làm nô sú, tự cai quản, sản xuất, ổn định đời sống, lập thành làng Phú Ích. Giờ Đồng Sô càng đông hơn vì còn thêm quân binh Chiêm Thành. Rồi làng sẽ lại đẻ ra làng.

Có phải vì thế mà họ chọn ở lại.

Làm sao biết trong đầu họ nghĩ gì.

Quách ngược mắt nhìn lên bao la trời xanh. Những con số, những địa danh cũ chỉ còn trong gia phả. Mùi hương trầm từ ngôi miếu nhỏ sau gốc duối cổ thụ quấn quanh trong gió như một lời nhắc nhở về sự tồn tại bền bỉ của những người họ Chế trên đất Thượng Xá này. Quách đưa tay chạm vào lớp vỏ xù xì của cây duối, cảm giác như đang chạm vào lớp lớp da thịt của thời gian.

Từ bao giờ, ai mà nhớ được. Chỉ

biết khi sen ở ngoài Bàu Ó bắt đầu hé nụ, bà con trong làng lại kéo nhau ra gốc duối cổ thụ. Sau gốc duối, ngôi miếu nhỏ lập lờ hương đỏ. Hỏi ra mới biết đây là ngôi miếu do những người họ Chế lập lên. Bát hương nhỏ. Những đĩa quả cũng nhỏ. Bộ ấm sứ da lươn ba chén cũng nhỏ. Chỉ chừng đó thôi. Khói hương theo tháng năm đặc quánh nóc miếu. Ai đi qua về lại cũng cúi người chấp tay vái ba vái rồi mới đi làm như một thói quen.

Những người họ Chế thờ ai ở gốc miếu này?

Gốc duối vẫn ngùn hương trong những ngày tuần tiết. Lặng lẽ tỏa bóng mát vào mùa hè, cho quả mọng vào mùa thu. Người ta kháo rằng cây duối đầu làng thiêng lắm. Không thiêng sao ai ra đó xin gì cũng được, kể cả tù hàng binh nhà Minh, quân binh Chiêm Thành, hay dân làng Đại Việt. Chỉ cần thành tâm, cây nhang tỏa khói, vài lời khẩn nguyện là ai nấy đều mang theo tâm trạng hoan hỉ trở về. Không ai biết cây duối có từ bao giờ. Từ buổi tiếng hổ đau đón thét xé trời Thượng Xá cây duối đã ở đó rồi.

Chuyện ông hổ vồ nhằm ân chủ được người Thượng Xá kể đi kể lại như một lời chào nhập làng. Buổi ấy, khi trời còn tinh sương, ông Hội ra đầm cá. Con hổ tưởng kẻ trộm, vồ chết ngay ông Hội. Ân hận, giày vò, con hổ mang xác ông Hội về đồng Lầm chôn cất và canh giữ.

- Ông Hội là ai hả cha?

- Là cha đẻ của ông Xí đó con.

Quách được nghe chuyện về ông Hội nhiều nhất qua lời cha kể. Cha Quách, người đàn ông mang họ Chế.

Mẹ Quách là hậu duệ đời thứ 19 của dòng họ Nguyễn Đình. "Làng Thượng Xá mang ơn ông Hội". Cha kể vậy thì Quách nghe vậy. Nhưng ông Hội mất sớm, lại chẳng có gì gắn với họ Chế nhà mình cả.

- Con người có tổ có tông con ơi. Không có ông Hội thì không có ông Xí. Vì thế mà sau chiến thắng Lam Sơn, ông Xí được Lê Lợi phong chức Long Hồ Thượng tướng quân, Suy trung bảo chính công thần, ông Hội cũng được truy phong tước hiệu Thái Bảo đình quận công.

Là thế. Bài học làm người đầu tiên cha dạy Quách là bài học về hiểu nghĩa với tổ tông.

- Nhưng mình họ Chế mà cha.

- Là một câu chuyện dài. Liệu cha còn đủ thời gian để kể hết cho con. Nhưng con ơi, không còn cha thì còn người làng. Dù là người Chiêm hay người Việt, dù là họ Chế hay họ Nguyễn thì đều là con của làng Thượng Xá. Ông Xí đã từng nói thế và cha tin thế.

Người dân chỉ chọn bình yên. Có an cư mới lạc nghiệp. Nhưng giữa Đại Việt và Champa luôn xảy ra tranh chấp. Phía Bắc là Thăng Long. Phía Nam là Chà Bàn. Đánh tới đánh lui cả trăm năm không dứt.

Quách nuốt từng lời cha kể. Thoảng trong gió sông Lam tiếng voi gầm ngựa hí, đao kiếm loảng xoảng trong ngún đặc gió chiều sương đêm cùng điệp trùng lau lách ngã gục.

- Không có chiến tranh vẫn vui hơn chứ cha nhỉ?

Cha đã không thể trả lời Quách. Cha lặng im như cây dưới đầu làng.

Khi đã nếm đủ trăm luân người ta chỉ có thể lặng im. Để chiêm nghiệm. Để lắng lại. Suy cho cùng, đúng hay sai cuối cùng cũng nhẹ nhàng qua đi như hơi thở ngắn trong nhân gian.

Sự yên bình mà cha hằng tin tưởng, sao đến đời Quách lại trở nên nặng nề bởi những lời xắt xéo của ông Cồn. Gió đằng Đông thổi lạnh, Quách so vai thoát khỏi dòng ký ức, thấy mình vẫn đang đứng giữa sân nhà thờ, tay bầu chặt vào gấu áo ngăn cơn run rẩy vừa lướt qua.

Ý chí mở mang bờ cõi chảy từ thời ông Nguyễn Hội dặt tay hai con từ bờ Nam sang bờ Bắc sông Lam và thường trực trong huyết quản Nguyễn Xí. Nên sau ngày đất nước đại định, mặc dù được vua Lê Thái Tổ ban cấp nhiều lộc điền, Nguyễn Xí còn mua thêm đất xung quanh làng Thượng Xá.

Do bận việc triều chính, Nguyễn Xí không tham gia trực tiếp vào quá trình quản lý, khai thác ruộng đất của mình mà giao lại cho các con quản lý. Nguyễn Trọng Đạt là người con thứ 10, trước khi tiếp nhận trọng trách cha giao, đã thổ lộ tâm tư.

- Thưa cha, Thượng Xá bây giờ người Chiêm còn đông hơn người Việt. Cha cho con mở cửa Đồng Sô, nơi lòng tù binh, cho họ quyền được hòa nhập.

- Tốt, tốt lắm. Ta khen. Từ trước tới giờ ta vẫn chủ trương hòa ái với tất cả. Thượng Xá không là của riêng bà con Đại Việt mà còn là bầu trời chung của tù binh nhà Minh hay Chiêm Thành. Tất cả đều có thể tự mình khai khẩn đất hoang, mở rộng không gian sống

cho mình. Người bại trận đã khổ, nếu không cho họ sống như người thì thắng để làm gì.

Nhận lời khen từ cha, Nguyễn Trọng Đạt đã tổ chức lực lượng hàng binh Chiêm Thành tiến hành khai khẩn đất đai tại vùng bãi ngang phía Đông Nam huyện Chân Lộc. Các làng Kim Ổ, Thu Lũng... lần lượt ra đời. Sự tử tế giữ chân người. Người Chiêm được làm chủ cuộc sống của mình trên đất Việt. Một số người xin được đổi sang họ Nguyễn để thỏa lòng biết ơn ngưỡng vọng đối với ông Xí. Một số khác chọn sự lưng chừng. Ông Xí cười khà khà.

- Chế Đình, Chế Lạc, Chế Du.... Dẫu là họ Chế hay họ Nguyễn đều uống nước nguồn sông Lam, hít khí trời Thượng Xá mà sống cả.

Lần nào nghe cha kể chuyện, Quách cũng thấy mình lơ lửng. Nửa đầu đầu họ tộc xa xôi, nửa ràng rịt lòng mình với dòng họ Nguyễn ân tình.

- Người Chiêm theo Nguyễn Xí không phải vì sợ, mà vì được sống như người. Được gọi tên. Được dựng nhà. Được chôn cất thờ cúng ông bà cha mẹ. Giờ thì con đã hiểu vì sao họ Chế lại thuộc đại chi 16 của dòng họ Nguyễn Đình rồi chứ?

- Nghĩa là họ Chế bù vào phần khuyết thiếu mà Duy Tân, người con út của ngài gánh chịu phải không cha?

- Không con. Không có gì bù đắp nổi mất mát ấy đâu con. Nỗi đau theo tháng năm đã hóa thạch. Cái chết của đứa trẻ chưa tròn tuổi há chẳng cũng vinh quang như cái chết của người

xông pha nơi chiến trận sao. Cái chết nào cũng vì dân vì nước cả. Rồi cha sẽ kể con nghe. Nhưng con phải nhớ một điều. Đã là dòng họ nghĩa là phải có sự tiếp nối. Duy Tân mất khi chưa tròn tuổi nên trong gia phả không thể đứng đầu một đại chi con à.

Năm Kỷ Mão, niên hiệu Diên Ninh thứ 6, Lạng Sơn vương là Lê Nghi Dân chủ mưu sai tay chân là Phạm Đồn, Phan Ban... trèo tường vào nội cung giết vua Lê Nhân Tông. Cướp được ngôi, Dân đổi tên nước là Thiên Hưng, bắt đầu thiết lập chế độ chuyên quyền của riêng mình. Các trung thần của vua Lê tỏ thái độ chống đối đều bị giết sạch. Nguyễn Xí chọn lặng im. Và mù. Sự mù của Nguyễn Xí đến bất ngờ và chóng vánh khiến bọn phản nghịch rối tâm. Chúng bày ra hết trò này đến trò khác để thử lòng người.

Phạm Đồn lảo liên con mắt đi đi lại lại rồi tức tối cho gọi thuộc hạ.

- Ngày mai, các người cho bọn thị vệ trà trộn vào phủ đệ nhà Nguyễn. Ăn ở hầu hạ trong phủ cho đến khi thuộc đường đi lối lại thì hành động.

Phạm Đồn ghé tai thị vệ nói nhỏ. Tên thị vệ run run gật đầu, lắp bắp vâng dạ. Phạm Đồn nghiêng răng, mắt đỏ, cười gằn: "Cứ thế, cứ thế".

Vâng lời Phạm Đồn, bọn thị vệ tung quân vào phủ. Đợi lúc thị nữ đang hầu hạ Nguyễn Xí trong thư phòng thì ngang nhiên giở trò sàm sỡ ngay trước mặt ông. Sự chống trả yếu ớt run rẩy của thị nữ khuấy động thư phòng. Nguyễn Xí thản nhiên hỏi lớn. "Có việc gì ồn ào quá vậy?".

- Dạ bẩm quan ông, bọn con già trà ọ.

- Tốt, tốt lắm. Nhớ già kỹ vào. Trà già càng kỹ nước càng chất, càng thơm.

Bọn thị vệ cụt hứng buông tay, hậm hực chạy về báo chủ. Phạm Đồn nghe kể vẫn không tin. "Một tướng lĩnh tả xung hữu đột trên chiến trường từ thời mở nước đến giờ thì không thể mù đột ngột vậy được. Ta sẽ kiếm cách khác. Lần này phải mạnh tay hơn. Để xem mày còn vờ vịt được nữa không".

Phạm Đồn cho quân bao vây phủ đệ từ sáng sớm. Đợi lúc Nguyễn Xí từ buồng trong đi ra. Bọn hầu giả đã lên mang Duy Tân, người con trai thứ 16 của Nguyễn Xí đặt ngay trước chân ông. Duy Tân chưa đầy tuổi, còn đang ọ ẹ trong bọc vải. Nguyễn Xí thản nhiên bước tới, đập ngang người Duy Tân. Tiếng ọ ẹ lịm dần. Bọn Phạm Đồn hoảng hốt ngã ra, tái mặt bỏ chạy về báo chủ.

Phạm Đồn cười gằn. Cảm giác đã loại trừ được Nguyễn Xí khiến hắn nhẹ nhõm. Hắn cho lệnh rút quân khỏi nhà Nguyễn Xí. Mở tiệc ăn mừng.

- Tiệc mừng lần này ta sẽ cho mời Nguyễn Xí. Nghe đồn ông ta rất giỏi xem tướng, đặc biệt là xem cốt tướng.

Nhận lời mời của Phạm Đồn, Nguyễn Xí dò dẫm đến dự tiệc. Tay gậy tay nải. Phạm Đồn niềm nở đón tiếp. Khi rượu thịt no say thì lân la lại gần nhờ Nguyễn Xí xem cốt tướng.

- Ta nghe thiên hạ đồn ông có tài xem cốt tướng. Ta cũng muốn diện kiến tài năng của ông xem sao.

- Bẩm ngài. Tôi mù lòa. Lấy sờ nắn

làm trọng. Có rằng nói rứa không biết thêm bớt chi. Xưa nay lời thật thà đều nghịch nhĩ. Nếu ngài hoan hỉ, tôi mới dám xem.

-Ồ, ta có thể nghi ngờ tha nhân chứ tin tưởng tuyệt đối vào tướng số. Ông cứ xem cho ta. Tốt thì vui vẻ đón nhận. Xấu thì cũng biết đường mà lo liệu.

Nguyễn Xí biết cá đã cắn câu, sờ nắn khắp người Phạm Đồn. Sờ đến đâu ông buông lời khen ngợi đến đó. Phạm Đồn mê mẩn tận hưởng. Khi con mồi đã mềm nhũn trong tay mình, Nguyễn Xí rút dao dắt sẵn trong hải, đâm nhát chí mạng giết chết Phạm Đồn ngay giữa bữa tiệc. Các cánh quân của Lê Niệm, Sư Hồi, Đinh Liệt đã được bày binh bố trận từ trước ập vào hành động. Bọn Phạm Đồn, Phan Ban và các tay chân khác của Lê Nghi Dân bị giết sạch.

Tiêu diệt được bọn phản nghịch, Nguyễn Xí cùng các đại thần phế truất Lê Nghi Dân, đón Gia vương Lê Tư Thành về tôn lên ngôi vua, lấy niên hiệu Quang Thuận.

Sử sách còn ghi lại rất nhiều công lao của Nguyễn Xí từ buổi đầu theo chân Lê Lợi dấy cờ khởi nghĩa Lam Sơn đến vai trò mang tính quyết định của ông trong cuộc chính biến đưa Lê Tư Thành lên ngôi. Nhưng hình ảnh ông già mù nhắm mắt ngửa cổ lên trời, lạc giọng gọi con ơi thì không sử sách nào chép lại cả. Nên mỗi lần nghe cha kể đến khúc đó, Quách đều thấy mắt người rung rung. Tiếng khóc bị ghìm lại, nghẹn ứ trong cổ họng. Quách cũng thế. Nên trong tưởng tượng, Quách hay hình dung

về người đàn ông tóc pha sương một mình một ngựa phóng như bay về phía cánh đồng. Ở đó có mộ Duy Tân. Ngôi mộ của đứa trẻ chưa đầy năm chắc rất bé. Cô sẽ dày lên thậm chí là mất dấu. Nhưng ngôi mộ ấy sẽ như chiếc bọc vải mãi mãi hiền ngoan trong tim người cha già. “Con ơi, hãy hiểu cho ta. Hãy tha thứ cho ta”.

Cô mộ sẽ không biết người đàn ông tóc sương ấy là một đệ nhất công thần. Lau lách, sương đêm, giun dế không biết người đàn ông vừa run rẩy đổ mình xuống nắm mồ bé nhỏ ấy là một bậc công thần bốn biển đều ngưỡng vọng uy danh. Chỉ có người cha khóc con vỡ giọng trong buổi chiều hoang lạnh. Lặng câm. Đau đớn. Một mình.

Quách đã rất nhiều lần tưởng tượng ra thế. Nước mắt chảy từ lúc nào không hay. “Con xin được làm con của dòng họ Nguyễn Đình, làm hạt sương mát lành xoa dịu phần nào đớn đau này, thưa ông”. Lần nào Quách cũng thầm xin như vậy. Tiếng khóc đớn đau của người cha già từ mấy trăm năm trước dường như vẫn còn vang vọng, thấm vào từng thớ đất cánh đồng Lầm hôm nay. Quách chớp mắt, bóng hình người đàn ông cô độc uy dũng ấy tan vào khói hương nghi ngút trong hậu cung. Quách nhìn mâm cúng trên tay mình, rồi nhìn sang bóng dáng gầy guộc

của ông Cồn. Nỗi đau của tiền nhân đã hóa thạch, chẳng lẽ chút tự ái của hậu thế lại không thể hóa giải hay sao?

Quách thấy lòng mình nhẹ như khói sương khi hòa vào dòng người dâng mâm cúng ông trong ngày giỗ tổ. Vẫn là mâm cúng sau cùng. Quách cúi người nghiêm cẩn đặt mâm. Tiếng ông Cồn ho khúc khắc bên cạnh.

- Để sát mâm vào cạnh bát hương một chút.

Quách lặng người. Nghĩa là không cần phân biệt mâm trước mâm sau nữa. Chỉ cần có lòng thành thì vị trí nào cũng được ấm chân nhang. Quách muốn nói lời cảm ơn ông Cồn nhưng khi chỉnh xong mâm cơm cúng, ông Cồn đã bước sang gian khác, cần trọng chỉnh lại từng bát hương, mâm cỗ. Quách chợt để ý bàn tay ông Cồn. Những ngón tay gầy guộc run run. Quách hiểu là ông đang cố gắng gìn giữ những trật tự vốn dĩ đã yên ổn. Người già sợ đổi thay. Huống chi những đổi thay ấy lại có thể đến từ kẻ không chung huyết thống. Quách dịu lòng nhìn ngắm ông Cồn lặng lẽ, thành kính trước những bát hương nghi ngút khói. “Con vẫn mãi là thằng Quách họ Chế, ông à. Nhưng họ tộc cần bất cứ việc gì, ông cứ gọi con. Con còn là thằng Quách của chi dưỡng tử nữa mà ông”.

N.H

Dấu ấn địa danh Chăm, di sản cần được bảo tồn và đánh thức

TS. VÕ MINH HẢI

Sau khi mở rộng không gian phát triển ra biển, Gia Lai không chỉ sở hữu thêm những bãi biển, cửa biển và đầm phá nổi tiếng mà còn tiếp nhận một lớp di sản văn hóa đặc biệt được lưu giữ ngay trong tên đất, tên làng. Những địa danh như Hà Ra, Trà Ổ, Lộ Diêu, Thị Nại hay Chà Bàn không đơn thuần là các ký hiệu hành chính mà còn phản ánh quá trình giao lưu, tiếp biến giữa văn hóa Champa và Đại Việt suốt nhiều thế kỷ. Nhận diện, bảo tồn và phát huy lớp địa danh này không chỉ góp phần làm sáng tỏ lịch sử vùng đất mà còn mở ra một hướng tiếp cận mới trong xây dựng bản sắc văn hóa và phát triển du lịch của Gia Lai.

Mỗi địa danh là một lớp ký ức của Champa

Trong nghiên cứu địa danh học, tên gọi của một vùng đất không chỉ có chức năng xác định vị trí địa lý mà còn lưu giữ lịch sử cư trú, môi trường tự nhiên và ký ức văn hóa của cộng đồng. Khác với các công trình kiến trúc có thể bị hủy hoại theo thời gian, địa danh vẫn tồn tại trong đời sống hằng ngày, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và trở thành một dạng “di sản sống”.

Vùng duyên hải phía Đông Gia Lai hiện nay là nơi còn bảo lưu khá nhiều địa danh mang dấu ấn Champa. Qua đối chiếu thư tịch cổ, địa chí triều Nguyễn, bản đồ thời Pháp, từ điển Chăm và các văn khắc Champa, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng phía sau những tên gọi quen thuộc ấy là cả một lớp ngôn ngữ đã được Việt hóa trong quá trình lịch sử, tiêu biểu như địa danh Hà Ra, cửa biển nổi tiếng ở phía Bắc tỉnh. Một số nghiên cứu truy nguyên tên gọi này từ Hra trong tiếng Chăm, chỉ loài cây mọc ven sông nước hoặc gắn với vùng cửa sông, đầm ven biển. Địa danh Trà Ổ được nhiều tác giả liên hệ với tổ hợp Char la, trong đó char là vùng đầm lầy, ia là nước, phản ánh chính xác đặc điểm của đầm Trà Ổ ngày nay.

Một trường hợp đáng chú ý khác là Lộ Diêu. Thay vì hiểu theo nghĩa Hán Việt, nhiều nghiên cứu gần đây cho rằng tên gọi này có khả năng bắt nguồn từ tổ hợp Loh Riyau, trong đó *loh* chỉ hốc đá, vũng đá ven biển, còn *riyau* là tiếng sóng rì rào. Đối chiếu với cảnh quan thực tế của vùng gành đá Lộ Diêu, giả thuyết này cho thấy sự thống nhất khá chặt chẽ giữa ngữ nghĩa và địa hình tự nhiên. Đây cũng là ví dụ tiêu biểu về cách người Chăm định danh cảnh quan dựa trên đặc điểm sinh thái của môi trường sống. Bên cạnh những địa danh có cơ sở nghiên cứu tương đối rõ, còn có một số trường hợp đang được tiếp tục khảo cứu như Kỳ Co hay Bà Di. Những giả thuyết ngữ nguyên này tuy chưa thể xem là kết luận cuối cùng nhưng đã mở ra hướng tiếp cận mới đối với lịch sử hình thành các địa danh.

Nhìn tổng thể, các địa danh mang dấu ấn Champa đều tập trung quanh cửa biển, đầm phá, vũng biển và các tuyến giao thương ven biển. Điều đó phản ánh rõ cách người Chăm quan sát tự nhiên và tổ chức không gian cư trú, khác với cách định danh theo đơn vị hành chính của người Việt về sau.

Địa danh - văn bia sống của vùng đất

Nếu các tháp Chăm là những di sản bằng đá thì địa danh chính là những “văn bia sống” được lưu giữ trong ngôn ngữ cộng đồng. Điều đáng tiếc là trong nhiều năm qua, việc bảo tồn di sản chủ yếu tập trung vào kiến trúc, khảo cổ hay lễ hội, trong khi hệ thống địa danh cổ chưa được quan tâm đúng mức. Không ít địa danh đã bị giải thích theo nghĩa Hán Việt hoặc bằng các giai thoại dân gian, làm mờ đi lớp nghĩa nguyên thủy vốn phản ánh lịch sử và văn hóa Champa.

Trường hợp Thị Nại là một ví dụ tiêu biểu. Nhiều công trình nghiên cứu cho rằng địa danh này có quan hệ với Sri Binay (Binoy) - tên gọi gắn với cảng thị quan trọng



Mưu sinh trên đầm Trà Ổ. Ảnh: N.M

của vương quốc Vijaya, được ghi nhận trong nhiều thư tịch Trung Hoa qua các dạng phiên âm như Thi-lị-bị-nại, Thi-bị hay Thi-bị-nại. Theo thời gian, quá trình rút gọn ngữ âm đã hình thành tên gọi Thị Nại còn tồn tại đến ngày nay. Tương tự, địa danh Chà Bàn, cùng các biến thể Trà Bàn, Xà Bàn hay Đồ Bàn, phản ánh quá trình chuyển đổi ngữ âm và ký âm của kinh đô Vijaya trong thư tịch Hán và sử liệu Việt Nam. Những biến đổi ấy không chỉ là hiện tượng ngôn ngữ mà còn ghi lại quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa Champa với Đại Việt suốt nhiều thế kỷ. Có thể nói, mỗi địa danh là một mảnh ký ức của vùng đất. Khi hiểu được nguồn gốc của tên gọi, chúng ta cũng hiểu thêm về lịch sử cư dân, về phương thức khai thác tự nhiên và về sự giao thoa văn hóa đã tạo nên diện mạo của Gia Lai hôm nay.

Đánh thức nguồn lực từ những tên đất cổ

Trong bối cảnh Gia Lai đang xây dựng bản sắc văn hóa của một tỉnh mới sau sáp nhập, hệ thống địa danh mang dấu ấn Champa hoàn toàn có thể trở thành một nguồn lực phát triển. Để thực hiện điều đó, chúng ta cần tiến hành kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu số về các địa danh cổ trên địa bàn tỉnh. Mỗi địa danh nên được lập hồ sơ khoa học, bao gồm lịch sử hình thành, nguồn gốc ngôn ngữ, biến đổi qua các thời kỳ và giá trị văn hóa liên quan. Đây sẽ là nền tảng phục vụ nghiên cứu, giáo dục và quản lý di sản. Tiếp theo đó, có thể xây dựng “Bản đồ địa danh Champa ở Gia Lai”, kết nối các địa điểm như Thị Nại, Chà Bàn, Lộ Diêu, Hà Ra, Trà Ổ và một số địa danh đang tiếp tục được nghiên cứu thành một tuyến khám phá văn hóa. Đây sẽ là sản phẩm du lịch khác biệt, giúp du khách không chỉ thưởng ngoạn cảnh quan mà còn hiểu được những câu chuyện lịch sử ẩn sau mỗi tên đất. Ngoài ra, cần ứng dụng chuyển đổi số thông qua bản đồ GIS, mã QR, không gian trưng bày số và các chương trình giáo dục địa phương để đưa những câu chuyện về địa danh đến gần hơn với học sinh và cộng đồng. Khi người dân hiểu được vì sao quê hương mình có tên Hà Ra, Trà Ổ hay Thị Nại, di sản sẽ không còn nằm trong các công trình nghiên cứu mà thực sự trở thành một phần của đời sống văn hóa.

Dấu ấn Champa không chỉ còn lại trong các phế tích tháp cổ hay những hiện vật khảo cổ, mà còn hiện diện trong chính những tên đất, tên làng vẫn được người dân Gia Lai sử dụng mỗi ngày. Mỗi địa danh là kết tinh của nhiều lớp lịch sử, phản ánh quá trình cộng cư, giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa người Chăm và người Việt trên dải đất miền Trung. Trong hành trình xây dựng bản sắc của Gia Lai sau sáp nhập, việc nhận diện và phát huy giá trị của hệ thống địa danh mang dấu ấn Champa không chỉ góp phần bảo tồn ký ức văn hóa mà còn mở ra một hướng tiếp cận mới đối với giáo dục di sản, nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch. Khi những tên gọi ấy được nghiên cứu, kể lại và đưa vào đời sống đương đại, chúng sẽ không còn chỉ là những dấu chấm trên bản đồ mà trở thành những “địa chỉ văn hóa”, góp phần khẳng định chiều sâu lịch sử và sự đa dạng văn hóa của vùng đất Gia Lai.

V.M.H

Biểu tượng phồn thực và quan niệm tái sinh trong lễ bỏ mả của người Jrai ở Gia Lai

HỒ XUÂN TOÀN

Lễ bỏ mả (Pơ Thi) là một trong những nghi lễ vòng đời quan trọng của người Jrai, quy tụ đông người. Đến với lễ bỏ mả là đến với một không gian văn hóa dân gian, nơi những quan niệm về vũ trụ, thần linh và triết lý nhân sinh được thể hiện qua các nghi thức, phong tục và sinh hoạt cộng đồng. Đây không chỉ là nghi lễ gắn với tang ma, sự chia ly và kết thúc một vòng đời, mà còn chứa đựng những biểu hiện của sự sống và tái sinh. Người Jrai quan niệm chết là sự chuyển đổi trạng thái của một thực thể, mở đầu cho một kiếp sống khác. Sau khi chết, linh hồn con người chuyển sang một trạng thái khác và tiếp tục tồn tại trong thế giới của người chết (cõi atâu). Quan niệm này được thể hiện qua không gian nhà mồ, hệ thống tượng mồ và các nghi thức diễn ra trong lễ bỏ mả. Chỉ sau lễ bỏ mả, người chết mới chính thức được tiễn đưa về thế giới của tổ tiên, đồng thời những ràng buộc giữa người chết và người sống được giải phóng.

Lễ bỏ mả và biểu tượng phồn thực

Người Jrai cho rằng, sau khi chết, linh hồn con người không đi hẳn mà cũng không còn sống như ở thế giới bên này; sau một thời gian, linh hồn sẽ tái sinh. Vì vậy, sau một thời gian nhất định, tùy điều kiện của từng gia đình, người Jrai làm lễ bỏ mả (bỏ mả) để tiễn đưa linh hồn người chết về với cõi atâu, rồi đầu thai vào một kiếp khác. Ý niệm này thể hiện một quá trình tuần hoàn, chuyển tiếp của linh hồn theo chu kỳ “Người - Ma - Người”. Quan niệm này cũng góp phần lý giải sự khác biệt trong cách ứng xử với người đã khuất của người Jrai, trong đó không hình thành tục thờ phụng tổ tiên theo cách phổ biến ở một số dân tộc khác.

Lễ bỏ mả là nghi lễ dành cho người chết nhưng lại có nhiều biểu tượng của sự sống. Trong không gian nhà mồ không chỉ có những hình ảnh của sự chia ly, mất mát mà còn xuất hiện hình ảnh của sức sống, sự sinh sôi và niềm tin vào sự tiếp nối. Sự chuyển đổi này không chỉ liên quan đến người chết mà còn tác động đến thân nhân và cộng đồng.

Có thể khái quát lễ bỏ mả của người Jrai qua ba bước chính: dựng nhà mả, nghi lễ tiễn đưa linh hồn người chết về cõi atâu và nghi lễ giải phóng cho người sống. Trong quá trình đó, nhiều chi tiết và hoạt động mang ý nghĩa về biểu tượng phồn thực và quan niệm tái sinh được thể hiện rõ. Các chi tiết trang trí từ hàng rào, hệ thống tượng, cột Kút, cột Klao đến bộ mái đều có những hình ảnh, biểu tượng mang tính phồn thực. Đặc biệt, trên các cột Klao, cột Kút của người Jrai ở vùng Krông Pa, Ayun Pa, Phú Thiện... có khắc họa hình tượng sinh thực khí của bà Kroih - một nhân vật trong truyền thuyết của người Jrai, được cho là người có công dạy dân trồng bông, dệt vải.

Có thể nhìn nhận nhà mồ là một không gian mà ở đó thế giới của người chết và người sống được tái hiện dưới dạng biểu tượng. Những chi tiết trang trí cùng hệ thống tượng mồ giúp hình dung thế giới của người chết không phải là một thế giới hoàn toàn xa lạ mà có những điểm tương đồng với thế giới của người sống.

Trong không gian nhà mồ ở lễ bỏ mả có thể nhận thấy sự tương phản giữa cái chết và quá trình hình thành sự sống mới. Các chi tiết mang tính



Lễ bỏ mả của người Jrai tại làng Kép II, xã Ia Ly. Ảnh: H.X.T

phồn thực có thể được nhìn nhận như những biểu hiện của sự sống. Hình tượng người phụ nữ mang thai biểu đạt sự hình thành một sự sống mới, hình tượng người mẹ và đứa trẻ biểu đạt quan hệ sinh thành, hình tượng nam nữ giao hòa biểu đạt sự kết hợp tạo ra thế hệ mới, hình tượng nam nữ để lộ sinh thực khí biểu đạt khả năng sinh sản. Những hình tượng này có thể được nhìn nhận trong mối liên hệ với sự sống, cái chết, tổ tiên và chu kỳ tồn tại.

Quan niệm tái sinh trong lễ bỏ mả của người Jrai

Cùng với các chi tiết mang biểu tượng phồn thực, quan niệm tái sinh còn được thể hiện qua những chi tiết chạm khắc trên đường nóc nhà mồ. Đây là nơi tập trung nhiều họa tiết được chạm khắc thủ công, khắc họa cảnh quan, đời sống sinh hoạt và những đặc trưng trong văn hóa truyền thống của người Jrai.

Trong đó, họa tiết cành lá sum suê uốn lượn ở hai đầu đường nóc được người Jrai gọi là cây Brang - một loại cây rừng thuộc loài dây leo. Khi già, hạt cây rụng xuống, gặp điều kiện thuận lợi sẽ nảy mầm, phát triển thành cây mới và tiếp tục tạo hạt. Quá trình này tạo thành một chu kỳ sinh trưởng: *Hạt rơi xuống đất/ cây mới mọc lên/ trưởng thành/ tạo hạt/ hạt lại rơi xuống đất/ nảy mầm, phát triển thành cây mới*. Có thể xem đây là một mô hình tự nhiên để con người hình dung về sự tiếp nối của sự sống. Quá trình chuyển tiếp của chu kỳ sinh trưởng cây Brang được người Jrai ví như chu kỳ của vòng đời con người. Bên cạnh đó, các chi tiết như trồng cây chuối,



Tượng được bài trí xung quanh nhà mồ. Ảnh: H.X.T



Tượng nam nữ trong tư thế giao hoan tại khu nhà mồ làng Kép, xã Ia Ly. Ảnh: H.X.T

cây mía xung quanh nhà mồ, thả gà con vào trong nhà mồ, rải hạt thóc lên mái nhà mồ trong thời gian làm lễ bỏ mả... cũng nhằm biểu đạt một sự sống mới, gắn với quan niệm tái sinh.

Trong lễ bỏ mả, đặc biệt là nghi lễ tiễn đưa linh hồn người chết về với thế giới của người chết, PGS. TS. Ngô Văn Doanh nhận định: Lễ bỏ mả là *"cuộc trình diễn nghệ thuật lớn nhất, phong phú nhất và cũng mang tính tổng hợp nhất"*⁽¹⁾. Trong cuộc trình diễn đó, nhiều loại hình văn hóa, văn nghệ dân gian được thể hiện với những trạng thái khác nhau trong tiếng cồng chiêng lúc dặt dìu, réo rắt, lúc vui tươi, phấn khởi. Biểu tượng phồn thực và quan niệm tái sinh một lần nữa được thể hiện qua hình ảnh các con rối với tư thế nam nữ giao hoan. Dưới sự điều khiển của người diễn, các

động tác giao hoan được lặp đi lặp lại, làm cho ý niệm về sự sinh sôi, tái sinh được thể hiện trực tiếp trong không gian lễ hội.

Việc đặt hình ảnh con người bên cạnh hình ảnh của thế giới tự nhiên, diễn tả sự sống trong bối cảnh nghi lễ của cái chết đã tạo nên nhiều chi tiết mang biểu tượng phồn thực và quan niệm tái sinh. Sau nghi lễ tiễn đưa linh hồn người chết, người Jrai thực hiện nghi lễ giải phóng cho người sống. Thân nhân của người đã chết tắm rửa, thay quần áo mới rồi hòa vào dòng người, cùng vui chơi với dân làng trong tiếng cồng chiêng.

Ý niệm tái sinh được thể hiện ở chỗ những ràng buộc giữa người chết và người sống từ đây chấm dứt. Người góa ở lại được phép lấy chồng, lấy vợ và tạo lập cuộc sống mới. Như vậy, lễ bỏ mả là nghi lễ mà trong đó cả người chết và người sống đều chuyển trạng thái. Người chết được giải phóng để đi về thế giới của tổ tiên; người sống được giải phóng để tiếp tục cuộc đời. Chính tại đây, biểu tượng phồn thực và tái sinh gặp nhau rõ ràng: khi một vòng đời kết thúc, một vòng đời khác mở ra.

Cồng chiêng đóng vai trò quan trọng trong lễ bỏ mả và được xem như phương tiện giao tiếp giữa con người với thế giới thần linh. Không gian

nhà mồ không phải là một không gian hoàn toàn tĩnh lặng. Tiếng cồng chiêng, tiếng múa, tiếng nói, tiếng hát, tiếng gọi và các hoạt động cộng đồng tạo nên một môi trường diễn xướng đặc biệt. Âm thanh cũng chuyển từ sắc thái trầm buồn sang không khí vui tươi, sôi động.

Các nhóm người hóa trang, thường được gọi là Pram, cũng xuất hiện trong lễ bỏ mả. Trong một số cách lý giải, Pram được xem là những nhân vật thuộc thế giới của người chết trở về; có quan niệm cho rằng họ bảo vệ người chết khỏi những hồn ma ác hoặc trở về để cùng vui với người sống. Dù được nhìn nhận theo cách nào, sự xuất hiện của các Pram đều mang ý nghĩa về sự chuyển trạng thái. Người sống hóa trang thành người chết, trong khi người chết được hình dung như có thể trở về với sự sống.

Khi nghi lễ kết thúc, ranh giới giữa người chết và người sống được tạo lập, tạm thời phá vỡ rồi tái lập theo một cấu trúc rõ ràng: *"Tạo lập - phá vỡ - tái lập ranh giới"*.

Điều này cho thấy quan niệm về tái sinh của người Jrai không chỉ bó hẹp trong ý nghĩa một cá nhân chết đi rồi đầu thai trở lại, mà còn có thể được nhìn nhận rộng hơn như một nguyên lý về sự tiếp nối của sự sống. Quan niệm tái sinh trở thành một cách nhìn về vòng đời và sự tồn tại, qua đó giúp con người đối diện với cái chết nhẹ nhàng hơn. Cái chết vốn gắn với mất mát và đau buồn. Nhưng trong thế giới quan Jrai, cái chết được đặt trong một chu trình lớn hơn. Người chết không biến mất hoàn toàn mà chuyển sang một thế giới khác và tiếp tục sự sống.

Như vậy, lễ bỏ mả của người Jrai không chỉ là nghi lễ tiễn đưa người chết về với thế giới của tổ tiên mà còn là một không gian văn hóa thể hiện quan niệm về sự sống, cái chết và tái sinh. Giá trị của lễ bỏ mả không chỉ nằm ở nghi lễ hay nghệ thuật tượng mồ mà còn ở chiều sâu của quan niệm nhân sinh. Ở đó, biểu tượng phồn thực và quan niệm tái sinh được đặt trong tổng thể không gian và thời gian của lễ bỏ mả, tạo nên sự kết nối giữa cái chết và sự sống, giữa sự kết thúc của một cá nhân và sự tiếp nối của các thế hệ. Vì vậy, có thể xem các biểu tượng phồn thực là một cách biểu đạt quan niệm tái sinh của người Jrai.

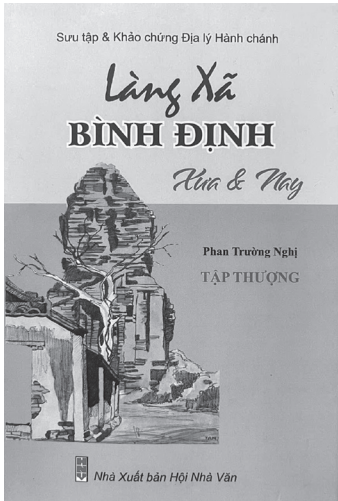
H.X.T

(1). Ngô Văn Doanh (1995), *Lễ hội bỏ mả Bắc Tây Nguyên*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr.62.

Khảo chứng về làng, xã Bình Định xưa và nay

(Độc tập sách *Làng Xã Bình Định Xưa & Nay*,
NXB Hội Nhà văn, 2025 của Phan Trường Nghị)

ĐỨC LINH



Đằng sau mỗi tên làng, tên xã là những lớp trầm tích lịch sử, văn hóa của một vùng đất. Tìm về nguồn cội địa danh cũng là trở về với diện mạo quê hương qua những biến thiên thời gian. Với *Làng Xã Bình Định Xưa & Nay* (NXB Hội Nhà văn, 2025), nhà nghiên cứu Phan Trường Nghị góp thêm một công trình công phu, khảo chứng lịch sử hình thành, biến đổi của làng xã Bình Định qua các thời kỳ. Với hơn 1.100 trang sách, chia thành hai tập thượng và hạ, đây là kết quả của nhiều năm sưu tầm, điền dã, đối chiếu tư liệu của ông.

1. Ngay từ đầu, tác giả đã xác định rõ giới hạn và mục đích của công trình: “Thực hiện tập sách này, chúng tôi không có tham vọng diễn đạt ý nghĩa, nội dung tên gọi Làng Xã của tỉnh Bình Định. Chúng tôi chỉ khảo sát việc dựng lập và cải đổi địa danh hành chính, ghi nhận biến động địa giới của chúng qua từng thời kỳ”. Lời bộc bạch ấy cũng chính là chìa khóa để tiếp cận cuốn sách. Đây không phải công trình giải nghĩa địa danh theo hướng ngữ nguyên học, càng không phải một tập khảo cứu phong tục, văn hóa làng xã theo nghĩa rộng. Trọng tâm của sách là quá trình hình thành, thay đổi tên gọi, địa giới và đơn vị hành chính của các làng, xã Bình Định qua lịch sử. Từ đó, tác giả giúp người đọc nhận ra sự vận động của một vùng đất trong mối quan hệ với những biến chuyển lớn của quốc gia.

Bình Định khởi đầu là phủ Hoài Nhơn từ năm 1471, dưới triều Lê Thánh Tông. Qua các thời kỳ lịch sử, đặc biệt trong giai đoạn Trung hưng và thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, diện mạo làng xã nơi đây từng bước hình thành và phát triển. Tuy nhiên, việc nhận diện đầy đủ những đơn vị cư trú, địa danh và địa giới hành chính của Bình Định xưa không phải điều dễ dàng. Tác giả cho biết, năm 1776, khi Lê Quý Đôn được chúa Trịnh phái vào làm Hiệp trấn Thuận Hóa, ông cho các huyện quan Quảng Nam lược khai ruộng đất từ Quảng Nam vào đến Gia Định. Riêng vùng Bình Định lúc bấy giờ đang diễn ra chiến sự giữa nhà Tây Sơn và chúa Nguyễn nên không được thống kê trong *Phủ biên tạp lục*. May mắn thay, tư liệu về làng xã Bình Định vẫn được lưu giữ trong hai bộ địa bạ triều Nguyễn: địa bạ năm 1815 dưới triều Gia Long và địa bạ năm 1839 dưới triều Minh Mạng. Đây là những nguồn tư liệu quan trọng, giúp hình dung tương đối chính xác diện mạo các xã, thôn, huyện, phủ và tỉnh thành Bình Định thời bấy giờ.

Trong công trình, tác giả khảo sát làng xã Bình Định dưới triều Nguyễn, những biến động qua các triều Gia Long, Minh Mạng, Đồng Khánh. Tiếp đó là giai đoạn Pháp thuộc, dưới chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Việt Nam Cộng hòa và sau năm 1975. Mỗi thời kỳ có những cách tổ chức, quản lý và điều chỉnh địa giới riêng, tác động trực tiếp đến sự tồn tại, thay đổi của tên làng, tên xã.

Chẳng hạn, trong cuộc cải cách hành chính dưới triều Minh Mạng, các trấn được đổi thành tỉnh, Bắc thành và Gia Định thành bị bãi bỏ, thể hiện xu hướng tập trung quyền lực về triều đình. Ở cấp địa phương, những thay đổi về đơn vị hành chính cũng diễn ra mạnh mẽ. Năm 1832, triều Minh Mạng có chủ trương cải đổi một số địa danh làng xã, đồng thời nâng cấp lên thành thôn, xóa bỏ cấp xã trong hệ thống hành chính địa phương. Những thay đổi ấy cho thấy tên gọi làng xã không phải một thực thể bất biến. Chúng chịu tác động của chính sách quản lý, sự phát triển dân cư, việc khai khẩn đất đai và những yêu cầu tổ chức lãnh thổ qua từng thời kỳ.

2. Điểm đáng quý của cuốn sách là từ những vấn đề tưởng như khô khan của địa giới hành chính, tác giả đã giúp người đọc nhận ra mối liên hệ giữa lịch sử và những địa danh thân thuộc hôm nay. Những tên gọi Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Tuy Phước, An Nhơn, Quy Nhơn... là kết quả của những quá trình dựng lập, phân chia, sáp nhập và điều chỉnh kéo dài qua nhiều thế kỷ. Ví dụ như An Nhơn, tác giả cho chúng ta những thông tin cụ thể về địa danh này cũng những đổi thay địa giới hành chính và tên gọi theo thời gian. Theo đó, tên gọi An Nhơn xuất hiện từ năm 1832, khi huyện Tuy Viễn được chia thành Tuy Viễn và Tuy Phước, lập phủ An Nhơn quản lãnh hai huyện. Qua các thời kỳ, địa giới An Nhơn nhiều lần điều chỉnh. *"Năm 1910, tổng Mỹ Thuận của huyện Tuy Viễn sau khi trích lập*

số làng cho huyện Bình Khê, cải tên là tổng Mỹ Đức. Bấy giờ phủ An Nhơn trực tiếp lãnh 4 tổng Phú Phong, Mỹ Đức, Nhơn Ngãi và An Ngãi. Sau phủ lập thêm tổng Háo Đức, trích lập từ 9 làng của tổng An Ngãi, nhận thêm 12 làng của tổng Xuân An huyện Phù Cát và 14 làng của tổng Dương Xuân phủ Tuy Phước. Và rồi tổng Phú Phong cắt chuyển cho huyện Bình Khê, phủ An Nhơn năm 1935 còn quản 4 tổng An Ngãi 26 làng, Nhơn Ngãi 28 làng, Háo Đức 35 làng, Mỹ Đức 19 làng. Nhưng với thực tế, Mỹ Đức bấy giờ chỉ 12 làng. Sau năm 1935, phủ An Nhơn lập mới thêm 2 tổng, quản tất cả 6 tổng, là An Ngãi, Nhơn Nghĩa Thượng, Nhơn Nghĩa Hạ, Mỹ Đức, Háo Đức Thượng, và Háo Đức Hạ.

Tiếp sau năm 1946, huyện An Nhơn bỏ tổng lập xã, rồi hợp xã, các xã đều bắt đầu bằng chữ Nhơn. Năm 1950, An Nhơn tách các thôn Bả Canh, Bằng Châu, Mỹ Hòa, Phương Danh, Tân Ninh của xã Nhơn Hậu lập thành xã Đập Đá, cho trực thuộc tỉnh.

Năm 1958, quận An Nhơn của tỉnh Bình Định dưới chính thể VNCH có 13 xã: Đập Đá, Nhơn An, Nhơn Hạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Khánh, Nhơn Lộc, Nhơn Mỹ, Nhơn Phong, Nhơn Phúc, Nhơn Thành, Nhơn Thọ” (tr. 635).

Ngày 28.11.2011, thị xã An Nhơn chính thức được thành lập theo Nghị quyết số 101/NQ-CP của Chính phủ, gồm 15 đơn vị hành chính gồm 5 phường và 10 xã. Từ một địa danh xuất hiện trong hệ thống phủ huyện triều Nguyễn đến một thị xã, An Nhơn là minh chứng sinh động cho sự biến đổi của không gian hành chính.

Trong sách, chúng ta còn được đọc những bài nghiên cứu, khảo luận của ông trong mục “Trở về cùng với địa danh xưa” với nhiều bài viết về tường thuật của Christoforo Bori, về Đào Tấn với biệt lữ Xuân Quang, về địa danh Phú Đa qua câu ca dao xưa... Những khảo luận mở ra những hướng tiếp cận khác nhau đối với lịch sử địa phương. Từ những dữ liệu hành chính, tác giả đưa người đọc trở về với những không gian lịch sử từng tồn tại, những địa danh có thể đã thay đổi tên gọi, địa giới nhưng vẫn lưu dấu trong văn hóa và ký ức quê hương.

Trong bối cảnh địa giới hành chính có những đổi thay, việc nhận diện lịch sử hình thành và biến động của làng xã càng có ý nghĩa. Bởi vậy, *Làng Xã Bình Định Xưa & Nay* là công trình cần được đọc chậm, tra cứu và đối chiếu. Giá trị của sách trước hết nằm ở hệ thống tư liệu phong phú, công phu khảo chứng và cách nhìn xuyên suốt các thời kỳ lịch sử. Nhưng hơn thế, công trình còn gợi mở một nhận thức, ấy là, muốn hiểu sâu về quê hương hôm nay, cần trở về với những lớp địa danh, làng xã đã làm nên diện mạo quê hương từ hôm qua...

Đ.L

NHÀ THƠ LÊ BÁ DUY

Mang quê hương theo những mùa thơ



Nhà thơ LÊ BÁ DUY. Ảnh: NVCC

Với nhà thơ Lê Bá Duy (sinh năm 1966, hiện sinh sống ở Tuy Phước Bắc), thơ trước hết là một cách để anh trở về. Trở về với xa xưa thơ ấu, với dòng sông cánh đồng, ngôi làng và những năm tháng đã làm nên căn cước tâm hồn của một con người. Quê hương trong thơ Lê Bá Duy hiện lên thân thương gụi gần. Đó là làng Tinh Giang, là sông Côn, núi Bà, tháp Bánh Ít, là bờ tre, mái nhà, là bóng dáng mẹ cha và những tháng năm tuổi nhỏ. Anh viết về những gì mình từng sống, từng yêu, từng day dứt. Bởi thế, nhiều câu thơ có vẻ như chỉ kể lại một kỷ niệm riêng, nhưng phía sau đó lại là nỗi niềm chung của những người từng rời quê mà trong lòng vẫn khôn nguôi khắc khoải.

Đến nay, Lê Bá Duy đã có một hành trình sáng tác khá dày dặn với 10 tập thơ, một trường ca và hai tập phê bình - tiểu luận. Trong đó có những tập thơ như *Hạt tình* (2003), *Nhóm lửa* (2005), *Thời gian, nỗi nhớ* (2006), *Như những cơn mưa* (2008), *Tinh huyết* (2009), *Khoảng mông* (2011), *Sáu mươi mùa xuân gửi lại* (2012), *Ngang qua mùa hạ* (2014), *Từ Tinh Giang tôi lớn* (2025). Các tập tiểu luận như *Đồng cảm với văn chương* (2013), *Mở phím thơ* (2025). Anh cũng đang chuẩn bị cho những bản thảo mới, trong đó có tập thơ *Trạm ký ức* mà anh rất tâm đắc.

Có thể nói, càng đi xa trong đời sống, Lê Bá Duy càng về gần hơn với cội nguồn. Anh mang theo quê nhà trong ký ức, trong câu chữ và trong cách nhìn cuộc đời. Và có lẽ, đó cũng là điều làm nên nét riêng trong thơ anh, một giọng thơ mộc mạc mà da diết, giản dị mà nặng tình.

Lê Bá Duy đang là hội viên Chi hội Văn học. Tạp chí Văn nghệ Gia Lai số này xin trân trọng giới thiệu chùm thơ của anh.

VÂN PHI (chọn và giới thiệu)

Tiến một người

Một người về với núi Tình
trăm người đưa tiễn lặng thình nổi buồn
rượu quanh mộ huyết rượu sông
thấp hương ly biệt giữa muôn thét gào

Sáng trưa chiều tối, trăng sao
kiếp người mới đó bay vào thiên thu
từ trong vô thủy mịt mù
trở về cát bụi vân du đất trời

Sống là tắt bật với đời
thác là yên nghỉ chỉ cười với mây
sống là mơ ước đủ đầy
thác là tro bón cỏ cây cõi người

Trèo lên đỉnh núi ngồi chơi
ngắm nhìn sông nước rồi cười như điên
cây giao che bóng mẹ hiền
trong tâm tưởng gọi một miền quê hương.

Trạm ký ức

Có một trạm ký ức trong ta
con tàu nhỏ đưa ta về quá khứ
nghe thời gian gõ vào ga tư lự
neo ta vào ngày tháng khôn nguôi.

Con đường xưa gió thổi qua rồi
tiếng mẹ gọi giữa chiều vàng rơi vãi
trạm ký ức đưa ta về lại
tuổi thơ ngày nào như mới hôm qua.

Khoảng sân nhỏ dưới bóng tre già
mẹ vá áo dưới đèn dầu leo lét
tiếng ve rộn, cánh đồng mùa gặt hái
đã hằn sâu thành kỷ niệm trong hồn

Có một trạm ký ức không tên
chỉ mở cửa cho người về lặng lẽ
và ở đó gặp lại mình nhỏ bé
chạy rong theo những cánh điều bay

Có một trạm ký ức mơ xa
nơi dấu chân cha còn in trên cát
giọng mẹ ru ầm trong từng lời hát
dù ta qua giông bão cuộc đời.

Rồi con tàu vẫn tiếp tục trôi
mang ký ức làm hành trang phía trước
trạm ký ức không khép lời tiễn biệt
chỉ nhắc rằng sống phải ý nghĩa thôi.

Trong căn phòng của ba

Đêm thứ hai
trong căn phòng ba, tôi lặng lẽ
thấp lên nỗi đau đầu tuổi thơ
sao có thể hình dung được hết
ngày xưa ơi, chậm chậm quay về...

Dòng sông nào chảy dọc đầm mê
chiếc sồng nhỏ khua chèo vang sóng lặn
con cá quẫy dưới trăng vàng lấp lánh
mắt sao trời giăng khắp lối con đi...

Hàng tre nào chải tóc trời xanh
núi cánh diều khát khao bay bổng
đêm mùa hạ trên núi cao lồng lộng
lửa rực trời thấp sáng một vùng quê

Tôi lần theo đất mới lòng đê
lặn ngụp suốt một chặng đời lam lũ
ký niệm xưa tưởng chừng đã cũ
nay lại về căn phòng nhỏ ba tôi...

Chiếc gương soi chột thẳng thốt bên tường
cậu bé nhỏ sao giờ khác thế?
râu tóc bạc mà ngỡ mình còn trẻ
nở nụ cười đau bể thời gian...

Neo

Ngôi sao neo giữa bầu trời
Anh neo anh giữa cuộc đời áo cơm

Mẹ cha neo giữa rạ rơm
Hoa neo một chút hương thơm cho đời

Tháng năm vật đổi sao dời
Cỏ neo đất với màu trời xanh tươi...

Dây neo có lúc rã rời
Riêng ta vẫn mãi neo người với thơ.

L.B.D

Ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình trong hội họa

NGDK. LÊ TRỌNG NGHĨA

LTS: Lý luận phê bình Mỹ thuật, Âm nhạc, Điện ảnh, Sân khấu... là một nội dung mới trong Chương trình GDPT 2018, nhằm nâng cao hiểu biết các loại hình nghệ thuật, hỗ trợ phát triển năng lực Ngữ văn, đưa bộ môn gần gũi hơn với thực tiễn đời sống phong phú.

Trong số này, tạp chí Văn nghệ Gia Lai giới thiệu bài phê bình Mỹ thuật của điều khắc gia Lê Trọng Nghĩa, giúp các em hiểu thêm về ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình trong hội họa - một bộ môn của Mỹ thuật.

Đêm đầy sao - Ánh sáng của niềm tin trong bóng tối

Trong lịch sử nghệ thuật phương Tây, có những tác phẩm không chỉ chinh phục người xem bằng vẻ đẹp tạo hình mà còn lay động chiều sâu tâm hồn. *Đêm đầy sao* (The Starry Night) của danh họa người Hà Lan Vincent Van Gogh là một kiệt tác như thế. Không đơn thuần là một bức tranh phong cảnh đêm, tác phẩm là tiếng vọng mãnh liệt từ nội tâm của một người nghệ sĩ cô độc, nhạy cảm và đầy khát vọng sống.

Bức tranh ra đời năm 1889, trong thời gian Van Gogh điều trị tại bệnh viện tâm thần ở Saint-Rémy-de-Provence. Cảnh vật được lấy cảm hứng từ khung cảnh nhìn ra từ cửa sổ phòng bệnh, nhưng không phải là một đêm yên bình. Đó là một vũ trụ đang xoáy động, phản chiếu tâm hồn đầy giằng xé của người nghệ sĩ. Bố cục tranh được chia làm ba lớp rõ rệt: bầu trời chiếm phần lớn không gian phía trên với những dải xoáy cuộn và mặt trăng vàng rực; cây trắc bá đen vươn thẳng lên như ngọn lửa; và phía dưới là ngôi làng nhỏ chìm trong yên tĩnh. Sự đối lập ấy gợi lên khoảng cách giữa con người và vũ trụ, giữa đời sống trần thế và thế giới tâm linh.

Về mặt tạo hình, Van Gogh sử dụng những đường nét xoáy mạnh, uốn lượn liên tục, như những dòng suy nghĩ không ngừng nghỉ trong tâm trí.

Gam màu chủ đạo là xanh lam và vàng - màu của đêm tối và ánh sáng - tạo nên sự căng thẳng thị giác, đồng thời biểu trưng cho cuộc đấu tranh giữa tuyệt vọng và hy vọng. Cây thập giá, trong văn hóa phương Tây thường gắn với cái chết, được đặt ở vị trí trung tâm như một biểu tượng ám ảnh. Qua đó, Van Gogh đặt cái chết ngay giữa sự sống, như một câu hỏi lặng thầm về thân phận con người. Bức tranh không tái hiện thiên nhiên theo lối tả thực mà giống như một bản hòa âm giữa hình ảnh và cảm xúc, nơi mỗi đường nét là một tiếng lòng.

Ánh sáng trong *Đêm đầy sao* không phải ánh sáng dịu dàng của bình minh, mà là ánh sáng bùng lên từ nỗi cô đơn sâu thẳm. Điều đó khiến ta liên tưởng đến nỗi thao thức trong thơ Hàn Mặc Tử, hay khát vọng sống mãnh liệt của Xuân Diệu trong *Vội vàng*. Nếu Xuân Diệu khát khao sống đến tận cùng từng khoảnh khắc, thì Van Gogh cũng khát sống, nhưng trong một chiều kích khác: lặng thầm, gấp gáp và đầy tuyệt vọng. Dẫu vậy, giữa bầu trời tưởng chừng hỗn loạn ấy, những vì sao vẫn tỏa sáng - như niềm tin mong manh nhưng không bao giờ tắt.

Vượt khỏi giá trị thị giác, *Đêm đầy sao* chứa đựng thông điệp nhân văn sâu sắc. Đó là lời tự sự của một con người đang đi tìm ánh sáng trong tận cùng đau khổ. Van Gogh sống trong nghịch cảnh, bệnh tật và cô lập, nhưng ông không ngừng vẽ, không ngừng tin vào nghệ thuật như một sự cứu rỗi. Như Nguyễn Minh Châu từng viết: "Cái đẹp tuyệt đỉnh là cái đẹp làm ta đau đớn", *Đêm đầy sao* chính là cái đẹp như thế - sinh ra từ tổn thương, nhưng lại có sức chữa lành mạnh mẽ.

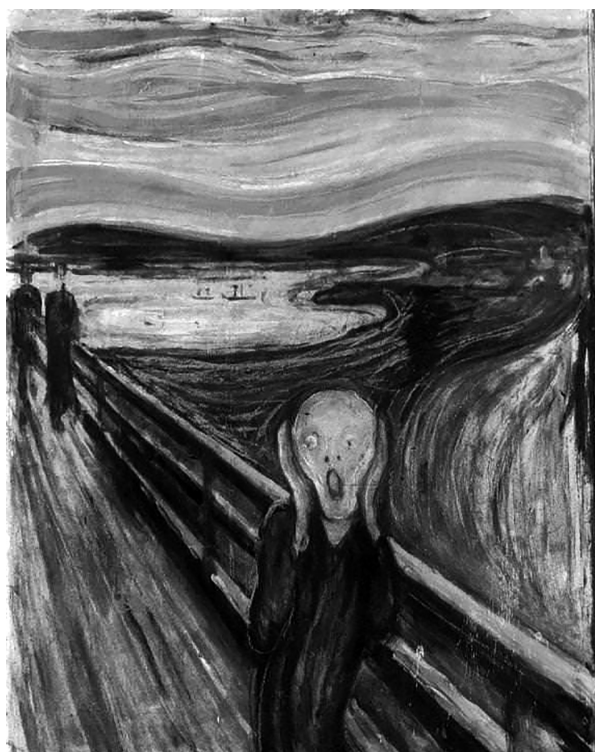


Đêm đầy sao (The Starry Night) của danh họa Vincent Van Gogh

Với riêng tôi, bức tranh là một lời nhắc nhở trầm lắng: trong cuộc sống, sẽ có lúc ta lạc lối giữa đêm tối của thất bại, cô đơn hay hoài nghi chính mình. Nhưng chỉ cần còn giữ được một “vì sao” - một niềm tin nhỏ bé - ta vẫn có thể bước tiếp. Lý tưởng sống không phải là không bao giờ gục ngã, mà là không buông bỏ ước mơ ngay cả khi mình cô đơn nhất. Van Gogh đã đi qua bóng tối bằng nghệ thuật và niềm tin. Và chính điều đó khiến Đêm đầy sao trở thành ánh sáng dẫn đường cho những tâm hồn đang kiếm tìm hy vọng.

Tiếng hét - Khi nỗi cô đơn trở thành hình dáng và màu sắc

Nghệ thuật không chỉ để ngắm nhìn mà còn để lắng nghe. Có những tác phẩm không phát ra âm thanh nhưng vẫn khiến người xem cảm nhận rõ rệt những tiếng động vang vọng từ sâu trong tâm hồn. *Tiếng hét* (The Scream) của họa sĩ Na Uy Edvard Munch là một tác phẩm như thế. Không hoàn mỹ về tạo hình, không cân đối về bố cục, không dịu dàng về màu sắc, nhưng bức tranh lại cất lên một tiếng kêu dữ dội - tiếng hét của nỗi cô đơn, hoảng loạn và bất an của con người trước thế giới.



Tiếng hét (The Scream) của họa sĩ Na Uy Edvard Munch

Bức tranh được Munch sáng tác năm 1893, xuất phát từ một trải nghiệm có thật của chính ông. Trong một lần đi dạo, Munch bất chợt cảm thấy bầu trời đỏ rực, không gian như rung chuyển, và ông có cảm giác “thiên nhiên đang hét lên”. Trải nghiệm ấy được chuyển hóa thành hình ảnh một con người đứng trên cây cầu, hai tay ôm đầu, miệng há rộng trong trạng thái sợ hãi tột độ. Không gian xung quanh bị bóp méo: bầu trời đỏ như máu, mặt nước và mặt đất uốn lượn bất thường. Đó không còn là cảnh vật bên ngoài, mà là thế giới nội tâm đầy rối loạn của con người.

Điều đặc biệt là nhân vật trong tranh không mang đặc điểm giới tính hay tuổi tác rõ ràng. Gương mặt méo mó, hình dáng mơ hồ khiến nhân vật trở thành biểu tượng chung cho nỗi sợ của con người nói chung. Dáng người nhỏ bé, co rút giữa không gian rộng lớn càng làm nổi bật cảm giác cô đơn, lạc lõng. Đáng chú ý hơn, phía sau nhân vật là hai người bạn vẫn bước đi bình thản, dường như không nghe thấy “tiếng thét” kia. Chi tiết ấy gợi ra một sự thật đau đớn: có những nỗi sợ chỉ tồn tại trong nội tâm, không ai nhìn thấy và cũng không ai lắng nghe.

Tiếng thét không chỉ là tiếng thét của riêng Edvard Munch, mà còn là tiếng thét của con người hiện đại. Trong xã hội ngày nay, nhiều người - đặc biệt là người trẻ - phải đối diện với áp lực học tập, kỳ vọng gia đình, sự so sánh và những tiêu chuẩn hoàn hảo vô hình. Bên ngoài có thể mỉm cười, nhưng bên trong lại hoảng loạn và trống rỗng. Những tiếng thét ấy không vang lên thành lời, mà lặng lẽ tồn tại, âm ỉ và day dứt.

Trong văn học, ta cũng bắt gặp những “tiếng thét” như thế. Đó là nỗi cô đơn đau đớn và kỳ dị trong thơ Hàn Mặc Tử - một tiếng kêu vừa mê sảng vừa tuyệt vọng giữa cuộc đời. Đó còn là bi kịch nội tâm của nhân vật Hộ trong *Đời thừa* (Nam Cao), người trí thức luôn giằng xé giữa lý tưởng và thực tại, đau đớn vì không được sống đúng với con người mình. Họ không thét lên bằng âm thanh, nhưng tiếng kêu trong tâm hồn họ cũng dữ dội không kém nhân vật trong tranh của Munch.

Với tôi, *Tiếng thét* không chỉ là một bức tranh, mà là một khoảnh khắc đồng cảm sâu sắc. Tác phẩm nhắc tôi hiểu rằng con người không chỉ đau khi bị tổn thương, mà còn đau khi không thể nói ra nỗi đau của mình. Có những cảm xúc không cần lời khuyên, không cần giải thích - chỉ cần được thấu hiểu và lắng nghe.

Nghệ thuật của Edvard Munch không nhằm làm đẹp cho thế giới, mà giúp con người dũng cảm đối diện với phần mong manh trong chính mình. Trong nhịp sống ngày càng vội vã, *Tiếng thét* khiến ta chậm lại để lắng nghe tiếng nói thầm lặng bên trong - nơi con người vẫn đang kêu lên, khẩn thiết nhưng âm thầm: tôi đang tồn tại, và tôi cần được thấu hiểu.

L.T.N

Thảo nguyên châu Phi

RAY BRADBURY (Mỹ)

Ray Bradbury (1920 - 2012) là nhà văn chuyên sáng tác các tác phẩm kinh dị, khoa học viễn tưởng, kỳ ảo của Mỹ. Ông được vinh danh là một trong những nhà văn nổi tiếng nhất thế kỷ XX và XXI. Ông đã đoạt các giải thưởng: Giải thưởng O. Henry dành cho truyện ngắn (1947); Giải Emmy với tiểu thuyết *The Halloween Tree* (1972); Huy chương của Hội đồng giải thưởng sách Quốc gia năm 2000; Huy chương Nghệ thuật Quốc gia năm 2004; Giải Pulitzer văn học và nghệ thuật năm 2007. Một số tác phẩm của ông đã được dịch và xuất bản tại Việt Nam: *451 độ F*, *Biên niên ký sao Hỏa*, *Xứ tháng Mười*, *Người minh họa...*



"Anh George. Em ước gì anh coi kĩ lại, hoặc mời một nhà tâm lí học khảo sát lại nhà thiếu nhi".

"Được, chúng ta cùng đi xem".

Hai vợ chồng cùng bước xuống tầng đại sảnh của Ngôi nhà Sống Vui có hệ thống cách âm hoàn hảo, một cỗ máy khổng lồ được lắp đặt với giá ba mươi nghìn đô la. Ngôi nhà này nuôi nấng họ từng li từng tí: nó nấu nướng cho họ ăn, ru họ ngủ, chơi đùa, ca hát và giải quyết mọi nhu cầu thường nhật. Đèn ở nhà thiếu nhi tự động bật sáng lung linh khi bước chân họ tiến đến gần, và phía sau lưng, hệ thống cảm ứng lập tức ngắt đèn ở các dãy hành lang vừa đi qua.

"Được đấy", George quay sang nói với vợ.

Họ dừng chân trên mặt sàn lát rạ nhân tạo của khu nhà thiếu nhi. Căn phòng rộng lớn thoạt tiên trông vắng như một cánh rừng trưa khô khốc. Bốn bức tường trơn nhẵn, phẳng phiu hai chiều bỗng phát ra những tiếng kêu rừ rừ khe khẽ, rồi lùi dần vào một cõi vô tận trong suốt. Trong chớp mắt, hiện ra trước mắt họ

một thảo nguyên châu Phi sống động ở không gian ba chiều, trải dài khắp mọi hướng. Từng viên sỏi sắc nhọn, từng ngọn rơm rạ rải rác được tái tạo với độ phân giải và màu sắc tuyệt mỹ. Phía trên cao, trần nhà biến thành vòm trời hun hút không đáy, ngập tràn ánh nắng chói chang, vàng vọt và oi ả đến ngột ngạt.

Mồ hôi bắt đầu túa ra, chảy ròng ròng trên trán George. “Đi đi em, nực quá”, anh thốt lên. “Anh thấy nó vượt quá xa so với hiện thực. Nhưng không thấy sai lầm chỗ nào”.

“Chút nữa anh sẽ thấy”, Lydia hạ giọng.

Lúc này, các lỗ thông hơi tinh vi giấu kín đâu đó bắt đầu phả ra làn gió nóng mang theo mùi vị đặc trưng của miền thảo nguyên xích đạo. Mùi rơm rạ cháy nồng nơi dã thú nằm, mùi tanh nồng ẩm ướt của các hồ nước tù đọng, mùi da thịt hăng hắc của muôn loài và thứ bụi bặm khô khốc bốc lên cay nồng tựa như ót cựa gà trong không gian thiêu đốt. Âm thanh cũng trở dậy, tiếng nện đất dồn dập của đàn linh dương đang lao mình qua trảng cỏ, rồi tiếng đập cánh phành phạch, sột soạt ghê rợn của bầy kền kền rình mồi. Một bóng đen to lớn lướt qua khoảng trời rực lửa.

“Đám sinh vật bản thủ”, George nghe tiếng vợ thì thào.

“Lũ kền kền đó”.

“Bầy sư tử đang xa đến theo đường đó. Bây giờ chúng đang đến các hồ nước. Chúng vừa mới nhai mồi,” Lydia nói. “Ồi, em chả biết thứ gì đang đến gần”.

“Một loại động vật nào đó”. George giơ tay che bớt ánh nắng chói chang đang chiếu thẳng vào mắt. “Một con ngựa vằn, hoặc hươu cao cổ còn non”.

“Chắc không anh?”.

“Không, nó vút qua nhanh quá, anh không chắc lắm”.

“Anh có chịu nổi tiếng la hét kinh hoàng đó không?”, vợ anh run rẩy hỏi.

“Khiếp quá”, anh lẩm bẩm.

Bầy sư tử đang lừng lững tiến lại gần. Chúng dừng lại, trừng trừng dán mắt vào George và Lydia bằng đôi con ngươi vàng xanh ma quái.

“Coi chừng!”, Lydia thét lên lạc giọng.

Bầy thú dữ bất thần chồm tới, lao như tên bắn về phía hai người. Theo bản năng sinh tồn, Lydia quay đầu bỏ chạy trốn chết, và George cũng hoảng loạn phóng theo. Họ đóng sầm cửa lại sau lưng.

“Khiếp quá! Chúng vô lấy vợ chồng mình!”.

“Lydia! Hãy nhớ rằng đó chỉ là những bức tường; những bức tường trong suốt, chả có gì khác cả... Để anh lau nước mắt cho em”.

“Em hoảng quá”. Cô nép chặt vào ngực chồng, thổn thức khóc. “Anh thấy chưa? Nó quá thực, em không chịu nổi. Anh phải dặn Wendy và Peter đừng đọc thêm điều gì về châu Phi nữa”.

“Dĩ nhiên rồi”.

“Tại sao chúng ta không đóng cửa trong vài ngày để đi nghỉ dưỡng một thời gian?”.

George ngạc nhiên nhìn vợ: “Ý em là muốn tận tay chiêm trướng cho anh?”

“Dạ”.

“Giặt vớ luôn?”

“Dạ”.

“Rồi em quét dọn nhà cửa nữa?”

“Dạ, đúng vậy”.

“Nhưng anh nghĩ đó là lí do chúng ta mua ngôi nhà này, để chúng ta khỏi phải làm những việc ấy mà?”

“Em cảm thấy như em không thuộc về ngôi nhà này. Nhà bây giờ vừa là vợ, vừa là mẹ, rồi làm bảo mẫu luôn. Và thời gian gần đây, em thấy anh âu lo, tư lự thế nào ấy”.

“Chắc tại anh hút thuốc nhiều thôi”.

“Trông anh như thể không biết phải làm gì với chính mình trong ngôi nhà này”.

“Anh ư?”, George lặng người, cố gắng ngấm lại chuỗi ngày nhàn rỗi đến vô nghĩa vừa qua.

Lydia ngáp ngừng nhìn cánh cửa phòng thiếu nhi: “Bầy sư tử không thể ra khỏi nơi đó, đúng không anh?”. George nhìn chăm chú vào cánh cửa dày dặn. Anh nhận thấy nó rung rinh nhẹ nhẹ như thể ở bên kia, có một khối cơ bắp nặng trĩu vừa chồm lên va đập vào.

“Tất nhiên rồi”.

Bữa tối hôm ấy diễn ra lặng lẽ. Hai vợ chồng ngồi nhìn mặt bàn tự động phục vụ thức ăn. “Chúng tôi chưa có sốt cà chua”, George lên tiếng. “Xin lỗi”, một giọng máy móc cất lên từ gầm bàn, và đĩa nước sốt lập tức trôi lên.

George trầm ngâm. Việc đóng cửa nhà thiếu nhi một thời gian có lẽ là cần thiết. Hệ thống truyền dẫn cảm ứng thần kinh của căn phòng vốn được làm ra để bắt lấy các rung động ý nghĩ của trẻ thơ, hiện thực hóa mọi hình dung kỳ ảo để xoa dịu tâm trí chúng. Trẻ nghĩ đến sư tử, có sư tử. Nghĩ đến ánh mặt trời, có mặt trời. Nhưng thảo nguyên này có vẻ đã vượt ngoài tầm kiểm soát.

“Giờ anh định đi đâu?”, Lydia cất tiếng khi thấy chồng đứng dậy. George không đáp. Lòng trĩu nặng bất an, anh bước dọc hành lang về phía nhà thiếu nhi. Anh áp tai vào cửa, bên trong vẳng ra tiếng bước chân cào cào và một tiếng gầm gừ trầm đục. Bầy sư tử ngẩng đầu lên khỏi đồng thịt đẫm máu mà chúng đang xâu xé, mắt quắc lên nhìn anh chằm chằm. “Biến đi”, anh cất giọng quyền lực ra lệnh. Lũ thú không hề động tĩnh.

Anh biết rõ cơ chế vận hành của căn phòng: truyền suy nghĩ vào và hình ảnh sẽ lập tức biến đổi. “Hãy xuất hiện Aladdin và cây đèn thần!”, anh cúi kính quát to. Thảo nguyên vẫn rực lửa; bầy sư tử vẫn lì lợm vây quanh bãi thịt. “Biến đi! Tôi yêu cầu Aladdin mà!”, anh gào lên.

Mọi thứ bất động. Lũ mãnh thú chỉ phát ra tiếng gầm gừ đe dọa rồi lại vùi mồm vào bữa tiệc đầm máu. Căn phòng dường như đã bị kẹt cứng trong tâm trí của một ai khác.

“Dạ, xin chào ba má”. Tiếng hai đứa trẻ vang lên. Wendy và Peter đã về.

“Tốt! Hai con kịp về ăn tối rồi đó”, vợ chồng George ra đón.

“Tụi con vừa ăn đầy kem dâu và xúc xích. Nhưng tụi con sẽ ngồi xem ba má ăn”.

George nhìn thẳng vào hai đứa trẻ, gần giọng: “Được, ngồi đi, kể rõ ba má biết về nhà thiếu nhi”. Wendy và Peter đưa mắt nhìn nhau, vẻ ngây thơ vô tội: “Nhà thiếu nhi sao vậy ba?”.

“Hãy nói về châu Phi và mọi thứ”, George giả vờ vui vẻ. Peter lắc đầu: “Con không hiểu gì cả”. “Ba má vừa du lịch Châu Phi trên phim cuộn; có bắt gặp cả Tom Swift và sư tử điện tử nữa”, George nói. Peter chớp mắt, đáp rảo hoảng: “Làm gì có châu Phi nào trong nhà thiếu nhi, hả ba?”.

“Ồ, vậy thì coi ngay đi”. Thoăn thoắt, Wendy quay người chạy vụt đi.

“Wendy, quay lại đây!”, George gọi giật giọng, nhưng cái bóng nhỏ đã khuất sau hành lang. Peter bình thản: “Ba yên tâm. Wendy sẽ xem và kể lại”.

“Khỏi cần. Ba xem rồi”.

Nhưng Wendy đã quay trở lại rất nhanh, thở hổn hển: “Làm gì có châu Phi”.

“Chúng ta sẽ cùng xem”, George dẫn hai đứa trẻ bước xuống hành lang và đẩy cửa nhà thiếu nhi. Trước mắt họ không còn bóng dáng sa mạc hay nắng cháy. Thay vào đó là một khu rừng nguyên sinh tươi mát, dòng suối êm đềm lượn quanh ngọn núi tím biếc, và một giọng ca trong trẻo vang vọng. Thảo nguyên đã biến mất không dấu vết.

George đứng sững nhìn khung cảnh bị đánh tráo. Anh quay sang hai đứa con, mặt đánh lại: “Thôi, đi ngủ!”. Lũ trẻ há hốc mồm kinh ngạc.

“Các con nghe ba nói chứ”, anh cao giọng. Cả gia đình rời khỏi căn phòng. Cơn gió từ ống dẫn khí cuốn bọn trẻ bay nhẹ như những chiếc lá nâu, đưa chúng về phòng ngủ trên gác.

George không lên lầu ngay. Anh quay trở lại ngưỡng cửa nhà thiếu nhi, bước vào vạt cỏ nơi lũ sư tử vừa tụ tập ban nãy. Anh cúi xuống nhặt một vật thể lạ nằm lẫn trong đám rơm rạ. Cầm vật đó trên tay, anh chăm chăm trở về phòng ngủ với Lydia.

“Đó là gì?”, cô thảng thốt hỏi. “Một chiếc ví cũ của anh”.

Anh chìa nó ra dưới ánh đèn. Chiếc ví bốc lên mùi cỏ khét lẫn mùi hôi của nước dãi dã thú. Da ví bị cắn nát nhăm nhở bởi những hàm răng sắc nhọn, và ở hai bên mép ví là những vết máu tươi đã khô quánh lại. George quay ngoắt ra ngoài, tra chìa khóa vào ổ cửa nhà thiếu nhi và khóa chặt lại.

Khuya. George trần trọc nhìn lên trần nhà, biết rõ vợ mình bên cạnh vẫn thức. “Anh có nghĩ Wendy đã thay đổi nó không?”. Lydia thì thào trong bóng tối.

“Tất nhiên rồi”.

“Biến nó từ một thảo nguyên hoang dã thành một khu rừng tươi tốt, rồi đặt ca sĩ nhí Rima vào đó?”.

“Đúng”.

“Tại sao vậy?”.

“Anh không biết nữa”, George thở dài náo nức.

“Làm thế nào ví của anh lại bay đến đó?”.

“Anh chả biết gì cả”, giọng anh chùng xuống cay đắng, “chỉ có điều anh bắt đầu thấy ân hận vì chúng ta đã sắm nhà thiếu nhi cho chúng...”.

“Người ta bảo một căn phòng như thế sẽ giúp chúng giảm thiểu các chứng loạn thần một cách có lợi cho sức khỏe, anh ạ”, Lydia nhắc lại như đọc một mẫu quảng cáo. “Anh bắt đầu nghĩ lại và thấy thật đáng tiếc”.

“Vợ chồng mình đã dành cho bọn trẻ mọi thứ mà chúng muốn. Và bây giờ chúng trở nên bất tuân?”. George cay đắng trải lòng: “Ai đó từng nói, ‘Trẻ em là những tấm thảm, lắm khi nên giẫm lên chúng’. Chúng ta chưa bao giờ bạt tai chúng. Chúng về nhà hoặc đi đâu tùy ý; chúng đối xử với chúng ta như thể ba mẹ là kẻ để chúng sai bảo. Chúng hư hỏng, chúng ta cũng hư hỏng luôn”.

Chưa dứt lời, từ phía dưới tầng sâu của ngôi nhà vọng lên một chuỗi âm thanh xé toạc màn đêm. Hai tiếng hét kinh hoàng. Tiếng người gào thét trong tuyệt vọng. Và nối tiếp ngay sau đó là tiếng gầm man dại, đắc thắng của bầy sư tử.

Sáng hôm sau, Peter tìm gặp cha. “Ba ơi!”, cậu bé cất tiếng.

“Gì con?”.

Peter nhìn gầm xuống mũi giày của mình, tuyệt đối không thèm nhìn vào mắt cha hay mẹ: “Ba định đóng cửa nhà thiếu nhi, như vậy tốt sao?”.

“Tất cả còn tùy...”.

“Tùy gì, ba nói đi?”. Peter gắt gỏng, giọng kẻ cả.

“Tùy con và em con. Nếu con biết xen giữa châu Phi một chút sự đa dạng - nào Thụy Điển, nào Đan Mạch...”.

“Con tưởng tụi con được tự do vui chơi theo sở thích chứ!”.

“Cần có một giới hạn hợp lý, con ạ”.

Peter trừng mắt: “Có chuyện gì rắc rối với châu Phi, ba nói đi!”.

“Ồ, vậy bây giờ con thừa nhận con đã gợi nhớ đến châu Phi, đúng không?”.

Khuôn mặt Peter đanh lại, cậu bé lạnh lùng tuyên bố: “Con không muốn khóa nhà thiếu nhi. Không bao giờ!”.

“Thực tế, ba má đang nghĩ đến việc thôi vận hành toàn bộ ngôi nhà trong khoảng một tháng. Sống theo cách mỗi-người-vì-mọi-người và bắt cần tiện nghi, cho thoải mái”.



Minh họa: Lê Duy Khanh

Peter trở mắt kính hãi: “Thế là con phải tự buộc dây giày thay vì để cái máy nhỏ nhỏ kia làm việc đó? Và con phải tự đánh răng, tự chải đầu, tự tắm rửa?”

“Đúng! Sẽ rất thú vị nếu có sự thay đổi như thế!”

“Không, sẽ rất kinh khủng!”, Peter gào thét phẫn nộ.

Trưa hôm đó, chuyên gia tâm lý David McClean đến theo lời mời của George.

“David, nhờ anh xem lại nhà thiếu nhi. Anh đã thấy nó cách đây một năm; lúc đó anh có nhận thấy điều gì khác thường không?”

“Không”.

Hai người đàn ông cùng bước xuống tầng hầm.

“Tôi đã khóa nó lại”, George phân trần, “nhưng lũ trẻ đã lên phá khóa vào ban đêm. Tôi cố tình để nguyên căn phòng để anh khảo sát tâm lý bọn chúng qua các mô hình”.

Ngay lúc ấy, một chuỗi âm thanh rùng rợn dội ra từ cánh cửa, tiếng gầm xé gió và tiếng thét hoảng loạn của con người. George run rẩy: “Đó đó. Hãy xem những gì anh tạo ra từ hệ thống đó”. Họ đẩy cửa bước vào. Hai đứa trẻ đang ngồi lặng lẽ quan sát bảy sư tử ngẫu nhiên con mỗi. Tiếng thét lịm dần. George ra lệnh dứt khoát: “Hãy ra ngoài, các con... Giữ nguyên các bức tường như thế”. Peter và Wendy rời đi, mắt ánh lên, vẻ lằm lì. Còn lại hai người đàn ông nhìn trừng trừng vào đàn sư tử ở phía xa đang xé toạc từng tảng thịt, máu me đầm đìa. Không gian ngập ngụa mùi máu tanh.

“Tôi ước mình biết rõ con mỗi đó thực chất là gì”, George lẩm bẩm.

David cười khan, nụ cười méo mó: “Khó lắm đây”.

Ông bước đi từng bước cẩn trọng, xem xét kỹ lưỡng từng mét tường.

“Chuyện này diễn ra bao lâu rồi?”

“Hơn một tháng”.

David quay lại, gương mặt biến sắc vì nghiêm trọng: “Thật tồi tệ! Lời khuyên của tôi là phá bỏ toàn bộ căn phòng chết tiệt này đi; còn con anh thì mang đến tôi điều trị mỗi ngày”.

“Anh không đoán ra điều này trước đây hay sao?”

“Tôi chỉ cảm nhận được rằng, anh làm hư con mình hơn hầu hết những người khác. Và bây giờ anh đang làm chúng tệ hại hơn nữa. Anh đã cho phép một căn phòng máy móc thay thế vị trí làm cha làm mẹ. Giờ đây, khi anh muốn tước đoạt món đồ chơi đó, bọn trẻ coi anh là kẻ thù cần phải tiêu diệt”.

“Nhưng bọn trẻ có bị sốc quá không, đóng cửa đột ngột có ích gì?”. George lo âu.

“Tôi không muốn chúng lún quá sâu vào những rắc rối này”.

Ở đằng xa, bảy sư tử đã ngốn ngẫu xong bữa tiệc đầm máu. David giật mình lùi lại, trán túa mồ hôi: “Bây giờ tôi cảm thấy như bị tra tấn. Hãy ra khỏi đây, anh George. Căng não quá!”.

Họ lao ra ngoài, đi thẳng đến tủ điện trung tâm. George dứt khoát giật tung cầu dao chính, ngắt tiết nguồn điện.

Căn nhà bùng nổ trong cơn giận dữ điên loạn của hai đứa trẻ. Chúng giậm chân, đập phá, gào thét: “Hừ! Ba má không thể làm thế với nhà thiếu nhi, không, không, không!”

Lydia xót con, luống cuống can ngăn: “Anh George, anh tạm thời bật cầu dao lên trong giây lát. Đừng cắt điện đột ngột như thế”.

“Không. Anh nhất quyết rồi”.

“Anh không thể tàn nhẫn như vậy...”

“Lydia ạ, nó đã tắt, và sẽ tiếp tục y như vậy. Giờ đây, chúng ta cần hơi thở trong lành và lương thiện, em ạ”.

Nói đoạn, George sải bước dứt khoát quanh căn nhà rộng lớn. Anh thẳng tay tắt đồng hồ âm thanh, ngắt điện bếp lò, tắt máy sưởi, tắt máy đánh giày, máy buộc dây giày, tắt máy mát xa toàn thân và mọi thứ máy móc vô cảm khác. Căn nhà rơi vào tĩnh lặng.

Peter ngửa mặt lên trần than khóc thảm thiết, như thể đang cầu cứu chính ngôi nhà, chính căn phòng thân yêu của nó: “Đừng để cha tôi giết chết mọi thứ. Đừng! Đừng!”. Rồi thẳng bé quay ngoắt lại nhìn George bằng ánh mắt ngùn ngụt căm hờn: “Ồi, con ghét ba vô cùng! Con ghét ba!”.

“Hừ! Con sai rồi!”.

“Con ước gì ba chết nhanh đi! Chết ngay đi!”.

George run lên vì kinh sợ trước sự độc ác của đứa con trai, nhưng anh cố nén lòng: “Chúng ta đã có chúng trong một thời gian dài - một thời gian dài vô nghĩa. Bây giờ chúng ta sẽ thực sự bắt đầu cuộc sống. Thay vì được đối đãi hoàn toàn bằng máy móc, giờ đây chúng ta sẽ sống”.

Wendy vẫn thút thít bên góc tường; Peter quỳ rạp dưới sàn. Cả hai đứa khóc lóc thảm não: “Chỉ bật một phút thôi, một phút thôi cũng được...”.

Lydia ôm lấy mặt, meo máo: “Ồi, anh George, em không chịu nổi. Chỉ một phút thôi mà anh”. George thở dài: “Được rồi, nếu chúng chịu im lặng. Anh sẽ bật một phút, rồi sau đó tắt vĩnh viễn”.

Một lát sau, trên phòng ngủ, George đang chuẩn bị đồ đạc thì thấy Lydia bước vào. “Ủa? Em để chúng lại trong nhà thiếu nhi à?”, anh hỏi.

“Em về phòng thay đồ”.

“Chúng ta nên xuống cầu thang trước khi lũ trẻ mãi mê với bầy ác thú một lần nữa”.

Đúng lúc đó, từ dưới đại sảnh vang lên tiếng gọi thất thanh của hai đứa trẻ: “Ba ơi, má ơi, nhanh lên, nhanh lên!”.

Hoảng hốt sợ con gặp tai nạn, George và Lydia vội vã lao xuống ống thông hơi và chạy ào về phía nhà thiếu nhi. Đại sảnh vắng hoe, không thấy bóng dáng bọn trẻ.

“Wendy? Peter!”

Họ xông thẳng vào căn phòng. Thảo nguyên châu Phi lại rực lên ngọt ngào. Nhưng bên trong hoàn toàn trống trơn - chỉ có bảy sư tử hung hãn đang chờ. Linh tính mách bảo hiểm nguy, George nắm tay vợ quay ngoắt lại lao ra cửa.

“Rầm!”. Cánh cửa bất ngờ đóng sầm lại trước mũi họ. Tiếng then cài bên ngoài vang lên tanh tách. “Mở cửa ra!”, George hét lớn, hai tay giật mạnh cái nắm cửa. “Tại sao chúng khóa cửa ngoài!”. “Peter!” Anh đập rầm rầm vào mặt gỗ. “Mở cửa ra!”. Qua khe cửa, tiếng Peter vọng vào, đánh thép: “Đừng để ba má tắt nguồn điện cả nhà thiếu nhi lẫn ngôi nhà”.

Lydia khóc nức lên. George ra sức nện nắm đấm: “Đừng chơi trò nực cười như thế, các con ạ. Đến giờ đi rồi. Ông David sẽ tới đây ngay bây giờ”.

Nhưng không còn tiếng đáp lại.

George và Lydia kinh hãi quay lưng lại. Bảy sư tử đã tiến sát, dàn thành hàng ngang bao vây lấy họ. Mắt chúng rực lửa vàng xanh, móng vuốt cào xuống nền đất xào xạc, khoe miệng rí dãi thềm thuồng. Chúng hạ thấp mình xuống, găm lên một tiếng long trời lở đất rồi đồng loạt chồm tới.

George và Lydia thét lên.

“Chà, tôi đây”, Ông David cất tiếng khi bước đến ngưỡng cửa nhà thiếu nhi. “Chào hai cháu”.

Vị bác sĩ tâm lý ngạc nhiên nhìn hai đứa trẻ đang ngồi thành thoi giữa bãi cỏ, lúi húi chia nhau một bữa dã ngoại thanh bình. Cách chúng không xa là hồ nước và thảo nguyên rực nắng vàng chói lọi; mặt trời phả hơi nóng hừng hực. David đưa tay lau vội mồ hôi đang túa ra trên trán. “Ba má các cháu đâu?”

Wendy và Peter cùng ngược lên, trên môi nở một nụ cười hả hê: “Ồ, họ sẽ có mặt ở đây thôi”.

“Tốt đấy, chúng ta khởi hành thôi”, ông David nói.

Ánh mắt ông bỗng hướng về phía xa. Dưới những tàn cây râm mát bên hồ nước, bảy sư tử đang nằm quần tụ, liếm mép sau khi đã ngấu nghiến xong bữa ăn. Một bóng đen chao liệng qua gương mặt bóng râm của David. Rồi hai bóng đen, ba bóng đen... Bảy kền kền đói khát bắt đầu rủa nhau sà cánh xuống thảo nguyên châu Phi.

Bên cạnh ông, Wendy nghiêng đầu, cất giọng mời trong trẻo:

“Dạ thưa, ông vui lòng uống trà chứ ạ?”.

TRẦN NHƯ LUẬN lược dịch

Mùi của mẹ

Truyện ngắn NGUYỄN VĂN

1.

Đêm ngả về sáng, xóm chợ cá bên bờ sông vẫn còn chìm trong màn sương mờ.

Bốn giờ sáng, tiếng xích xe đạp của bà Bảy Lưỡi Cưa đã xè xè vang lên ngoài ngõ. Cái biệt danh “Bảy Lưỡi Cưa” không phải tự xưng mà bà con xóm chợ đặt cho bà. Người ta bảo cái miệng bà bén như lưỡi cưa, ai lạng quạng trả giá bèo hay cãi cộ lẩn sạp là bà xỉa xáo, chửi té tát từ đầu chợ tới cuối chợ.

Bà Bảy xắn cái quần vải đen lên quá gối, chân xỏ vô đôi ủng cao su màu xanh rêu bám đầy vảy cá khô. Tấm phản gỗ đóm mây của bà nằm ngay hông chợ cá, chập chồm trên dòng nước xả đá hôi rình, tanh ngắt. Bà đứng nhô cao trên tấm phản, tay cầm con dao chặt xương to dùng chém xuống thớt kêu phập! phập!, cái miệng rồn rảng chan chất:

- Trời ơi cái bà Sáu này! Cá nục mắt trong như vậy mà chê ươn? Trả cái giá

gì mà gặt gọt dữ vậy? Có mua không thì bảo đừng tui chặt cho người khác, đứng đó xà nẹo hoài uống cái lổ tai tui!

Nút (thiệt ra ban đầu bà Bảy tính đặt là Cúc, rồi không hiểu nói ngọng nghịu sao, ông cán bộ hộ tịch nghe ra là Nút), đứa con gái mười bảy tuổi của bà, ngồi thu lu ở góc sạp. Nó cúi gục đầu xuống, hai tay bận rộn nhặt mấy cái vảy cá nục dính trên sàn, mặt nóng bừng vì xấu hổ. Đang lúc bà Bảy gào lên cãi cộ từ một ngàn đến hai ngàn đồng tiền thối với khách, mấy đứa bạn cùng lớp của Nút đi ngang qua. Chúng nó né cái sạp của bà Bảy ra xa, nhăn mũi bấm bụng thì thầm.

Nút giận tới run người. Nó ghét cái sạp cá này, ghét cái tiếng chửi đánh đá của mẹ nó, ghét cả cái mùi hôi tanh nồng nặc bám chặt vô từng nếp áo thun, rỉ vô kẽ tay đôi mỗi của bà Bảy rồi theo về tận cái nệm cót ở nhà.

Có bạn đi học, bạn ngồi kế bên hít

hít mũi bảo cặp Nút có mùi cá mắm, Nút về nhà đừng đừng hắt tung cái cặp, gào lên giữa nhà:

- Từ nay mẹ đừng bắt con ra chợ nữa! Mẹ làm con mất mặt với bạn bè quá! Mẹ chanh chua với hôi mùi cá chết con chịu không nổi!

Lúc đó, con dao trên tay bà Bảy khựng lại giữa chừng. Bà nhìn con Nút, trông mắt vàng đục mờ lặng đi một hồi lâu. Bà không mắng một câu. Bà lặng lẽ đi ra lu nước mưa ngoài sân, lấy bàn chải chà đi chà lại đôi bàn tay mình cho tới khi da tay đỏ rực, rồi nhè nhẹ buông một tiếng thở dài xót ruột.

2.

Căn nhà của hai mẹ con nằm nép mình bên con kênh nhỏ ngợp bóng dừa. Căn nhà gạch cũ ám đầy màu thời gian, tường vôi bong tróc từng mảng lớn lộ ra lớp gạch đỏ quạch. Trong nhà chẳng có đồ đạc gì giá trị ngoài chiếc

giường gỗ tràm lên nước đen bóng và cái tivi đất lồi cũ kỹ mà bà Bảy mua lại của người ta từ chục năm trước.

Người ta kể cha con Nút mất trong một chuyến đi biển gặp trận bão lớn khi Nút mới vừa độ hôn. Một mình bà Bảy gánh vác cả gia đình, bới xới từng đồng lẻ dưới sạp cá để nuôi con. Nhưng trong mắt con Nút năm mười bảy tuổi, những vất vả đó bị lấp liếm hoàn toàn bởi nỗi xấu hổ dồn dập mỗi ngày. Nó sợ những buổi chiều đi học về, thấy mẹ ngồi bên lu nước chà rửa mấy cái thau nhựa, người tỏa ra thứ mùi tanh nồng. Nó sợ những bận đi ngang qua chợ, thấy mẹ đang chống tay ngang hông, gân cổ cãi nhau với mấy bà bán rau củ vì chuyện lấn chiếm vài phân đất sạp.

- Mẹ làm vậy người ta cười cho - Nút từng gắt gỏng khi hai mẹ con ngồi ăn bữa cơm chiều chỉ có đĩa cá kho khô với bát canh rau tập tàng - Người ta nói mẹ hung dữ như bà chằn lửa.



Minh họa: Nguyễn Văn Cẩn

Bà Bảy và miếng cơm nguội, gấp cho con Nút khúc cá ngon nhất, giọng dịu xuống hẳn:

- Hiền rồi lấy gì sống? Ở cái chợ này, mình không rần rỗi là người ta đề đầu cười cổ. Người ta lẩn một phân, mai một lần cả cái sạp, lấy gì mẹ nuôi mày ăn học?

Nút bĩu môi, quay đi không đáp. Trong suy nghĩ ngây thơ và nông cạn của nó lúc ấy, sự nhẫn nại hay hiền lành mới là phẩm chất đáng quý. Nó không hiểu vì sao mẹ nó lại phải xù lông nhím lên với cả thế giới như vậy.

3.

Năm con Nút mười tám tuổi, nó cầm tờ giấy báo trúng tuyển đại học ở thành phố. Cả xóm cù lao mừng cho nó, nhưng bà Bảy thì thức trắng mấy đêm liền.

Chợ cá dạo này bắt đầu ế ẩm. Người ta kéo nhau ra mấy cái siêu thị có máy lạnh ngoài thị xã, cái chợ gò lầy lội này xơ xác dần. Mấy sạp cá bên cạnh người ta đóng cửa nghỉ gần hết, chỉ còn mình bà Bảy kiên trì bám trụ từ rạng sáng tới chiều muộn để gỡ gạc từng chục ngàn lẻ.

Sáng hôm con Nút thu xếp đồ đạc lên xe đồ, bà Bảy không đi chợ sớm. Bà ngồi bên cái bàn tròn bằng gỗ tràm, trên bàn đặt một xấp tiền polyme được quần mấy vòng dây thun vàng hóp chặt.

- Bà Tám dưới chợ chịu sang lại cái sạp cá của mẹ rồi - bà Bảy thông thả nói, giọng nhẹ hẫng như không - Tiền sang sạp với chút tiền bán mấy lứa chuối chín đủ cho mày đóng học phí năm đầu với mua cái xe đạp đi làm thêm.

Nút ngơ ngác:

- Mẹ sang sạp rồi... mai một mẹ lấy gì sống?

Bà Bảy vỗ vỗ vô xấp tiền, cái miệng móm mém cười hiền khô khác hẳn cái vẻ chanh chua ngoài chợ:

- Mẹ xin sang nhà vợ chồng bác sĩ Hùng ngoài phố làm bà vú chăm em bé cho người ta rồi. Người ta trả lương khá lắm. Mà mẹ mừng nhất là từ nay mày khỏi phải xấu hổ nữa rồi nghen. Mẹ không còn là bà già tanh mùi cá nữa. Mẹ đi bế em bé, người mẹ toàn mùi sữa thơm phức à!

Con Nút đứng im như phỗng. Câu nói bộc phát từ sự ích kỷ của nó năm mười bảy tuổi hóa ra chưa từng rời khỏi đầu bà Bảy một ngày nào. Mẹ nó buông bỏ cái nghề gấn bó nửa đời người nuôi nó lớn, chỉ vì muốn trả lại cho nó một người mẹ "không tanh mùi cá" mà thôi.

4.

Thị thành đón Nút bằng những cơn mưa rào bất chợt và nhịp sống quay mòng mòng như chong chóng. Căn phòng trọ chật hẹp trong hẻm sâu nóng hầm hập vào buổi trưa và tối ủm tối u vào ban đêm. Tiền xe đồ, tiền điện, tiền nước, tiền tài liệu học tập,... tất cả vây lấy nó như một mạng nhện khổng lồ.

Để có tiền trang trải, ngoài giờ lên lớp, Nút xin đi làm phục vụ ở một quán ăn đông khách. Có những đêm bụng bê hàng chục khay đồ ăn nặng trĩu, chân tay rã rời, nó bị ông chủ quán chửi mắng vu vơ chỉ vì một cái đĩa vỡ do khách làm rơi. Nó đứng gạt nước mắt trong góc bếp, chịu đựng sự soi mói

của khách hàng, nhẫn nhịn sự chèn ép của những người làm cũ. Lần đầu tiên va đập với đời, Nút mới biết thế nào là giá trị của đồng tiền. Chính lúc đó, hình ảnh mẹ nó chao chát với người ta ngoài chợ cá quay về dội thẳng vào trong lòng nó. Nút nhớ cái dáng gầy gộc của mẹ đứng nhô cao trên tấm phản gỗ, nhớ tiếng mẹ gào lên cãi cộ với người ta chỉ vì năm ngàn tiền thối. Bây giờ va chạm lẫn lộn chốn thị thành, nó mới bàng hoàng hiểu ra nếu không có cái sự chanh chua, bén ngọt như lưỡi cua đó, làm sao một người đàn bà góa chồng trụ nổi giữa cái chợ cá đầy rẫy lẩn lút? Nếu không dè xẻn chặt chiu từng đồng lẻ, làm sao bà Bảy nuôi nổi nó cho tới ngày vào đại học?

Cái vỏ bọc gai góc chanh chua mà nó từng ghê tởm, hóa ra là tấm áo giáp duy nhất để mẹ nó bảo vệ con gái khỏi sóng gió cuộc đời.

5.

Cuối học kỳ năm thứ nhất, sau khi kết thúc học phần, Nút bắt chuyến xe đò muện về quê thăm mẹ.

Trời về chiều, gió từ sông thổi lùa qua rừng dừa mang theo cái không khí mát rượi đặc trưng của miền quê xa ngái. Tới nơi, Nút không về nhà ngay mà đi thẳng ra nhà bác sĩ Hùng ngoài thị xã.

Qua khe cổng sắt rộng mở, nó thấy bà Bảy đang bế đứa nhỏ khoảng ba, bốn tuổi trên tay. Mẹ nó mặc chiếc áo bà ba màu lam sạch sẽ, tóc búi gọn gàng sau gáy, ngồi trên võng, dùng chân đung đưa võng từng nhịp, miệng hát khe khẽ bài ca dao ru con bằng cái giọng trầm đục, ấm áp. Đứa bé rúc đầu

vào cổ bà Bảy, ngủ ngon lành.

Nút chẳng biết đã đứng bao lâu, có thể là chỉ vừa vài phút thoáng qua, cũng có thể đã dài hơn nỗi nhớ của hai học kì cộng lại. Tới khi cô sực tỉnh, ngược lên, bà Bảy đã thấy cô, dợm bước ra cổng mở khóa. Hai bàn tay sạch sẽ, mềm mại của bà đưa ra nắm lấy tay Nút, trên gương mặt đã hằn vết chân chim là nụ cười rạng rỡ:

- Nút về rồi đó hả con? Nè, ngửi thử tay mẹ đi, mẹ mới tắm cho em bé xong, mùi phấn em bé thơm phức à. Giờ là không sợ dính mùi cá như ngày xưa nữa đâu nghen!

Con Nút nhìn vào đôi bàn tay của mẹ. Dù không còn bám vảy cá, nhưng những vết sẹo cũ, những nốt chai do dao chặt cá để lại vẫn còn hằn rõ trên từng khớp ngón tay. Đôi bàn tay ấy từng chà xát đến rớm máu dưới lu nước mưa chỉ vì một câu nói vô tình của nó năm nào.

Nút không cầm được nước mắt. Nó òa khóc nức nở như đứa trẻ lên năm, ôm chặt lấy bờ vai gầy rộc của mẹ. Nút rúc đầu vô cổ bà Bảy, hít hà cái mùi phấn rôm trộn lẫn với mùi mồ hôi mặn mòi quen thuộc. Nó nghẹn ngào trong tiếng nấc:

- Mẹ ơi... mùi cá hay mùi sữa thì cũng là mùi của mẹ, cái mùi chỉ có một trên đời... Con thương mẹ lắm mẹ ơi!

Bà Bảy ngơ ngác một chút, rồi đôi bàn tay thô ráp của bà nhẹ nhàng vuốt ve lưng con gái. Giữa cái nắng chiều quê nhà hanh hao, giọt nước mắt đục mờ của người mẹ già từ từ lăn xuống, thấm ướt một mảng áo trên vai đứa con gái bé bỏng của mình.

N.V

Một chiều quê cũ...

NGUYỄN CHÍ NGOAN

Lối nhỏ ta về nắng cháy nghiêng vai
Hàng cổ thụ già nua năm tháng
Cánh chuồn quê bên bờ hồn nhiên soi bóng
Tuổi thơ kia xa khuất phía chân trời.

Chái bếp sau nhà ngọn khói vờn bay
Bồ hóng đen ngòm lấm lem đời mẹ
Bưng bát cơm quê chạnh lòng xứ sở
Thương dáng cha gầy lặn lội đồng xa.

Cánh đồng quê trắng xóa những thân cò
Màu nắng cũ có về qua xóm vắng
Ơi, cô gái lỡ làng chiều ra sông giặt áo
Câu hát buồn theo sóng trôi đi...

Con lại về tắm gội ao bèo
Nghe ký ức rơi dài bên cũ
Giàn mướp đấng trước nhà bao mùa vẫn trở
Mảnh vườn xưa con để khóc thầm.

Giữ giùm ta

NGUYỄN LÊ HẢI ĐĂNG

Cao nguyên
nghe gió thổi về len qua mái tóc buổi sớm mai
sương giăng mờ nhạt phía lưng chừng thương nhớ
sao thời gian vô tình qua vội
mùa hoa vàng phai sắc
đường quanh co
in dấu chân người lữ hành khuất bóng
tiếng ai gọi mùa chơi vơi

Cao nguyên
chiều sương mờ phủ
tiếng chim gọi bạn thấp thoáng phía lưng đồi
lòng mình hóa cơn gió
chênh chao

Nếu
ngày mai ai về bên lối nhỏ
nhớ giữ giùm ta
chút nắng nhạt ven đồi
ta vắng nhau
giữa nẻo đường hạnh ngộ
cao nguyên còn đó những yêu thương bên người.

Giải mã hang Gió

Truyện ngắn LÊ PHA LÊ

1.

Buôn Krông nằm nép mình dưới chân núi cao.

Mùa hè, nắng thông thả trườn nhẹ xuống mái nhà dài như rải thảm mật ong óng ánh. Bóng nhà đổ trên mặt đất tạo thành một khoảng mát dịu giữa khí trời oi bức. Nhìn từ xa, nhà dài giống như một hòn núi nhỏ vững chãi, chở che bà con buôn làng. Mùa mưa đến, sương trắng từ trên đỉnh núi tràn xuống, quấn quanh buôn như chiếc chăn khổng lồ. Người lớn trong buôn chỉ quen với tiếng cồng chiêng, những mùa rẫy và những câu chuyện về thần rừng, thần núi...

Đối với đám trẻ, khu rừng quanh buôn là một thế giới chờ được khám phá. Y-Moih, mười ba tuổi. Tóc xoăn da rám nắng, đôi chân lúc nào cũng lấm lem bụi đỏ. Cậu leo trèo như sóc, bơi qua suối nhanh hơn bất đứa trẻ nào trong buôn. Y-Moih đặc biệt thích xem phim về các chú bộ đội. Mê nghe Ae Dút kể chuyện chiến đấu ngày xưa và luôn tò mò với những điều người lớn cũng chưa biết.

Bạn thân của Y-Moih là Minh, Hân, H'Nhi, H'Mai, Y-Ben. Y-Ben gan lì với rừng núi nhưng sợ mạnh nhất thế giới. Minh mê sách khoa học, phim thám hiểm và giải những câu đố. Hân thích quan sát, ghi chép lại những điều nghe thấy. H'Mai thích hái hoa rừng. H'Nhi sợ làm người khác giận. Đó là danh sách những người bạn thân, được Hân nắn nót ghi trang đầu tiên của quyển sổ luôn mang theo bên mình.

2.

Ngày hè, cảnh hóm hẹn nhaulên rẫy nhà Y-Moih chơi. Sáng chuatômặt người, ma Toi, cha của Y-Moih đã vác gùi lên rẫy, lo chuẩn bị bữa ăn để đón bọn trẻ. Mặt trời mới lên chưa được một cây sào, cả nhóm đã men theo con đường đất nhỏ dẫn vào khu rừng. Ánh nắng len qua những tán cây, lủ ve rợn rùng

gọi hè, cùng với lũ chim ríu rít chao liệng. Con suối nhỏ trong veo có thể đếm từng viên sỏi dưới đáy.

- Mùi của rừng thơm thật! - H'Mai đứng lại hít một hơi dài.

- Mùi đất ẩm, mùi lá mục, hoa cỏ dại quện vào nhau đó - Y-Ben giải thích.

- Khoa học gọi là hương rừng - Minh tỏ vẻ am hiểu.

Hân lau mồ hôi:

- Y-Moih bảo vào rừng chơi vui lắm, rồi tới khúc vui chưa?

- Gần tới khúc vui rồi - Y-Moih cười phá lên - Trưa nay cha mình sẽ đãi bữa trưa giữa rừng, Hân sẽ ung cái bụng.

- Ôi con chuột có cái đuôi sọc đẹp quá kìa! - Hân chỉ lên cành cây.

Y-Ben vừa ngước nhìn, vấp phải rễ cây ngã chúi. Con vật giật mình vụt mất.

- Con nhen đó - Y-Moih giải thích - Nhà mình có mấy con, mí hay treo bắp ngô và chuối trên cây cho ăn nên mấn nhau lắm.

Hân lập tức mở quyển sổ nhỏ ghi chép.

Cả nhóm tranh thủ nghỉ dưới gốc cây. Minh nằm dài dưới bóng mát. Y-Ben đã tót lên cành cây. Hân vẫn cặm cụi viết. Ông mặt trời gác núi, chiếc gùi trên lưng cũng đầy ắp bắp, rau, bầu bí... ma Toi bắc tay làm loa:

- Về thôi!

Đang bắt cua đá ngoài suối, nghe tiếng cả đám lội vội lên bờ, một ngày mệt phờ mà vui hết nấc!

3.

Sau bữa cơm tối, Y-Moih lại nằm trên tấm ván ngoài sân, ngửa mặt ngắm các chòm sao quen thuộc. Sau nhà sàn, tiếng côn trùng trò chuyện hòa cùng tiếng lá xào xạc nơi mấy con sóc nhen chuyển cành thoăn thoắt. Một ngày rong ruổi khiến mí mắt nặng dần, giấc ngủ nhẹ nhàng ôm lấy cậu...

Trong màn sương trắng, cậu lại thấy mình đang men theo triền đá. Mọi thứ yên tĩnh lạ thường, ánh trăng lách mình qua bóng lá nhảy múa trên mặt đất làm không gian lành lạnh hơn. Những ngày nghỉ học hay theo cha lên rẫy, có lúc đi bẻ măng, lấy mật nên những ngọn đồi, thung lũng hay con suối trong rừng bàn chân thuộc lối. Nhưng ở đây Y-Moih cảm giác cảnh vật vừa quen vừa lạ... Bỗng một con sóc nhen từ đâu nhảy phóc đến trước mặt cậu. Con sóc trong vườn nhà giờ đây bộ lông óng bạc màu ánh trăng:

- Chờ mình với! - Y-Moih buột miệng. Con sóc quay lại nhìn Y-Moih vài giây rồi phóng nhanh qua bụi cây. Y-Moih vội chạy theo.

Càng vào sâu, ánh trăng mờ dần vì nhiều tầng lá rừng che khuất, như đã lâu lắm rồi không có dấu chân người.

Một cơn gió bất chợt thổi qua, lá khô rơi lả tả. Con sóc nhen đột ngột xuất hiện:

- Theo tôi!

Y-Moih lạnh sống lưng.

Đến một khu rừng già dây leo quấn chằng chịt bịt kín lối đi, những cây cổ thụ

cao vút, rễ nổi ngoằn ngoèo như những con trăn đang ngủ. Y-Moih rón rén vạch lối dò từng bước...

Phía trước có bóng người, không có tiếng bước chân. Y-Moih bước nhanh theo. Đúng lúc ấy một nhánh cây gạt vào cánh tay...

Cậu giật mình mở mắt, thì ra là mí đang lay vai:

- Vào nhà ngủ, ngoài này nhiều muỗi!

4.

Ae Dút năm nay đã gần chín mươi tuổi. Già sống một mình trong nhà sàn cuối buôn cùng con chó Đốc. Người làng kể già từng là cơ sở nuôi giấu cán bộ, từng bị địch bắt giam. Những trận tra tấn năm xưa khiến trí nhớ lúc còn lúc mất. Có hôm lạc đường, con Đốc đã đi tìm và đưa chủ về. Điều lạ là tuy quên cả tên mình nhưng già lại nhớ từng đồng đội đã ngã xuống ngày ấy.

Mỗi khi ngồi bên bếp lửa, già thường lẩm bẩm:

- Vẫn còn người chưa về!

Không ai biết già đang nhắc đến ai.

Trong buôn ai cũng thích nghe Ae Dút kể chuyện. Từ truyền thuyết núi rừng đến những tháng năm chiến đấu. Có chuyện già nhớ rành rọt, có chuyện đứt đoạn. Chiều hôm ấy, nhóm Y-Moih lại đến quét sân, xách nước, rồi quây quần bên bếp lửa.

Ae Dút chậm rãi: "Ngày đó trong núi có một cái hang đá rộng. Trong hang có mạch nước ngầm, có nhiều phiến đá lớn, có nhiều dây leo mắc võng...". Cả đám lập tức ngồi xích lại gần. Hân mở cuốn sổ nhỏ. Ae Dút bỗng im bật, nhìn ra sân như cố nhớ điều gì đó.

- Rồi sao hả già? - Hân khe khẽ.

- Chiếc tù và chưa kịp cất lên hồi báo an cuối cùng, không ai còn đủ sức...

Bỗng già đổi giọng:

- Ngày xưa, ngày xưa có bà mẹ dẫn theo một đứa con trai nhỏ...

Cả bọn nhìn nhau, biết rồi...

- Lần nào cũng tới đó - Y-Ben thở dài.

Một lúc sau, Ae Dút nhìn ngọn lửa:

- Trong hang có chiếc tù và, mỗi khi thổi lên, tiếng vọng như gió rít qua khe đá, là ám hiệu an toàn cho đồng đội...

Con Đốc nằm bên bếp, khê vểnh tai. Hân lặng lẽ ghi từng dòng vào cuốn sổ.

Ae Dút lại kể về câu chuyện cổ tích đang dang dở như chưa từng nhắc đến cái hang.

5.

- Ra suối đi! - Y-Moih hào hứng.

- Chờ nước rút thêm chút nữa - Hân nhắc.

- Mưa mùa hè, cạn nhanh lắm! - Y-Ben nhấp nhẩm.

Con suối đã cạn dần, nước mang màu nâu của đất. Minh nhảy xuống đầu tiên:

- Lạnh nhưng phê!

Y-Ben cũng nhảy theo:

- Chỉ được tắm chỗ cạn thôi nhé!

Y-Moih trong nháy mắt đã ngụp xuống rồi nhảy phốc lên tảng đá, chỉ tay ra chỗ nước sâu:

- Vui thôi đừng vui quá!

H'Mai, H'Nhi lội dọc bờ ngắt hoa dại. Cả đám cười trong veo cả trời chiều ảm ứot. Hân lặng lẽ ngồi trên phiến đá, mắt cuốn theo những chiếc lá vàng, xoay tròn rồi biến mất...

6.

Mặt trời vừa nhú lên nửa cây sào, ma Toi đã lay con trai:

- Vào rừng với cha chặt ít mây về, sẵn tiện tìm mật ong về cho mí chữa đau cái bụng.

Vừa nghe "vào rừng" là cậu bật chế độ tỉnh ngủ ngay và luôn. Với tay xách bầu cơm nắm rồi theo cha. Rừng sớm vừa thức giấc, lũ chim gọi nhau trên cành, tiếng dế râm ran dưới lớp lá mục. Ma Toi đi trước, thỉnh thoảng dùng dao phạt những sợi dây leo chắn lối:

- Đừng dẫm lên rễ cây, trơn như mỡ!

Đi một quãng nữa, ma Toi dừng lại, khẽ hít:

- Có mùi mật.

Một đàn ong vàng bay vo vo thành vòng tròn quanh thân cây. Ông lấy một bó lá khô trong gùi ra:

- Con nấp hốc đá, đứng khuất chiều gió.

Khói trắng từ bó lá khô len vào hốc cây. Đàn ong bay thành vòng tròn rồi dần dần tản ra.

Đợi đúng lúc, ma Toi bám thân cây thoăn thoắt leo lên cây, khéo léo tách nửa tảng sáp ong vàng ươm.

Xuống đất, ma Toi bẻ một miếng sáp đưa cậu:

- Nhai chậm thôi!

Ông ngược nhìn nửa tổ ong còn lại trên cây, mỉm cười:

- Lấy vừa đủ là được. Phải để lại cho bầy ong làm tổ, mùa sau mình mới còn mật mà lấy.

Y-Moih lặng lẽ gật đầu. Đi một quãng, gặp cái hang rộng nép dưới vách đá, gió từ trong thổi thốc ra mát rượi. Ma Toi ngồi dựa lưng vào vách đá ngủ thiếp đi. Y-Moih cũng lim dim... Làn gió trong hang lùa ra hòa cùng hàng triệu triệu lá rừng nhịp nhàng... Bỗng:

- Y-Moih... Y-Moih... Y-Moih...

Cậu nặng trĩu cả người. Tiếng gọi nghe như giọng của Ae Dút, như tiếng gió đập dài len qua khe núi, như tiếng tù và trong câu chuyện già hay kể:

- Y-Moih... Y-Moih... Y-Moih...

Mở mắt, cậu thấy mình đang ở giữa khu rừng mờ sương. Phía trước một bóng người mặc bộ quần áo đã bạc màu, đứng quay lưng.

Y-Moih chậm chậm tới:

- Ai vậy ạ?

Bóng người vẫn im lặng.

Một cơn gió ulla qua, màn sương tan thì bóng người ấy cũng nhòa mất. Y-Moih trở ra nhưng không thấy lối. Đúng lúc ấy con sóc lại xuất hiện:

- Theo tôi!

Nó dẫn cậu theo triển đá, vòng qua khe núi rồi tới cửa hang. Y-Moih chạy được vài bước thì vấp ngã... Cậu choàng tỉnh, trong hang vẫn tối sẫm, bên ngoài mặt trời đã chệch về phía Tây. Ma Toi đang ngồi hút thuốc...

Y-Moih kể lại giấc mơ.

- Rừng mà con, ai cũng từng thấy thứ gì đó trong rừng, đừng lên tiếng và cố gắng đừng để tâm theo nó nhé! - Ma Toi vừa thu dọn đồ đạc vừa chậm rãi.

7.

Chiều nay cả nhóm lại tụ tập nhà Ae Dút. Con Đóc sà lại cạ cạ vào từng đĩa rồi nằm lim dim hóng chuyện.

Y-Moih đang kể lại những giấc mơ. Hân chống cằm suy nghĩ một lát rồi mở quyển sổ:

- Cái hang, già từng kể nhiều lần rồi.

- Đúng rồi - Minh chồm dậy - trong hang có suối, có những tảng đá lớn, à còn có cả...

- Chiếc tù và.

- Tiếng tù và nghe như gió rít qua khe đá.

- Trong mơ ai gọi tên mình như tiếng gió lượn qua khe núi... - Y-Moih rùng mình.

Cả bọn nhìn nhau:

- Vậy là hang đá có ma! - Y-Ben rụt đầu thè lưỡi.

- Không có ma - Bất ngờ Ae Dút khề khàng - Chắc là ta nhớ lại thứ gì đó.

Cả đám lập tức ngồi xích lại gần. Ae Dút nhìn ngọn lửa, chậm rãi:

- Trong hang có một chiếc tù và, có nhiều thương binh, thuốc men, lương thực. Những sợi dây leo như bức màn che phủ bảo vệ cửa hang, để mắc võng cho thương binh nằm.

Ae Dút nhú mày, vỗ trán cố gắng níu kéo sợi dây ký ức đang trôi tuột đi. Giọng già nhỏ dần, căn nhà sàn chỉ có bếp củi nổ lép lép. Con Đóc cũng cụp tai. Minh cảm giác giấc mơ của Y-Moih và những câu chuyện của già giống hệt khối rubik. Mỗi mảng màu vừa khớp thì chi tiết lại hiện ra: "Những câu chuyện truy tìm kho báu cũng y hệt".

- Hay chúng mình tìm cái hang đó - Y-Moih thì thào.

- Đi tìm kho báu gặp nhiều cạm bẫy - Minh lo lắng.
- Chỉ sợ gặp ma, cạm bẫy tuổi già! - Y-Ben có vẻ kiên quyết.

Ma Toi theo dõi câu chuyện của bọn trẻ, xua tay:

- Không được tự ý vào rừng!

Cả đám lập tức bu quanh ma Toi năn nỉ. Y-Moih lặng lẽ, vì hiểu bụng cha!

Ông liếc qua cậu, rồi đành gật đầu:

- Được, nhưng phải nghe lời ta!

Cả bọn reo ầm lên. Con Đốc cũng bật dậy sủa vang mấy tiếng, quấy đuôi liên hồi.

8.

Sáng, sương sớm còn đọng trắng trên những bụi cỏ ven suối. Ma Toi mang gùi, cầm con dao bước xuống cầu thang giục:

- Đi thôi, mặt trời lên cao là đám vắt thức dậy.

H'Nhi và H'Mai phải ở nhà vì "mong manh dễ vỡ". Hân mang theo quyển sổ. Y-Ben giắt đèn pin vào thắt lưng. Minh có cả la bàn. Con Đốc chạy lon ton vượt lên trước rồi quay lại chờ.

- Sẽ đi lối tắt. Đứa nào bị vắt cắn thì tự gỡ nhé!

- Con xin A Duôn vôi ăn trâu, bị vắt hay gai đâm thì bôi lên là vắt sẽ tự nhả ra, gai tự trôi lên.

- Con không sợ vắt, chỉ sợ ma - Y-Ben nhanh nhẩu.

Lối vào rừng ngày càng dốc, ai cũng thở phì phò:

- Chừng mười phút nữa tới hang.

Minh ôm chiếc la bàn tiếc rẻ:

- Ui con tưởng phải dùng cái này.

- Khu rừng này đồng bào ai cũng quen bàn chân rồi.

Ít phút sau, cửa hang hiện ra. Y-Moih reo lên, chạy tới nằm lên phiến đá mát lạnh. Con Đốc cũng lập tức phóng lên cạnh quấy đuôi rồi rít. Cả đám bạn cũng ủa lại nằm lăn ra. Ma Toi châm lửa hút vài hơi thuốc:

- Tất cả ở đây, ta vào kiểm tra trước.

Con Đốc phóng theo. Một lát sau ma Toi trở ra, lắc đầu:

- Hang bị lấp từ lâu lắm rồi.

Hân lặng thinh mở sổ:

- Trong mơ Y-Moih được con sóc nhen dẫn đi một con đường nhỏ men theo vách núi...

Ma Toi đứng bật dậy:

- Cứ đi thử xem!

Cả nhóm men theo vách đá. Dây leo quất vào mặt, gai cào xước chân. Con Đốc chạy trước, sủa vang rồi chui tọt vào bụi cây.

Ma Toi bước tới, vạch lá. Sau bụi cây có một khe đá, chỉ vừa đủ lọt một người.

Ma Toi lách người chui qua, con Đốc đã mất hút:



Minh họa: Nguyễn Chơn Hiền

- Có khi nào ma Toi xuyên không về thời Harry Potter không nhỉ! - Y-Ben nuốt nước bọt.

- Xuyên không về thời các Vua Hùng chứ!

Ma Toi nhanh chóng quay ra, ông vui vẻ:

- Có đúng rồi. Tất cả theo ta. Đi hàng một, chậm.

Khoảng mười lăm phút sau, tiếng chim bỗng dưng biến mất, chỉ còn tiếng lá khô dưới chân và tiếng nước vọng từ xa.

Đốc bỗng dựng tai, lao vụt lên một mỏm đá ngoáy tít đuôi.

Mọi người nhanh chóng trèo lên theo. Hân sững sờ:

- Không phải giấc mơ... là sự thật!

Phía dưới là khe núi hẹp, một dòng suối từ trên cao đổ xuống rồi biến mất vào lòng đất. Một cơn gió từ sâu trong hang ủa ra, luồn qua những khe đá tạo thành một âm thanh ngân dài như hồi tử và vọng giữa đại ngàn:

- Từ xưa, đồng bào gọi nơi này là hang Gió.

Ma Toi đặt bàn chân xuống dòng suối rồi vạch màn dây leo bước vào.

Đi thêm một đoạn, ánh sáng bắt đầu bị vách núi che khuất. Hơi nước phả vào mặt, mang theo mùi đất ẩm và đá núi ngủ yên từ rất lâu. Sau bức màn dây leo hiện ra một khe đá hơi tối. Con Đốc sủa vang. Một đàn dơi từ đâu bay vụt ra.

- Ôi ma ma! - Y-Ben hét lên, hai tay ôm đầu ngồi thụp xuống.

Hân cũng giật mình nép vào ma Toi.

- Không sao đâu, các con cứ ngồi nghỉ ở đây - Ma Toi mỉm cười rồi cầm đèn pin bước tiếp.

Hân tranh thủ mở sổ đọc: *"Đi theo tiếng nước, đi theo tiếng vọng... của tù và báo hiệu an toàn. Thương binh được di chuyển theo lối tắt tránh biệt kích..."*.

Giọng Hân chậm dần: "Y tá ở lại cầm súng chặn địch...". Cả nhóm lặng nhìn nhau.

Xung quanh im phăng phắc, chỉ còn tiếng nước nhỏ tí tách, tiếng gió lèn qua khe núi như tiếng tù và năm xưa. Bỗng phía trước vọng lại tiếng sủa:

- Gâu! Gâu! Gâu!

Ánh đèn pin của ma Toi xuất hiện:

- Theo ta!

Con Đốc chạy trước vài mét, mũi ghé sát nền, lúc hít hà đánh hơi lúc dừng lại chờ mọi người, hết như một chiến sĩ trinh sát. Đột nhiên nó khựng lại, hai tai dựng đứng rồi ngoạm gấu quần Y-Ben kéo mạnh sang bên.

- Ê ê làm gì vậy?

Ngay lúc ấy "...ầm..." một mảng đất đá từ vách núi bất ngờ trượt xuống, đổ sầm đúng chỗ Y-Ben vừa đứng, bụi đất tung mù mịt.

Y-Ben nhìn đồng đất đá tràn tràn rồi đưa tay ôm ngực:

- Tim mình tọt xuống đầu gối rồi!

- Con Đốc nhặt tim trả lại kia! - Minh vỗ vỗ lưng Y-Ben.

Ma Toi ôm chầm con Đốc, xoa đầu nó thật lâu:

- Cám ơn mày nhiều lắm, đứa trẻ ngoan!

Con Đốc thè lưỡi thở khi khi, quẫy đuôi. Lòng hang rộng dần, ánh sáng từ lỗ thông hơi rọi xuống từng vệt dài. Đi thêm một quãng, con Đốc dừng lại trước một mỏm đá phủ rêu. Nó cào liên tục và rên ư ử. Ma Toi quét đèn pin và nhanh chóng tiến lại. Dưới chân con Đốc lấp ló một mảnh vải màu xanh đã ngả màu nâu đất. Ông nhặt lên, giữ sạch lớp đất dày bám trên mảnh vải:

- Là tảng vông.

Y-Moih nhắm mắt, tự nhiên cơ thể cậu có một luồng điện chạy dọc lên đầu...

Mảnh vải vừa chạm tay đã rã ra, rách nát. Hân mở to mắt:

- Có người từng ở đây!

- Ừ, từ rất lâu rồi - Ma Toi gật đầu.

- Cái hộp, có một cái hộp - Minh reo lên rồi chỉ tay qua phía gộp đá.

Một chiếc hộp sắt nhỏ nằm nép trong hốc đá, trên nắp vẫn còn lờ mờ dấu thập đỏ.

- Kho báu - Y-Ben thì thào.

Nắp hộp bật mở. Không có kho báu.

Bên trong có vài cuộn băng gạc đã biến thành màu vàng sẫm, chiếc kéo hoen rỉ, mấy lọ thủy tinh còn ít thuốc bột.

- Hộp cứu thương của các chiến sĩ quân y. - Giọng ma Toi khác lạ.

Đây cũng là kho báu! - Hân nhìn thật lâu.

Rồi Hân mở sổ: "...gạo chỉ đủ nấu cháo cho thương binh nặng. Thuốc kí ninh cũng còn rất ít. Sốt thì đắp khăn ướt, vết thương thì hái lá thuốc đắp lên...".

Không ai nói thêm câu nào.

Ma Toi nhẹ nhàng đặt chiếc hộp lại vị trí cũ:

- Không được làm xáo trộn mọi thứ ở đây!

Cả bọn khẽ đáp: "Dạ!".

Ma Toi tiếp tục quan sát, nền hang bằng phẳng lạ thường. Ông quỳ xuống gạt gạt lớp đất cạnh vách hang:

- Các con nhìn đây!

Dưới ánh đèn hiện lên những cọc tre đã mục nhô lên khỏi mặt đất, cạnh đó là mấy chiếc nạng tre đã mục nát:

- Có thể nơi đây từng mắc võng cho thương binh, còn những chiếc nạng dành cho những chiến sĩ bị thương ở chân.

Con Đóc lại chạy sục sạo. Ánh đèn pin của "hai chú cháu" khuất sau khúc ngoặt. "*Nền đất khô, trải bạt cho thương binh nhẹ nằm... Có người vừa tỉnh sau cơn sốt mê man đã đòi cầm súng...*".

Hân đưa tay dò từng chữ. Bốn đứa trẻ lặng lẽ quan sát xung quanh. Lồng ngực Y-Moih bỗng nóng ran. Cảm giác như hơi ấm của những người năm xưa như còn quanh quất đầu đây.

Một cơn gió lướt qua...

Con Đóc đang sục sạo bỗng dừng đứng hai tai, nó không sủa mà chăm chăm nhìn vào khoảng tối phía trước. Rồi từ từ bước chậm rãi, như thể nó vừa đánh hơi được điều gì đó.

Nó cúi sát nền đất, hít hít rồi cào mạnh...

Minh bước nhanh tới, nhặt được một chiếc lược màu trắng bạc đã hoen ố:

- Chú bộ đội cũng chải đầu à!

- Chắc là của cô y tá! - Y-Ben cười.

- Ma Toi đã dặn không được làm xáo trộn các thứ mà - Hân nghiêm mặt.

Ma Toi cầm chiếc lược, ông lặng người. Trên thân lược còn dòng chữ mờ mờ: "*Trường Sơn 1971 - Thương nhớ tặng em!*". Tiếng cười chột tắt, như phút mặc niệm tưởng nhớ người chiến sĩ ấy.

Hân mở sổ, trang cuối: "... *Không nghe tiếng tù và, không ai trở lại...*". Trang giấy dừng ở đó, nét chữ nguệch ngoạc như bị ngắt giữa chừng. Bên kia khúc quanh, con Đóc vẫn miệt mài tìm kiếm. Rồi bất ngờ nó rít lên từng hồi rất lạ. Hai chân trước nó cào mạnh lên đám lá mục giữa hai khe đá.

- Đóc, gì nữa vậy? - Minh định lao tới.

- Đứng yên! - Giọng ông tuy nhỏ nhưng dứt khoát.

Ma Toi bước chậm đến. Ông quỳ xuống, gạt từng nắm lá mục, từng viên đá nhỏ. Rồi, bàn tay ông bỗng dừng lại. Không ai biết ông đã nhìn thấy điều gì. Chỉ thấy ông ngước mặt lên, nhắm mắt rất lâu rồi kéo mớ lá phủ lại như cũ.

- Về thôi các con!

Hân ngơ ngác:

- Có gì ở đó vậy ma?

Ma Toi lắc đầu. Y-Moih định hỏi nhưng bắt gặp đôi mắt đỏ hoe của cha nên thôi. Ma Toi đứng cúi đầu rất lâu về phía khe đá. Bọn trẻ cũng làm theo. Xa xa từng giọt nước vẫn đều đặn rơi tí tách xuống nền đá như nhịp đồng hồ đếm thời gian...

Trên đường ra khỏi hang, không còn tiếng cười. Con Đóc chậm rãi. Minh lặng lẽ cất đèn pin vào túi. Y-Ben bám sát ma Toi. Hân ôm cuốn sổ nhỏ trước ngực như ôm một điều gì đó thiêng liêng quý giá.

Y-Moih đi sau cùng, ngoái lại nhìn cửa hang. Những tán cây cổ thụ vẫn lay lay trong gió. Cậu có cảm giác vẫn như có ai đó đang dõi theo.

9.

Mấy ngày sau, con đường dẫn vào hang bỗng đông hơn thường lệ. Các chú bộ đội, cán bộ và những người làm công tác tìm kiếm hài cốt liệt sĩ mang theo dụng cụ tiến vào rừng.

Con Đóc háo hức nhất. Từ lúc mặt trời còn ngái ngủ nó đã quanh quẩn bên chân Ma Toi. Lúc ngủ cái guỉ, lúc hít chiếc gậy đi rừng. Hình như nó biết hôm nay nó được nhận một nhiệm vụ thật đặc biệt.

Trên cành mít, con sóc nhen ngời ôm trái chuối sáng sớm ma Toi đặt bên gốc. Nó điềm tĩnh nhấm nháp từng miếng, mắt lơ đãng nhìn xuống mọi người! Ma Toi đi đầu.

Những bước chân rất khẽ như sợ làm động giấc ngủ của núi rừng. Y-Moih, Hân, Minh, Y-Ben, H'Nhi, H'Mai chỉ được đi theo tới cửa phụ của hang. Nơi dòng suối biến mất xuống lòng đất. Cả nhóm ngồi đợi.

- Con Đóc được đi với các chú bộ đội, sĩ cả đời! - Minh xuýt xoa.

- Hôm đó không có nó bảo vệ sao mình dám khám phá hang, nhờ công nó nhiều. - Y-Moih gật gù.

- Chiến sĩ Đóc xuất sắc!

Tiếng cười tan nhanh giữa núi rừng còn ẩm sương. Rồi tất cả im lặng. Thời gian trôi chậm lạ thường. Mãi đến gần trưa, đoàn người mới bước ra. Đi đầu là hai chú bộ đội nâng trên tay chiếc hộp hình chữ nhật phủ lá cờ Tổ quốc. Phía sau, mọi người đều lặng lẽ, trang nghiêm.

Không ai nhắc, bọn trẻ đều đứng bật dậy. Minh và Y-Ben tháo mũ vải. Y-Moih vuốt lại mái tóc. Hân ôm chặt quyển sổ trước ngực. Tất cả cùng đứng nghiêm. Ma Toi lặng lẽ bước bên cạnh. Con Đóc cũng lặng thinh theo sau.

Gió từ hang Gió lại thổi ra mát rượi giữa trưa hè. Như lời tạm biệt của núi rừng với người chiến sĩ hơn nửa thế kỷ đã được trở về cùng gia đình và đồng đội!

L.P.L

Vũ điệu đêm rừng

TRẦN ĐÌNH NGÔN

Tùng tùng cắc cắc
Trống giục liên hồi
Kìa con lân đỏ
Nhảy múa không thôi

Ông địa bụng phệ
Cầm quạt mo cười
Dẫn đường lân bước
Ánh mắt rạng ngời

Đầu lân lắc lắc
Mắt sáng long lanh
Nhảy cao, trườn thấp
Vờn bóng trăng thanh

Trẻ con rồng rắn
Chạy dọc triền đê
Rước đèn ca hát
Quên cả đường về

Lân qua xóm nhỏ
Mang đến bình an
Trống xa vang vọng
Niềm vui ngập tràn.

Hôm nay con vào lớp Một

LAM KHUÊ

Hôm nay con vào lớp Một
Bao điều lạ lắm mẹ ơi
Cái bàn, hàng cây, chiếc ghế
Không như lúc học mầm chồi

Các bạn bây giờ cũng khác
Quần xanh áo trắng chỉnh tề
Chẳng còn mè nheo, mít ướt
Suốt ngày leo đẹo theo cô

Con đường đến trường cũng khác
Hình như gió cũng dịu dàng
Tiếng cô giảng bài khe khẽ
Chúng con cùng đọc nhịp nhàng

Hôm nay con vào lớp Một
Vui sao tả hết bằng lời
Mùa thu cùng con đi học
Nắng vàng trải khắp muôn nơi.

Quả mùa thu

LÊ HỒNG THIÊN

Thời gian cho quả chín dần
Bớt phần chua chát sang phần ngọt thơm.
Thu sang từ già cây vườn
Quả vào mâm quả, hương thơm dâng người.
Lá như vậy, quả như mời
Mùa thu chín đọng trên môi bé hồng.

Về tên gọi Quy Nhơn qua các thời kỳ

NGUYỄN THANH QUANG

Tháng 6.2026, UBND tỉnh Gia Lai tổ chức buổi làm việc về công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đô thị Quy Nhơn mở rộng trên cơ sở các phường, xã thuộc khu vực Quy Nhơn (trước đây thuộc TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) và một số địa phương lân cận. Theo đó, đô thị Quy Nhơn mở rộng được xác định là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh Gia Lai và khu vực Duyên hải Nam Trung bộ - Tây Nguyên.

Thử điểm lại những chặng đường trăm năm của Quy Nhơn để tin rằng đây là đô thị tiềm tàng nội lực sung mãn.

1. Từ năm 1602, địa danh phủ Qui Nhơn ra đời thay thế tên phủ Hoài Nhơn được thành lập năm 1471. Ngày 20.10.1898, Cơ Mật Viện của triều đình Huế đề nghị thành lập thị xã Qui Nhơn. Ngày 12.7.1899, vua Thành Thái ra đạo dụ công nhận chính thức. Ngày 30.8.1899, Toàn quyền Đông Dương là Paul Doumer ra Quyết định chuẩn y.

Theo Nghị định ngày 14.3.1900, thị xã Qui Nhơn bao gồm đất của hai làng Chánh Thành và Cẩm Thượng, thuộc huyện Tuy Phước có diện tích 7 km². Ngày 30.4.1930, Toàn quyền Đông Dương Pasquier ra Nghị định nâng cấp thị xã Qui Nhơn lên thành phố, một cơ chế quản lý mới ra đời, đứng đầu là viên Đốc lý do Công sứ Bình Định kiêm nhiệm. Ngày 01.01.1931, thành phố Qui Nhơn bao gồm 5 khu phố: khu 1 và khu 2 thuộc làng Chánh Thành, khu 3 và khu 4 thuộc làng Cẩm Thượng, khu 5 ở phía Tây thuộc đất của làng Hưng Thạnh⁽¹⁾.

Làng cổ lâu đời của trung tâm thành phố Qui Nhơn, từ thế kỷ XVIII về trước là thôn Vĩnh Khánh. Không có tư liệu nào làm sáng tỏ năm ra đời và

quá trình phát triển của thôn Vĩnh Khánh, nhưng di vật cổ xưa nhất của thôn Vĩnh Khánh là chiếc khánh của chùa Long Khánh làm năm Kỷ Mùi (1679 hoặc 1739. Theo *Lược sử tổ đình Long Khánh*, 1976, Kỷ Mùi là năm 1739)⁽²⁾.

Tên thôn Vĩnh Khánh được nhắc vào thời điểm muộn nhất vào năm 1837 trong tấm bảng gỗ ghi công đức của Đền Quan Thánh (Chùa Ông Nhiêu) số 251 Bạch Đằng, phường Quy Nhơn (phường Trần Hưng Đạo cũ): “Ấp Chánh Lộc, thôn Vĩnh Khánh, tổng Tuy Hà, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn”⁽³⁾.

Nội dung tấm bảng ghi công đức những người đóng góp xây dựng Đền Quan Thánh đã cho chúng ta biết: tại thời điểm năm 1837, ở Quy Nhơn đã hình thành đô thị thương nghiệp với nhiều hiệu buôn, nhiều chủ thuyền. Tất cả các luồng buôn đều quy tụ về đây đã tập trung một đội ngũ thương nhân đông đảo, phố chợ ra đời, đô thị được xác lập bởi chức danh Phố trưởng, viên thị trưởng lúc bấy giờ là Trần Đức Hiệp⁽⁴⁾. Phố trưởng là chức danh của một cơ chế quản lý đô thị dưới triều Nguyễn lần đầu tiên tìm thấy ở Quy Nhơn. Như vậy, vào nửa đầu thế kỷ XIX, Quy Nhơn đã xác lập đô thị với một cơ chế quản lý đặc biệt của triều Nguyễn thiết lập. Chế độ tự trị trong quản lý Nhà nước, xã hội và kinh doanh là nét nổi bật của khu đô thị này. Thị trưởng do người Việt đảm nhiệm trong bộ máy điều hành của hệ thống chính quyền địa phương. Các văn kiện về việc thành lập các quy chế hoạt động của đô thị Quy Nhơn năm 1898, 1899... là sự công nhận về mặt pháp lý.

Về thời điểm xuất hiện của tên gọi Quy Nhơn để chỉ khu đô thị này có nhiều ý kiến khác nhau: Đỗ Quyền trong *Đôi điều về lịch sử thành phố Quy Nhơn*, ghi khoảng năm 1882 - 1883; Quách Tấn trong *Nước non Bình Định*, ghi năm 1885; Phan Khoan trong sách *Việt Nam Pháp thuộc sử*, ghi năm 1886; Trần Đình Thái trong *Ai có về Quy Nhơn*, ghi năm 1887; Nguyễn Lý trong *Quy Nhơn xưa*, ghi năm 1887; Côn Giang trong *Nhân đọc bài 390 năm phủ thành Quy Nhơn*, ghi năm 1898...

Một số văn bản đương thời có địa danh Quy Nhơn xuất hiện: Sớm nhất là thư của ông Vernéville - Lãnh sự quán Pháp ở Quy Nhơn viết năm 1881 về thủ công nghiệp dệt nhiễu ở nam đã có tên Quy Nhơn⁽⁵⁾. Năm 1883, Barthe (L) viết cuốn *Quinhon et la province de Binhdin*⁽⁶⁾. Năm 1893, Jean Brien viết cuốn *De Quinhon en Cochinchine*⁽⁷⁾. Như vậy, có khả năng trước năm 1881, có thể từ năm 1876 lúc cơ quan Lãnh sự quán Pháp đóng ở Quy Nhơn để thi hành Hiệp ước năm 1874 thì tên Quy Nhơn đã xuất hiện trong các văn bản của người Pháp và muộn nhất là các năm 1881, 1883, 1893. Còn về phía Nam triều, các văn bản vẫn dùng Thị Nại đến khi có tờ trình Viện Cơ mật ngày 20.10.1998 là chính thức tên Quy Nhơn xuất hiện trong văn bản triều đình như là một đơn vị hành chính.

2. Sau Cách mạng Tháng Tám, ngày 3.9.1945, thành phố Quy Nhơn được tổ chức theo quy chế một thị xã lấy tên thị xã Nguyễn Huệ.

Tháng 6.1950, xã Phước Tấn của huyện Tuy Phước gồm các thôn: Xuân Quang, Xuân Vân, Qui Hòa được sáp nhập vào thị xã Qui Nhơn và Qui Nhơn hưởng quy chế một xã đặc biệt trực thuộc tỉnh Bình Định. Năm 1951, lại phục hồi quy chế thị xã cho Qui Nhơn và thực hiện quy chế này cho đến hết cuộc kháng chiến chống Pháp⁽⁸⁾.

Trong giai đoạn 1954 - 1975, lúc đầu Qui Nhơn hưởng cơ chế thị xã gồm có 5 khu: 1, 2, 3, 4 và 5. Nghị định số 594, Bộ Nội vụ ngày 2.10.1961 của chế độ Sài Gòn cho sáp nhập các thôn Xuân Quang, Xuân Vân, Qui Hòa vào thị xã Qui Nhơn⁽⁹⁾. Năm 1970, thị xã Qui Nhơn được chia làm hai quận: Nhơn Bình và Nhơn Định. Lúc bấy giờ, các xã Phước Hậu, Phước Lý, Phước Hải của huyện Tuy Phước được sáp nhập vào thị xã Qui Nhơn⁽¹⁰⁾.

Sau năm 1975, hợp nhất hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định thành tỉnh Nghĩa Bình, Quy Nhơn là thị xã tỉnh lỵ (Qui được viết thành Quy trong văn bản hành chính từ đây). Năm 1982, xã Nhơn Thạnh (Phước Hậu cũ) tách làm hai xã Nhơn Bình và Nhơn Phú.

3. Tháng 7.1986, Hội đồng Bộ trưởng quyết định mở rộng nâng cấp thị xã, thành lập thành phố Quy Nhơn - thành phố loại III; xã Phước Thạnh thuộc huyện Tuy Phước được sáp nhập vào thành phố đổi tên thành xã Nhơn Thạnh. Thành phố lúc đó gồm 14 phường và 4 xã, có diện tích 21.200 ha và dân số 174.076 người⁽¹¹⁾. Ngày 9.7.1987, giải thể xã Nhơn Thạnh thành lập hai phường Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu⁽¹²⁾.

Ngày 4 tháng 7 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị quyết 558 công nhận Quy Nhơn là đô thị loại II. Ngày 4 tháng 9 năm 1998, thành lập phường Lý Thường Kiệt từ một phần diện tích tự nhiên và dân số của các phường Ngô Mây, Lê Hồng Phong và Trần Phú.



Phố biển Quy Nhơn. Ảnh: Phạm Công Quý

Ngày 25 tháng 01 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 159/QĐ-TTg, chính thức công nhận thành phố Quy Nhơn là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bình Định. Sự kiện này là một dấu mốc quan trọng, ghi nhận những bước tiến vượt bậc của thành phố Quy Nhơn về kinh tế, văn hóa và hạ tầng đô thị. Việc nâng cấp thành phố Quy Nhơn lên đô thị loại I sẽ tạo tiền đề đầu tư xây dựng đô thị phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị, xây dựng và phát triển thành phố Quy Nhơn thành đô thị hiện đại, bền vững, có bản sắc riêng nhằm thực hiện tốt vai trò đô thị động lực phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Các phường nội thành gồm: Trần Hưng Đạo, Lê Hồng Phong, Lê Lợi, Hải Cảng, Trần Phú, Đống Đa, Ngô Mây, Quang Trung, Nguyễn Văn Cừ. Ngày trước, các phường trên thuộc đất các làng: Chánh Thành, Cẩm Thượng, Hưng Thạnh và Xuân Quang trong thế kỷ XIX.

Ngày 01.7.2025, hai tỉnh Gia Lai và Bình Định được sáp nhập lại thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Quy Nhơn trước đây. Dõi theo tiến trình lịch sử, sẽ thấy Quy Nhơn luôn phát triển theo chiều hướng ngày càng mở rộng, và Quy Nhơn sẽ là động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh Gia Lai cũng như khu vực Duyên hải Nam Trung bộ - Tây Nguyên.

N.T.Q

CHÚ THÍCH

1. Ủy ban Nhân dân thành phố Quy Nhơn. *Lịch sử thành phố Quy Nhơn*. Nxb Thuận Hóa, 1998, tr. 96.
2. *Lược sử tổ đình Long Khánh*, 1976, tr. 3. Chiếc khánh hiện đang lưu giữ tại chùa. Theo tài liệu *Lược sử tổ đình Long Khánh*, 1976, còn có tên ấp Vĩnh Bình, thôn Vĩnh Ly nhưng chưa có tài liệu đối chứng.
3. Bảng ghi công đức của Đền Quan Thánh (Chùa Ông Nhiêu) hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh.
4. Ủy ban Nhân dân thành phố Quy Nhơn. *Lịch sử thành phố Quy Nhơn*. Nxb Thuận Hóa, 1998, tr. 126. “*Nước Đại Nam. Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện Đại học sĩ lãnh binh Bình Phú Tổng đốc họ Võ, cùng Phò trưởng Trần Đức Hiệp, Cai trưởng Ngô Văn Phóng ở ấp Chánh Lộc, thôn Vĩnh Khánh, tổng Tuy Hà, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn...*”
5. Tài liệu Thư viện Quốc gia, ký hiệu M.6484.
6. *Revue Géographie*, Paris, 1883.
7. Imprimerie. F. Schneider, Hanoi.
8. Ủy ban Nhân dân thành phố Quy Nhơn. *Lịch sử thành phố Quy Nhơn*. Nxb Thuận Hóa, 1998, tr. 97.
9. Ủy ban Nhân dân thành phố Quy Nhơn. *Lịch sử thành phố Quy Nhơn*. Nxb Thuận Hóa, 1998, tr. 108.
10. Theo sắc lệnh số 113/SL/NV ngày 30.9.1970 của chính quyền Sài Gòn.
11. Quyết định số 81 của Hội đồng Bộ trưởng.
12. Quyết định số 52 của Hội đồng Bộ trưởng.

Mát lành giếng quê

LINH CHÂU

Có những điều bình dị ở quê nhà mà khi còn ở đó, ta chẳng bao giờ nghĩ một ngày mình sẽ thiết tha nhớ. Chỉ đến khi đi xa, giữa phố phường chật hẹp, vội vã, đôi lúc chợt nghe một âm thanh quen thuộc hay gặp một khoảng trời xanh sau mái phố, lòng ta mới bỗng chùng xuống. Khi ấy mới nhận ra, những điều tưởng như đã chìm vào quá khứ vẫn âm thầm chảy trong lòng suốt cả cuộc đời. Với tôi, một góc ký ức vẹn nguyên ấy chính là giếng làng.

Giếng làng tôi nằm ở đầu xóm, cạnh con đường nhỏ dẫn ra cánh đồng. Thành giếng xây bằng đá, qua bao năm mưa nắng đã sẫm màu, những kẽ đá mọc đầy rêu xanh. Nhìn từ trên xuống, mặt nước lúc nào cũng thăm thẳm, trong veo, soi được một khoảng trời xanh và những khuôn mặt cúi xuống. Ngày ấy chưa có nước máy, sáng sớm, khi sương còn phủ trắng ngọn cỏ, bên giếng đã vang tiếng người. Các bà, các mẹ gánh đôi thùng đến lấy nước. Người đến trước múc cho người đến sau, người trẻ giúp người già. Có hôm đông quá, những đôi quang gánh xếp thành hàng dài ven đường. Trong lúc chờ, người ta hỏi nhau chuyện mùa màng, chuyện con cái, chuyện nhà ai có đám cưới, nhà ai mới sinh em bé... Một chuyện nhỏ từ đầu làng, qua mấy gánh nước, đến cuối xóm có khi ai cũng biết.

Hồi nhỏ, có lúc tôi cũng đòi gánh nước, mẹ chỉ múc mỗi thùng lưng lưng nước. Vậy mà bước được vài chục mét, hai vai đã đau rát. Chiếc đòn tre cứ nhún lên nhún xuống theo từng bước chân, hai thùng nước sóng sánh, tràn ướt cả ống quần. Mẹ đi phía sau, vừa cười vừa nhắc: "Đi chậm thôi con!". Nhưng trẻ con vốn hiếu thắng, thấy mấy đứa bạn đi ngang lại muốn chứng tỏ mình khỏe, thế là bước nhanh hơn. Nước tràn ra ngoài gần hết. Tôi nhớ nhất những năm quê còn nghèo. Mùa hè mất điện, đêm nóng không ngủ được, người lớn thường mang chõng tre ra sân nằm hóng gió. Trăng sáng đến mức nhìn rõ cả con đường dẫn ra giếng. Thi thoảng có

tiếng bước chân, tiếng đòn gánh kéo kẹt trong đêm. Một người mẹ tranh thủ đi lấy nước khi con đã ngủ. Một người cha vừa làm đồng về muộn vẫn gánh thêm đôi thùng cho sáng mai cả nhà có nước dùng.

Những trưa hè đi đá bóng, đánh đu, bắt cua ngoài đồng về, đứa nào cũng mồ hôi nhễ nhại, ứa ra giếng, tranh nhau kéo gàu nước. Tiếng dây thùng chạy trên thành giếng rín rít, rồi “ùm” một tiếng khi chiếc gàu chạm mặt nước. Kéo lên được một gàu đầy là cả đám chuyển tay nhau uống, nước mát đến tê chân răng. Có đứa chẳng uống mà dội thẳng lên đầu. Thế là chỉ một lát, bên giếng biến thành một trận thủy chiến, nước bắn tung tóe, tiếng cười vang cả một góc xóm...

Chiều xuống, nắng xiên qua hàng tre, trải những vệt vàng trên mặt đường. Các chị, các cô ra gánh nước đông hơn, tiếng cười nói râm ran. Có những chàng trai chẳng biết nhà có thật sự hết nước hay không mà chiều nào cũng xách đôi thùng ra giếng đúng một giờ. Lũ trẻ chúng tôi tinh quái lắm, chỉ cần thấy ai cứ đứng mãi bên thành giếng, múc xong rồi chưa chịu về, mắt thỉnh thoảng nhìn về phía con ngõ nào đó là biết ngay. Có những mối duyên quê có lẽ cũng bắt đầu từ bên giếng. Một câu hỏi vu vơ: “Nhà hết nước à?”, một bàn tay giúp nhấc thùng nước lên vai, một ánh mắt nhìn theo người con gái đang gánh nước đi qua con đường nhỏ... Chỉ thế thôi mà có người nhớ cả đời.

Giếng làng cứ thế chứng kiến chúng tôi lớn lên. Những đứa trẻ ngày nào chân đất chạy quanh thành giếng giờ người thì đi học xa, người vào bộ đội, người lấy chồng sang làng khác. Có người đi rồi trở về, có người biệt biệt nhiều năm. Riêng giếng vẫn ở đó, lặng lẽ như một người già ngồi đầu làng, nhìn từng lớp người đến rồi đi.

Rồi làng quê bắt đầu thay đổi. Con đường đất được đổ bê tông. Những mái ngói cũ dần nhường chỗ cho nhà tầng. Điện sáng khắp đường làng. Nước máy được dẫn đến từng nhà. Chỉ cần xoay nhẹ chiếc vòi là nước chảy ra, chẳng ai còn phải đặt đôi thùng lên vai đi mấy trăm mét mỗi sáng. Một lần trở về quê, tôi đi bộ ra giếng. Cỏ đã mọc sát lối đi. Thành giếng được xây lại bằng xi măng, ngay ngắn hơn, chắc chắn hơn, nhưng không hiểu sao tôi cứ thấy thiếu một điều gì. Có lẽ tôi nhớ những phiến đá cũ phủ rêu. Nhớ sợi dây gàu sờn xơ. Nhớ dấu chân người trên nền đất ướt. Nhớ dáng mẹ nghiêng vai dưới đôi thùng nước. Tôi cúi xuống, mặt giếng yên lặng. Trong làn nước ấy không còn khuôn mặt đứa trẻ năm nào, thay vào đó là một người đã đi qua khá nhiều năm tháng. Bao năm rồi, tôi đã uống nước từ nhiều nơi, đã đi qua nhiều miền đất. Nhưng lạ thay, mỗi khi nhớ về quê, tôi vẫn thấy nơi đầu tiên hiện lên trong tâm trí mình là mặt nước giếng làng buổi sớm. Trong veo, yên ả. Một khoảng trời quê nằm dưới đáy nước.

Và bên thành giếng, dường như mẹ vẫn đang đứng đợi tôi trở về.

L.C

Plei Me, bản hùng ca vang mãi

Hành khúc - sôi nổi

Nhạc và lời: Nguyễn Thế Tuyên

Mùa khô năm ấy khi sương đêm vừa tan Đón bình minh lên bông hoa
dã quỳ rực vàng Đoàn quân giải phóng băng qua rừng vào chiến dịch
Đánh Mỹ trận đầu trên đất Tây Nguyên Từ đỉnh Chư
Prông quân ta tiến vào Ia Đrăng Chiến công gần liền tuổi tên Chu Huy
Mân Nguyễn Hữu An Plei Me Đức Cơ đi vào lịch sử
chống giặc ngoại xâm của dân tộc Tây Nguyên Plei
Me chiến thắng lấy lòng Plei Me chiến công anh
hùng Vì độc lập tự do ta sẵn sàng chiến đấu
Vì Tổ quốc tồn vong ta thề quyết hy sinh Plei
Me sáng mãi muôn đời Plei Me là niềm tự
hào của dân tộc Việt Nam.

Mùa thu tím

Thơ: Trâm Nhân
Nhạc: Nguyễn Ngọc Ánh

Thong thả

The musical score is written on ten staves in G major (one sharp) and 4/4 time. It features a melody with various note values including eighth, quarter, and half notes, as well as rests. The lyrics are written below the notes, with some words underlined. The piece concludes with a double bar line and the word 'Fine'.

Thu vô tình qua ngõ Gieo sầu theo cơn ngâu

Heo may đùa lối gió ru tình vào tim đau

Em về qua xóm vắng áo bay tím đường quê

Má hồng ương tơ nắng thu đan suốt tóc thề

Vàng cây xao xác lá hanh hao chiều mây giăng

Em giữ trời mùa hạ trong sắc tím bằng lăng

Ơi nàng thơ áo tím buồn vương trong mắt trong

Hoàng hôn buồn màu nhớ Giọt thu rơi mênh mông

Hoa lòng anh vẫn tím Hao khuyết cả vầng trăng

Mênh mông miền kỷ niệm một thuở tím bằng lăng

Giọt thu rơi mênh mông. *Fine*

Quy Nhơn Nam - Ghềnh Ráng tiên sa

Tình cảm - Tự hào

Nhạc và lời: Trần Ngọc Sơn

Ghềnh Ráng thi ca câu hát ngân nga, biển dạt dào ngọt ngào lời ru. Đá rêu
phong sỏi đá chưa quây chân người, Thi nhân xưa ngắm trăng gọi người thương nhớ.
Ghềnh Ráng Tiên Sa miền đất thi ca, Quy Nhơn Nam, nơi tôi yêu tôi nhớ, như sông ôm
bờ như mây ôm núi, Tiên Sa ở đâu anh gọi em.
Quy Nhơn Nam thân thương miền đất nền thơ, qua bao năm thăng
Quy Nhơn Nam quê hương miền đất tôi yêu, đã vươn lên đến
trăm gian khó. Vượt sóng trùng dương kết nối chân trời sáng tạo, những công trình rộng
lắm cao mới. Nay đã đổi thay góc phố công trình thế kỷ, nơi ước mơ tri
mở du lịch hội tụ về. Quy Nhơn Nam, nơi không chỉ
thức khoa học hội tụ về. Quy Nhơn Nam, lung linh rực
là biển xanh, mà còn là khát vọng bay cao. Để Tiên Sa không chỉ là truyền
rờ về đêm, nơi hẹn hòa lứa đôi chấp cánh. Để hôm nay không chỉ là hẹn
thuyết, mà hóa thành ngọc sáng giữa miền Trung. Ghềnh Ráng thi...
ước, mà hóa lời thề vững mãi niềm tin.
Trung. Quy Nhơn Nam biển còn xanh mãi, Quy Nhơn Nam
Tin.
mở rộng tương lai rực hồng.